



SABECO

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN



SABECO - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

**BIA
SAIGON®**
NIỀM TỰ HÀO CỦA NGƯỜI VIỆT NAM

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN**

Trụ sở chính

📍 | 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12,
Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Văn phòng giao dịch

📍 | 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

☎️ | (+84) 28 3829 4083

☎️ | (+84) 28 3829 6856

🌐 | www.sabeco.com.vn

CỘNG HƯỞNG GIÁ TRỊ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



🎯🎯 Năm 2018 sẽ là năm bản lề của SABECO trong chặng đường phát triển sắp tới, trong đó SABECO sẽ tập trung tạo ra giá trị thông qua sự cộng hưởng từ thế mạnh thương hiệu, tiềm lực tài chính vững mạnh, hệ thống sản xuất và phân phối, trình độ công nghệ kỹ thuật cùng bề dày kinh nghiệm, sự am hiểu sâu sắc thị trường Việt Nam của đội ngũ quản lý SABECO trên nền tảng gia tăng hiệu quả quản trị trên nguyên tắc minh bạch để giữ vững vị trí đứng đầu tại thị phần quốc nội và vươn tầm ra thị trường khu vực và thế giới.



Nội dung

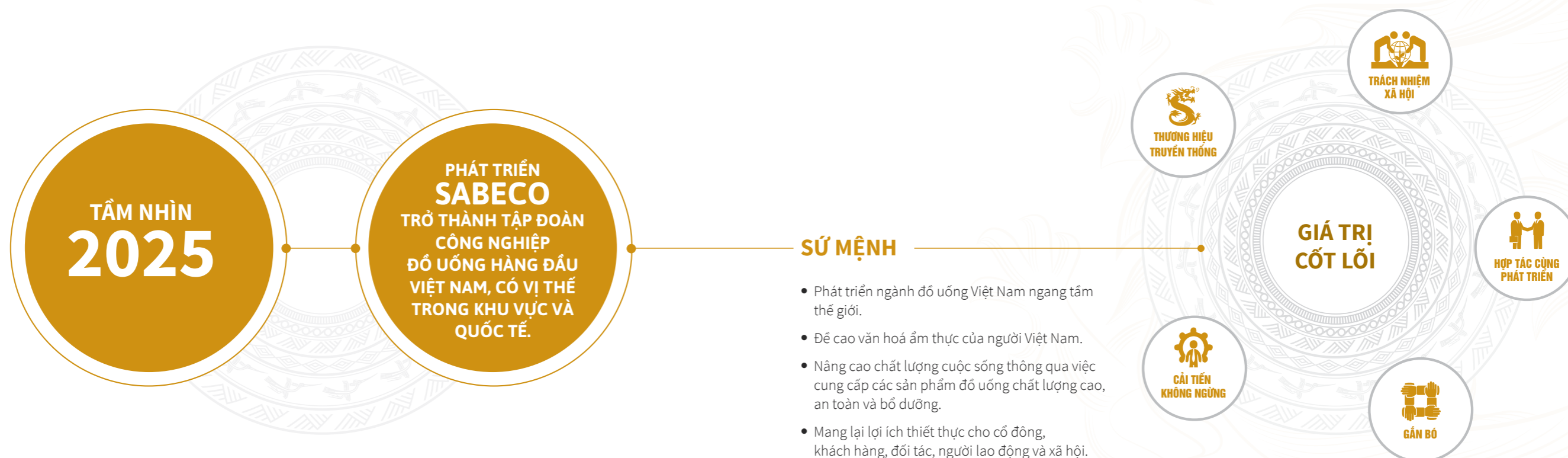
SABECO
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

SABECO NĂM 2017	04 Thông tin chung 04 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi 06 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị 08 Thông điệp của Tổng Giám đốc 10 Các chỉ số nổi bật năm 2017 12 Hoạt động và sự kiện tiêu biểu năm 2017 14 Danh hiệu và giải thưởng
GIỚI THIỆU SABECO	18 Quá trình hình thành và phát triển 20 Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động 24 Mô hình quản trị và bộ máy quản lý 26 Các công ty con, công ty liên kết, liên doanh 30 Giới thiệu Ban lãnh đạo 38 Định hướng phát triển của SABECO 40 Phân tích các rủi ro chính liên quan đến hoạt động của SABECO
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG	44 Tình hình hoạt động và Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành 56 Đánh giá của Hội đồng quản trị
QUẢN TRỊ CÔNG TY	62 Mô hình quản trị Công ty 63 Thông tin và hoạt động của Hội đồng quản trị 64 Ban Kiểm soát 66 Các giao dịch đặc thù và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát 67 Quản trị rủi ro 70 Quan hệ Cổ đông /nhà đầu tư
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	76 Giới thiệu về báo cáo phát triển bền vững 78 Các chỉ số nổi bật về phát triển bền vững 80 Mô hình và quản trị phát triển bền vững của SABECO 82 Chiến lược phát triển bền vững 86 Mối quan hệ bền vững giữa các bên liên quan 90 Hình thức tương tác với các bên liên quan 92 Các vấn đề trọng yếu liên quan đến phát triển bền vững
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	102 Thông tin về doanh nghiệp 104 Báo cáo kiểm toán độc lập 106 Bảng cân đối kế toán hợp nhất 109 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 110 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 112 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Tầm nhìn - Sứ mệnh

Giá trị cốt lõi

SABECO tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong thống lĩnh ngành Bia tại thị trường Việt Nam.



THÔNG TIN CHUNG

Tên Công ty: Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn
Tên tiếng Anh: Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation
Tên viết tắt: SABECO
Vốn điều lệ: 6.412.811.860.000 đồng
Địa chỉ: 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (+84) 28 3829 4081/ 4083/ 6342 - Fax: (+84) 28 3829 6856
Website: www.sabeco.com.vn

Giấy CNĐKKD: Số 0300583659 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/04/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18/05/2018.

Mã cổ phiếu: SAB

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát.

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị



“ Với Thaibev là đối tác chiến lược, chúng tôi mong muốn củng cố nền tảng kinh doanh của công ty nhằm gia tăng thị phần của SABECO tại thị trường nội địa, cải thiện khả năng sinh lợi và nâng cao lợi tức đầu tư cho tất cả các cổ đông.

Kính gửi Quý Cổ đông,

Ngày 29/12/2017 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong lịch sử phát triển của SABECO khi việc bán phần lớn cổ phần 53,59% vốn điều lệ SABECO của Bộ Công Thương cho Công ty TNHH Vietnam Beverage, một đơn vị do Thaibev sở hữu gián tiếp 49%, với gần 5 tỷ USD được hoàn thành. Với Thaibev là đối tác chiến lược, chúng tôi mong muốn củng cố nền tảng kinh doanh của công ty nhằm gia tăng thị phần của SABECO tại thị trường nội địa, cải thiện khả năng sinh lợi và nâng cao lợi tức đầu tư cho tất cả các cổ đông.

Tại Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 23/04/2018, ba thành viên Hội đồng quản trị mới đã được bổ nhiệm. Đó là ông Malcolm Tan, ông Sunyaluck Chaikajornwat và tôi. Cùng ngày, tôi đã vinh dự được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, kế nhiệm ông Võ Thanh Hà. Một thành viên Hội đồng quản trị khác, bà Trần Kim Nga, được bổ nhiệm tại cuộc họp Hội đồng Quản trị ngày 09/05/2018, đã nâng tổng số thành viên Hội đồng quản trị lên bảy, tuân thủ quy định tại Điều lệ công ty.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và người lao động, tôi mong muốn bày tỏ sự cảm ơn chân thành và đánh giá cao đối với nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị, ông Võ Thanh Hà, vì sự lãnh đạo và đóng góp của ông cho SABECO cũng như sự chuyên nghiệp của ông. Tôi xin chân thành cảm ơn Ban Lãnh đạo, người lao động, đối tác, nhà cung cấp và khách hàng đã ủng hộ và đóng góp cho sự lớn mạnh và phát triển của công ty để trở thành Tập đoàn đồ uống hàng đầu Việt Nam hiện nay.

Cuối cùng, tôi mong đợi được làm việc chặt chẽ với Bộ Công Thương, tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và nhân viên, đối tác và tất cả các bên liên quan để càng ngày càng phát triển SABECO nhằm đạt được tầm cao mới trong những năm tới, bởi công ty đang bước vào một giai đoạn phát triển và đổi mới.

Trân trọng,

Koh Poh Tieng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thông điệp của Tổng Giám đốc



Năm 2017, SABECO tiếp tục đầu tư lớn cho hệ thống các Nhà máy sản xuất nhằm gia tăng, ổn định chất lượng sản phẩm và tiết kiệm chi phí vận hành song song với chiến lược mở rộng mạng lưới, gia tăng năng lực hệ thống phân phối. Bên cạnh những mục tiêu tài chính, SABECO cũng luôn chú trọng gìn giữ môi trường, tích cực đồng hành cùng các hoạt động an sinh xã hội, phát triển cộng đồng cũng như nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đội ngũ cán bộ nhân viên.

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và toàn thể nhân viên

Năm 2017, GDP Việt Nam tăng trưởng ấn tượng 6,81% - mức cao nhất trong vòng 1 thập kỷ, đánh dấu kỷ lục về thu hút vốn đầu tư nước ngoài và kim ngạch thương mại (đạt 424 tỷ đô la Mỹ, tăng hơn 4 lần so với năm 2007 khi Việt Nam gia nhập WTO). Năng lực cạnh tranh, môi trường kinh doanh và chỉ số phát triển bền vững của Việt Nam đều có sự cải thiện. Kỳ vọng kinh tế tăng trưởng ổn định thúc đẩy thị trường chứng khoán tăng trưởng mạnh mẽ 46% năm 2017, mức vốn hóa thị trường đạt gần 75% GDP. Với những tiền đề và “dấu ấn thành công” trong năm 2016, SABECO tiếp tục đạt kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm 2017, qua đó thúc đẩy giá cổ phiếu tăng mạnh, đưa SABECO lọt vào Top các công ty có vốn hóa hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đây là minh chứng phản ánh rõ nhất hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh của Công ty.

NĂM 2017 - PHÁT HUY NỘI LỰC

Kinh tế tăng trưởng ổn định làm gia tăng thu nhập, sức mua, đặc biệt là từ tầng lớp trung lưu nói chung, cùng cơ cấu dân số trẻ và văn hóa uống bia hình thành, phổ biến tại Việt Nam giúp thúc đẩy mức tiêu thụ bình quân đầu người (42 lít/người/năm, thứ 3 châu Á). Theo nghiên cứu thị trường của Statista 2018, quy mô thị trường bia Việt Nam đã vượt ngưỡng tiêu thụ 4 tỷ lít, xếp thứ 9 thế giới, được dự báo duy trì mức tăng trưởng 6% giai đoạn 2016 - 2020 (Euromonitor International), trở thành tâm điểm thu hút sự tham gia và cạnh tranh của các hãng bia hàng đầu thế giới. Dù có hàng trăm cơ sở sản xuất kinh doanh bia nhưng thị trường bia Việt Nam lại có mức độ tập trung khá cao khi 4 thương hiệu bia lớn nhất chiếm đến 90% thị phần dẫn đến việc cạnh tranh khốc liệt trên tất cả các phân khúc và khu vực địa lý. Các hãng liên tục gia tăng ngân sách đầu tư cho hoạt động marketing và bán hàng do việc tiêu thụ bia phụ thuộc rất lớn vào mức độ nhận diện thương hiệu và công tác chăm sóc khách hàng.

Bên cạnh áp lực cạnh tranh gia tăng, việc thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt sản phẩm bia tăng từ 55% lên 60% và tình hình mưa, bão, thiên tai cục bộ gây thiệt hại nặng nề về người và vật chất (tổng thiệt hại ước tính lên đến 60.000 tỷ đồng, tương đương 1% GDP Việt Nam) cũng ảnh hưởng không tốt đến sức tiêu thụ và kết quả kinh doanh của SABECO vào một số thời điểm tại một số khu vực, đặc biệt là các tỉnh duyên hải miền Trung. Tuy vậy, SABECO vẫn luôn xem cạnh tranh là chất xúc tác để phát huy tối đa nội lực và tiềm năng để đạt được các mục tiêu thách thức. Với định hướng chiến lược, phương thức điều hành linh hoạt, quyết liệt cùng sự đồng lòng của tập thể cán bộ, SABECO đã vượt mọi chỉ tiêu được giao trong năm 2017. Cụ thể, tổng sản lượng bia tiêu thụ năm 2017 đạt xấp xỉ 1,8 tỷ lít, tăng 8,6% so với cùng kỳ, cao hơn mức tăng trưởng ngành giúp SABECO duy trì mức thị phần toàn ngành trên 40%. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế đạt 35.218 tỷ đồng và 4.949 tỷ đồng, đạt 102,2% và 105,2% so với kế hoạch.

Để có thành tựu này, trong năm 2017, SABECO tiếp tục đầu tư lớn cho hệ thống các Nhà máy sản xuất nhằm gia tăng, ổn định chất lượng sản phẩm và tiết kiệm chi phí vận hành song song với chiến lược mở rộng mạng lưới, gia tăng năng lực hệ thống phân phối. Bên cạnh những mục tiêu tài chính, SABECO cũng luôn chú trọng gìn giữ môi trường, tích cực đồng hành cùng các hoạt động an sinh xã hội, phát triển cộng đồng cũng như nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đội ngũ cán bộ nhân viên. Chính điều đó đã tạo nên những giá trị bền vững giúp thương hiệu Bia Sài Gòn được hàng triệu người tiêu dùng tin tưởng và ủng hộ.

NĂM 2018 - CỘNG HƯỞNG GIÁ TRỊ, TIỀN ĐỀ ĐỘT PHÁ

Ngoài những điểm nhấn về hoạt động, năm 2017 còn đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong lịch sử phát triển của SABECO khi Chính phủ và Bộ Công Thương bán thành công 53,59% vốn điều lệ cho công ty TNHH Vietnam Beverage, đơn vị thành viên của Thai Beverage Public Company Limited (ThaiBev), đóng góp 110 ngàn tỷ đồng vào ngân sách nhà nước. “Việc nhà nước thoái vốn khỏi SABECO được xem là một cú huých mạnh mẽ, tạo đà cho doanh nghiệp thêm sự chủ động, tăng cường tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành” theo Thứ trưởng Bộ Công thương Cao Quốc Hưng.

Năm 2018 sẽ là năm bản lề của SABECO trong chặng đường phát triển sắp tới, trong đó SABECO sẽ tập trung tạo ra giá trị thông qua sự cộng hưởng từ thế mạnh thương hiệu, tiềm lực tài chính vững mạnh, hệ thống sản xuất và phân phối, trình độ công nghệ kỹ thuật cùng bề dày kinh nghiệm, sự am hiểu sâu sắc thị trường Việt Nam của đội ngũ quản lý SABECO trên nền tảng gia tăng hiệu quả quản trị trên nguyên tắc minh bạch để giữ vững vị trí đứng đầu tại thị phần quốc nội và vươn tầm ra thị trường khu vực và thế giới. Ngoài ra, SABECO tiếp tục nỗ lực mang lại giá trị cao hơn cổ đông, nhà cung cấp, nhà phân phối, người tiêu dùng và cộng đồng... với mục tiêu gắn kết chặt chẽ các Bên để cùng phát triển và tăng trưởng bền vững.

Chúng ta vẫn đang tiến từng bước mạnh mẽ trong hành trình chinh phục những đỉnh cao mới và tôi tin tưởng tinh thần trách nhiệm, sự đoàn kết của tất cả hệ thống và tập thể lãnh đạo, cán bộ, nhân viên sẽ là lực đẩy giúp SABECO vươn xa. Thay mặt Ban lãnh đạo SABECO, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Cổ đông, Quý Đối tác và tập thể người lao động vì sự ủng hộ, hợp tác và gắn kết đã tiếp thêm sức mạnh to lớn cho SABECO trong việc hoàn thiện sứ mệnh trở thành Tập đoàn đồ uống hàng đầu Việt Nam và có vị thế trên thị trường quốc tế.

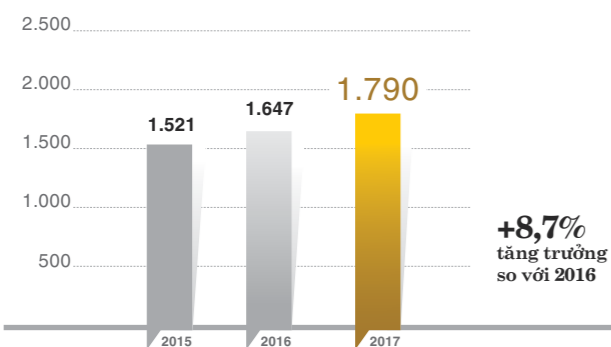
Kính chúc Quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công. Hy vọng rằng, chúng ta sẽ tiếp tục đồng hành trong chặng đường phía trước.

Trân trọng,

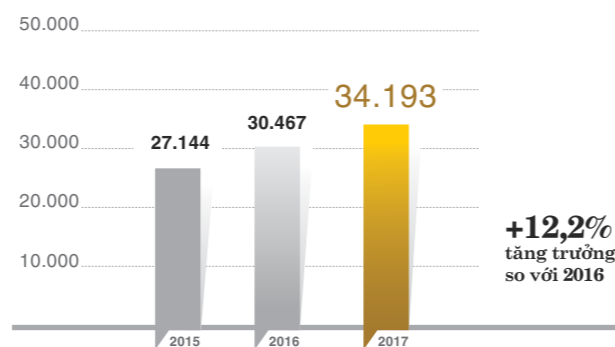
Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc

Các chỉ số nổi bật năm 2017

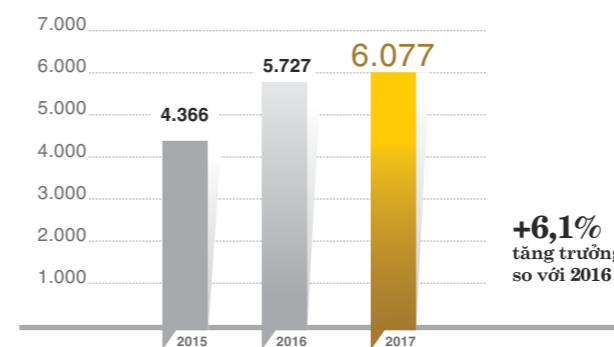
SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ BIA CÁC LOẠI (Triệu lít)



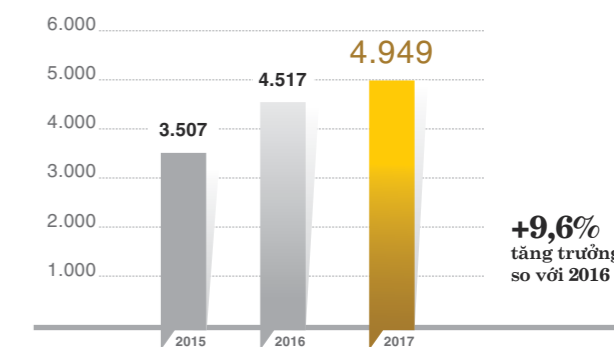
DOANH THU THUẦN (Tỷ đồng)



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tỷ đồng)



LỢI NHUẬN SAU THUẾ (Tỷ đồng)



14.421

TỶ ĐỒNG

VỐN CHỦ SỞ HỮU NĂM 2017

22.014

TỶ ĐỒNG

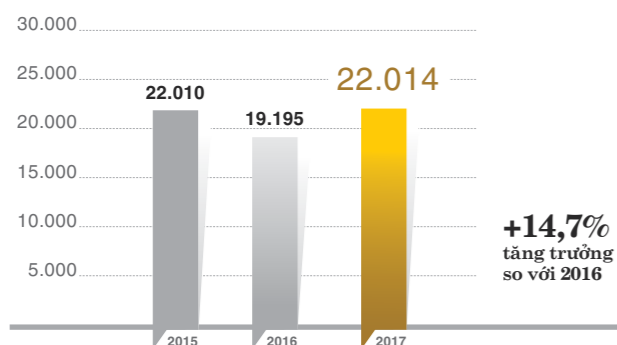
TỔNG TÀI SẢN NĂM 2017

4.949

TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2017

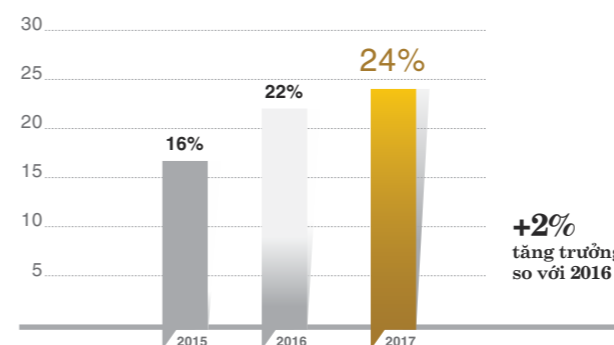
TỔNG TÀI SẢN (Tỷ đồng)



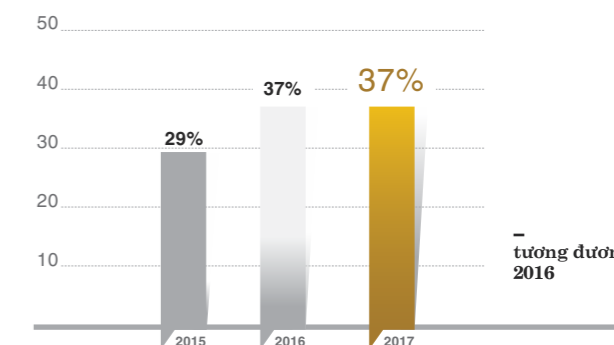
VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tỷ đồng)



TỶ SUẤT LỢI NHUẬN / TÀI SẢN BÌNH QUÂN (%)



TỶ SUẤT LỢI NHUẬN / VỐN CHỦ SỞ HỮU BÌNH QUÂN (%)



Hoạt động và sự kiện tiêu biểu năm 2017

1 CÁC SỰ KIỆN DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG, CỘNG ĐỒNG

Chuỗi Đại nhạc hội âm nhạc bãi biển: được tổ chức từ ngày 25/08/2017 tới ngày 09/09/2017 tại Đà Nẵng, Vũng Tàu và Nha Trang.



Giải bóng đá mini phong trào Cúp Bia Saigon 2017: được tổ chức tháng 11-12/2017 tại Cà Mau, Vĩnh Long, Bình Dương, Bình Định và Nha Trang.



Lễ hội Bia Saigon tại Hà Nội: được tổ chức ngày 27/11/2017 tại SVĐ Hàng Đẫy TP. Hà Nội.



Chuỗi sự kiện Chào Năm Mới tại các thành phố lớn: TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nha Trang, Nghệ An và Vũng Tàu.



2 BỔ NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC MỚI VÀO THÁNG 06/2017



3 BỘ CÔNG THƯƠNG CHUYỂN NHƯỢNG THÀNH CÔNG 53,59% VỐN TẠI SABECO



4 LỄ RA MẮT VÀ CÔNG BỐ NHÃN BIA SÀI GÒN GOLD, SẢN PHẨM BIA CAO CẤP CỦA SABECO



5 ĐẦU TƯ VÀ KHỞI CÔNG XÂY DỰNG 2 NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN TẠI TỈNH BẾN TRE VÀ LÂM ĐỒNG



Danh hiệu và giải thưởng



TOP 50 Giải thưởng
Báo cáo thường niên Việt Nam năm 2017

Chứng nhận
DOANH NGHIỆP VÌ NGƯỜI LAO ĐỘNG
của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam

Chứng nhận thuộc
TOP VN 500 Doanh nghiệp lớn nhất tại Việt Nam

SABECO lọt vào danh sách
TOP 6 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam

**5 LẦN LIÊN TIẾP ĐẠT GIẢI
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA**

lĩnh vực Thực phẩm - Đồ uống giai đoạn 2008 - 2013 chứng nhận
bởi Vietnam Value (Hội đồng Thương hiệu Quốc gia)

Bia 333 Premium Export đã vinh dự được trao

GIẢI VÀNG QUỐC TẾ AIBA 2015

tại Australia với chứng nhận là sản phẩm tốt nhất có phong cách Lager

CỜ THI ĐUA CỦA CHÍNH PHỦ

các năm 1994, 1995, 1997, 1998, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2012, 2013, 2015
và bằng khen của Thủ tướng Chính phủ các năm 2002, 2005, 2013

HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG NHẤT NĂM 2014

**HUÂN CHƯƠNG ANH HÙNG LAO ĐỘNG
THỜI KỲ ĐỔI MỚI NĂM 2018**



Chứng nhận **DOANH NGHIỆP
VÌ NGƯỜI LAO ĐỘNG**
của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam

KẾT NỐI GIÁ TRỊ CỘNG HƯỞNG



Giới thiệu SABECO

- 18 Quá trình hình thành và phát triển
- 20 Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động
- 24 Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- 26 Các công ty con, công ty liên kết, liên doanh
- 30 Giới thiệu Ban lãnh đạo
- 38 Định hướng phát triển của SABECO
- 40 Phân tích các rủi ro chính liên quan đến hoạt động của SABECO

Quá trình hình thành và phát triển

1875: Một xưởng bia nhỏ do Ông Victor Larue, một người Pháp lập ra tại Sài Gòn năm 1875

Năm 1910, xưởng phát triển thành một nhà máy hoàn chỉnh, sản xuất bia, nước ngọt và nước đá. Tháng 09/1927, nhà máy được chính thức sáp nhập vào hệ thống hãng BGI của Pháp, và năm 1977 được công ty Rượu Bia Miền Nam quản lý và được đổi tên thành Nhà máy Bia Sài Gòn, chuyển sang thời kỳ phát triển mới.



1992: Sự ra đời của Bia chai Saigon Lager

Tháng 02/1992, Nhà máy Bia Sài Gòn hoàn thành lắp đặt, đưa vào sản xuất dây chuyền chiết bia mới, công suất 30.000 chai/giờ và bắt đầu dùng két nhựa thay thế két gỗ. Kiểu dáng sản phẩm được thay đổi đa dạng hơn.

1993: Nhà máy Bia Sài Gòn trở thành Công ty Bia Sài Gòn

Nhà máy Bia Sài Gòn trở thành Công ty Bia Sài Gòn sau khi sáp nhập lần lượt các Nhà máy Nước đá Sài Gòn, Nhà máy Cơ khí Rượu Bia.

1977: Sự ra đời của Nhà máy Bia Sài Gòn

Ngày 17/05/1977, Bộ trưởng Bộ Lương thực và Thực phẩm ra quyết định số 845/LTTP giao Công ty Rượu Miền Nam tiếp nhận và quản lý toàn bộ nhà máy của hãng BGI.

Kể từ ngày 01/06/1977, Nhà máy được đổi tên thành Nhà máy Bia Sài Gòn.

1985: Sự ra đời của Bia lon 333

Tháng 10/1985, Nhà máy Bia Sài Gòn lắp đặt hệ thống chiết lon, cho ra đời sản phẩm bia lon đầu tiên ở Việt Nam.

Như vậy, từ hai sản phẩm bia chai Larue dung tích 610ml và bia chai 333 dung tích 330ml những ngày đầu tiếp quản, đến thời điểm này, Bia Sài Gòn gồm Bia chai Sài Gòn Lager, Bia chai Sài Gòn Export, Bia lon 333 và Bia chai Sài Gòn Special.

1996: Sự ra đời của Bia chai Saigon Export

Tháng 08/1996, Sản phẩm mới bia chai xuất khẩu Sài Gòn Export dung tích 355ml ra đời.

1999: Sự ra đời của Bia chai Saigon Special

Công ty Bia Sài Gòn nghiên cứu cho ra đời sản phẩm Bia chai Saigon Special.

2003: Sự thành lập của Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn

Tổng công ty Bia - Rượu - NGK Sài Gòn (SABECO) được thành lập, trên cơ sở Công ty Bia Sài Gòn và tiếp nhận các thành viên gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước giải khát Chương Dương, Nhà máy Thủy tinh Phú Thọ và Công ty Thương mại Dịch vụ Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn.

2008: Chuyển đổi thành mô hình hoạt động qua quá trình cổ phần hóa, Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn được thành lập

Cũng trong năm 2008, SABECO đón nhận danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ Đổi mới; chính thức khánh thành Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi. Đây là Nhà máy được đánh giá là hiện đại bậc nhất Đông Nam Á.

2016: Chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)



SABECO nhận Quyết định chấp thuận niêm yết của Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

2017: Thương vụ thoái vốn thành công ở SABECO của Bộ Công Thương

Bộ Công Thương chuyển nhượng thành công 53,59% cổ phần tại SABECO cho Công ty TNHH Vietnam Beverage. Bộ Công Thương vẫn nắm giữ 36% cổ phần tại SABECO.



2010

SABECO đạt mức sản lượng tiêu thụ **1** TỶ LÍT BIA

2015

SABECO long trọng kỷ niệm **140** NĂM LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2017

Ra mắt Bia **SAIGON GOLD** sản phẩm cao cấp của SABECO



Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động



Ngành nghề hoạt động chính của SABECO là sản xuất, kinh doanh bia, rượu và nước giải khát các loại.



BIA



NƯỚC GIẢI KHÁT



RƯỢU VÀ CỐN

142 năm
LỊCH SỬ NGUỒN GỐC

42 năm
XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU



VỊ THẾ THƯƠNG HIỆU

Bia Sài Gòn là thương hiệu lâu đời bậc nhất, đứng đầu ngành bia tại thị trường Việt Nam với 142 năm lịch sử nguồn gốc và hơn 42 năm xây dựng, phát triển thương hiệu. Các sản phẩm Bia Sài Gòn mang giá trị truyền thống, gắn kết với lịch sử và con người Việt Nam được các thế hệ, đông đảo người tiêu dùng biết đến và ủng hộ. Các sản phẩm Bia 333, Bia Sài Gòn Export còn đang từng bước chinh phục hàng triệu người uống bia trên thế giới, đã có mặt trên 33 nước trên thế giới và ngày càng được ưa chuộng.



HỆ THỐNG SẢN XUẤT

Bao gồm 25 Nhà máy sản xuất trải dài khắp lãnh thổ Việt Nam giúp SABECO dễ dàng tiếp cận, đưa sản phẩm một cách nhanh và hiệu quả nhất đến tay người tiêu dùng. Hệ thống sản xuất được xem là yếu tố nền tảng và là lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ. Các Nhà máy Bia Sài Gòn được đầu tư máy móc thiết bị đồng bộ với công nghệ sản xuất hiện đại, nhập khẩu từ các hãng sản xuất thiết bị chuyên dùng cho ngành bia hàng đầu thế giới tại Châu Âu như Krones AG, KSH ... được tích hợp hệ thống quản lý sản xuất tự động hóa cao, giúp giảm tiêu hao năng lượng, hỗ trợ công tác quản lý sản xuất hiệu quả. Các Nhà máy Bia Sài Gòn đều được chứng nhận đạt chuẩn ISO 9001:2008 (Hệ thống Quản lý chất lượng), ISO 14001:2004 (Hệ thống Quản lý môi trường), ISO 22000:2005 (Hệ thống Quản lý an toàn thực phẩm), và HACCP (Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn trong quá trình sản xuất).



CÔNG NGHỆ VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Xác định công nghệ, kỹ thuật là yếu tố nền tảng trong chiến lược cạnh tranh và phát triển của mình, SABECO ban hành và áp dụng quy trình sản xuất khép kín, tự động hóa cao, quản lý bởi đội ngũ kỹ thuật gồm các kỹ sư về công nghệ - thiết bị và các brewmasters (chuyên gia sản xuất bia) giàu kinh nghiệm, được đào tạo nâng cao tay nghề tại các quốc gia hàng đầu về sản xuất bia như Đức ... Bên cạnh đó, SABECO cũng ban hành và cam kết chính sách chất lượng cao nhất đối với tất cả các sản phẩm của mình, quản lý bởi hệ thống quản lý chất lượng với trang thiết bị đo kiểm hiện đại, quy trình được giám sát nghiêm ngặt từ các nguyên vật liệu đầu vào (theo các tiêu chuẩn do SABECO ban hành, nhập từ các nhà cung cấp uy tín, lớn hàng đầu thế giới và thường xuyên cập nhật theo quy định) cho đến thành phẩm đầu ra trước khi đến tay người tiêu dùng.

BIA SAIGON®
NIỀM TỰ HÀO CỦA NGƯỜI VIỆT NAM

Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động

Hệ thống

25 Nhà máy

sản xuất bia trên toàn quốc

1 Nhà máy sản xuất rượu và 1 Nhà máy sản xuất Nước giải khát.

33

Thị trường xuất khẩu trên khắp thế giới

Hệ thống phân phối, bán hàng



1 Công ty Thương mại mẹ



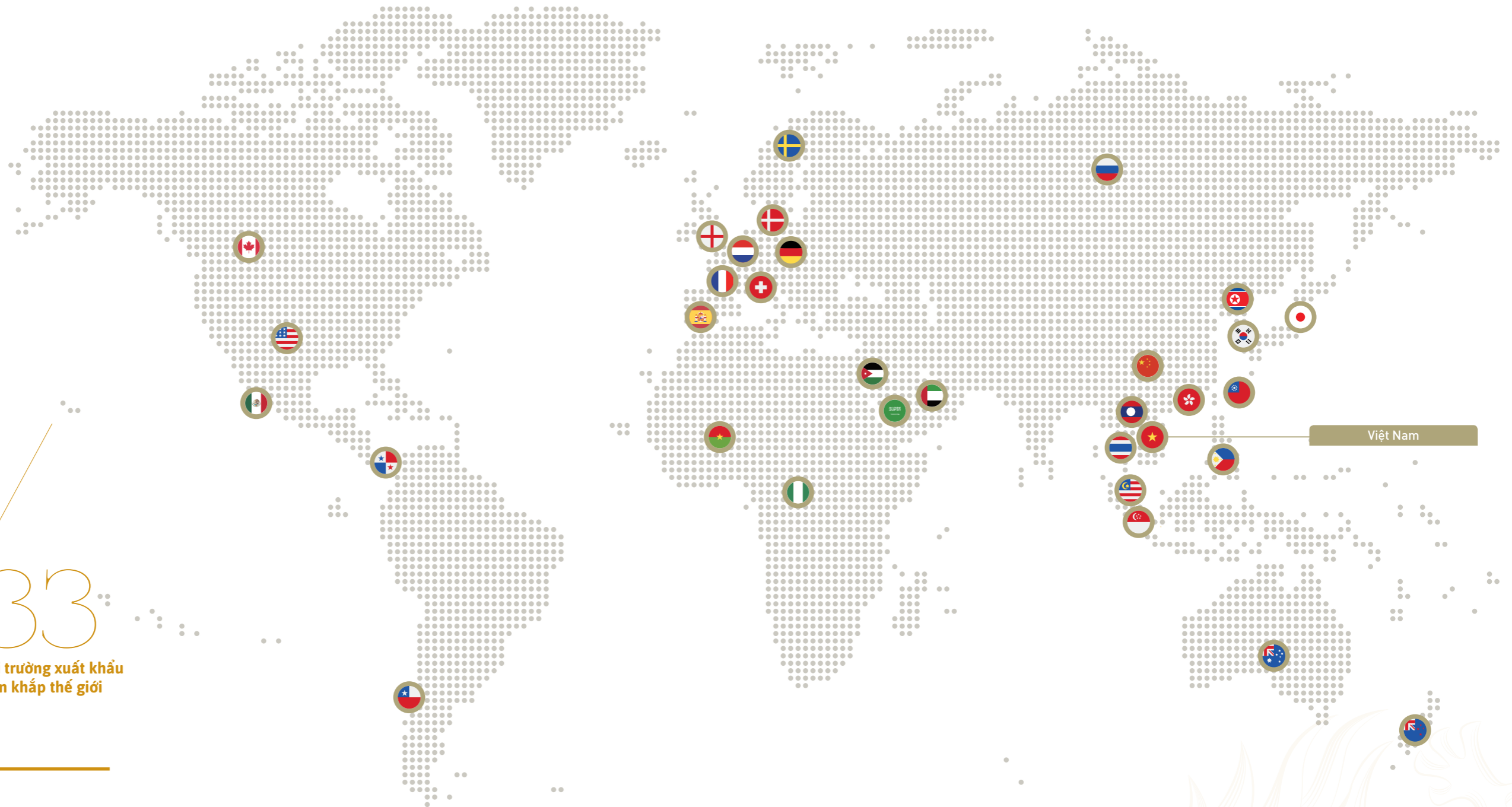
10 Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Khu vực



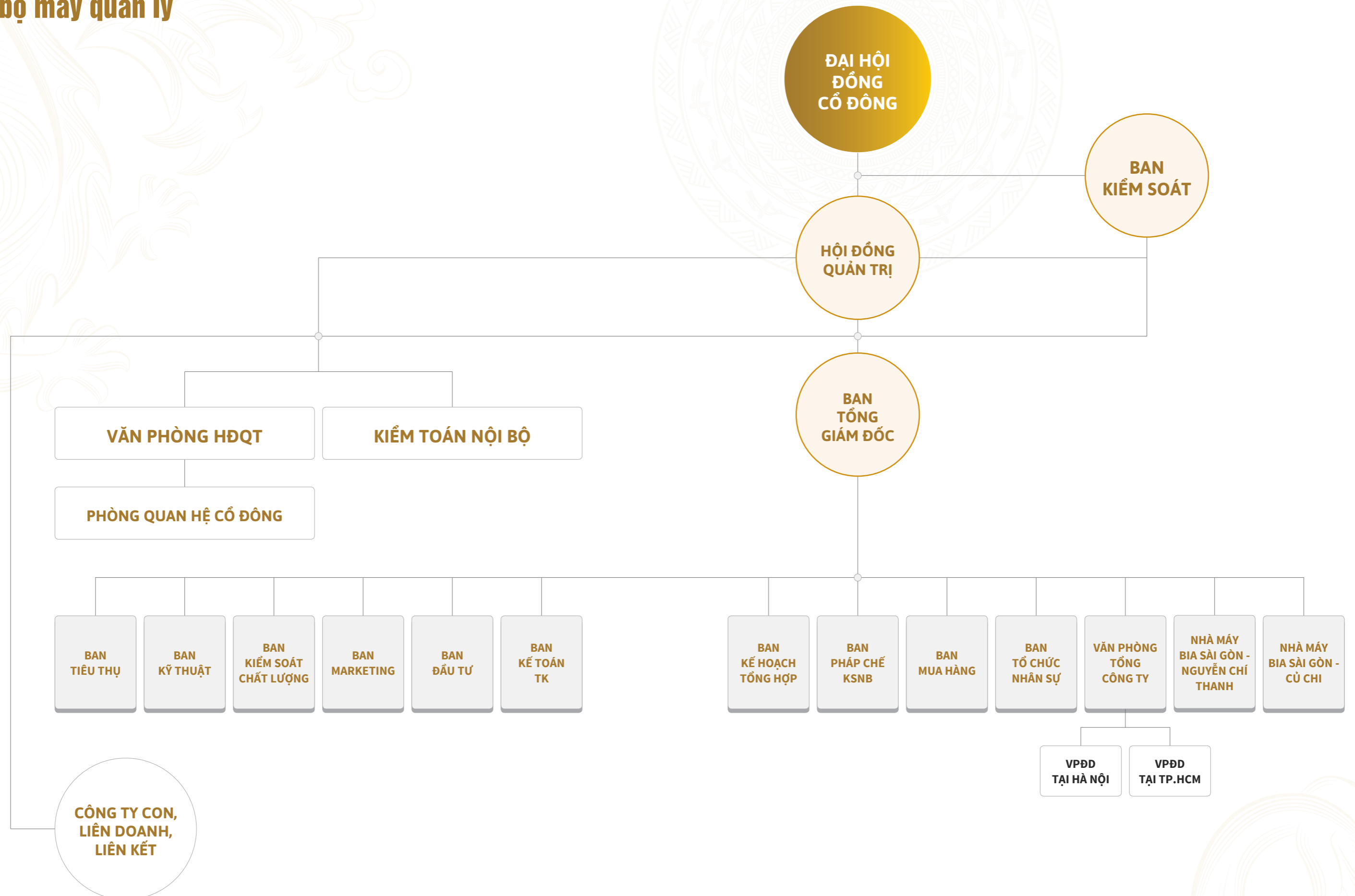
8 tổng kho phục vụ điều phối sản phẩm

33 Thị trường xuất khẩu trên khắp thế giới

Tây Phi, Lào, Pháp, Hà Lan, Triều Tiên, Đài Loan, Nhật Bản, Mỹ, Hồng Kông, Hàn Quốc, Anh, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Panama, Đức, Trung Quốc, Nga, Đan Mạch, Úc, New Zealand, Thái Lan, Philippines, Chile, Singapore, Canada, Tây Ban Nha, Campuchia, Malaysia.



Mô hình quản trị và bộ máy quản lý



Danh sách công ty con



STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực hoạt động chính	Vốn điều lệ (đồng)	Quyền sở hữu (%)
1	Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	Số 12, Đường Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM	Kinh doanh Bia	700.000.000.000	100,00
2	Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO	215 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, TP. HCM	Cơ khí	59.365.663.690	100,00
3	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Km 12, Đường tránh thành phố Hà Tĩnh, Xã Thạch Tân, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	Sản xuất và kinh doanh Bia	120.000.000.000	100,00
4	Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	KCN Nhỏ Đông Vinh, Phường Đông Vinh, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An	Kinh doanh Bia	38.841.840.000	94,92
5	Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	Lô CN 01-05 Cụm CN Ninh Hiệp, Xã Ninh Hiệp, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội	Kinh doanh Bia	39.719.500.000	94,72
6	Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	Số 12, Đường Đông Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM	Kinh doanh Bia	85.959.000.000	94,23
7	Công ty cổ phần Rượu Bình Tây	621 Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và Kinh doanh Rượu & Cồn	140.000.000.000	93,29
8	Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	Số 7, Đường số 1, KCN An Đồn, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng	Kinh doanh Bia	60.000.000.000	91,24
9	Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	Số 46/19, Đường D1, Ấp Bình Phú, Xã Bình Chuẩn, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh Bia	36.362.195.948	90,68
10	Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	Số 2A, Khu Công nghiệp Cái Lân, Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Kinh doanh Bia	40.210.000.000	90,45
11	Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	QL1, Xã Diên Phú, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Kinh doanh Bia	60.000.000.000	90,14
12	Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	Số 190, Đường Nguyễn Văn Linh, Xã Ea Tu, TP. Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh Bia	39.761.600.000	90,00
13	Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	Ấp Tân Vinh Thuận, Xã Tân Ngãi, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh Bia	36.265.364.767	90,00
14	Công ty cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	Số 1/1A, Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	Kinh doanh Bia	40.290.000.000	90,00
15	Công ty cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	KCN Tân Đông Hiệp B, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh bao bì	71.770.160.000	76,81
16	Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	Khối 1, Xã Hưng Đạo, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh Bia	450.000.000.000	68,78
17	Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Quảng Ngãi	Khu công nghiệp Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Sản xuất và kinh doanh Bia	450.000.000.000	66,56
18	Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương	606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. HCM	Sản xuất và kinh doanh Nước giải khát các loại	85.000.000.000	62,06
19	Công ty cổ phần Bia Rượu Sài Gòn - Đống Xuân	Km 09, Đường Võ Văn Kiệt, Huyện Mê Linh, TP. Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh Bia	30.000.000.000	55,83
20	Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	Số 54, Đường Phan Đăng Lưu, Phường Trường Thi, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh Bia	105.000.000.000	54,73
21	Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	A2-CN8 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh Bia	180.000.000.000	52,11
22	Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây	KCN Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	Sản xuất và kinh doanh Bia	145.000.000.000	51,00
23	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất và kinh doanh Bia	45.000.000.000	51,00

Danh sách công ty liên doanh, liên kết



STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực hoạt động chính	Vốn điều lệ (đồng)	Quyền sở hữu (%)
1	Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	621 Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6, TP. HCM	Sản xuất và kinh doanh Rượu & Cồn	65.461.973.000	45,00
2	Công ty cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Trường Sa	Lô G, 64, Đường 11, KDC Sông Đà, Khu phố 6, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP. HCM	Sản xuất và kinh doanh Lương thực thực phẩm	17.7000.000.000	38,53
3	Công ty TNHH Bao bì Sanmiguel Phú Thọ	01 Lê Văn Khương, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. HCM	Sản xuất và kinh doanh bao bì	96.002.712.000	35,00
4	Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	Số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM	Bất động sản	221.066.150.400	35,00
5	Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	01 Nguyễn Văn Linh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Sản xuất và kinh doanh Bia	298.466.480.000	32,39
6	Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	KCN Trung Hà, Xã Hồng Đà, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ	Sản xuất và kinh doanh Bia	125.000.000.000	30,52
7	Công ty TNHH Crown Sài Gòn	Xa Lộ Hà Nội, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP. HCM	Sản xuất và kinh doanh bao bì	480.632.400.000	30,04
8	Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	Phòng 11.1, Tầng 11, Tòa nhà REE, số 9, Đường Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4, TP. HCM	Sản xuất và kinh doanh bao bì	322.209.160.000	30,00
9	Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Lý	104-106, Đường Trần Phú, Phường Quang Trung, TX. Phú Lý, Tỉnh Hà Nam	Sản xuất và kinh doanh bia	164.383.000.000	29,76
10	Công ty cổ phần Đầu tư Tân Thành	66 Tân Thành, Phường 12, Quận 5, TP. HCM	Kinh doanh Bất động sản	250.013.750.000	29,00
11	Công ty cổ phần Tư vấn và chuyển giao công nghệ Thành Nam	243 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. HCM	Công nghệ	1.400.000.000	28,57
12	Công ty cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn Tây Đô	Lô 22, KCN Trà Nóc 1, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	Sản xuất và kinh doanh Bia	200.000.000.000	27,62
13	Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp công nghiệp	929-931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP. HCM	Cơ khí	35.999.480.000	26,00
14	Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	Cụm công nghiệp Diên Phú, Xã Diên Phú, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh Bia	100.000.000.000	26,00
15	Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bình Tây	Số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM	Sản xuất và kinh doanh Bia	565.762.360.000	21,43
16	Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Ấp Tân Vĩnh Thuận, Xã Tân Ngãi, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất và kinh doanh Bia	150.000.000.000	20,00
17	Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	Đường D1, D2, KCN Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang	Sản xuất và kinh doanh Bia	115.000.000.000	20,00
18	Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	Sản xuất và kinh doanh Bia	100.000.000.000	20,00
19	Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh Bia	100.000.000.000	20,00
20	Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Lô B5, KCN Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu	Sản xuất và kinh doanh Bia	80.080.000.000	10,20

Giới thiệu Ban Lãnh đạo Thành viên Hội đồng quản trị



Ông Koh Poh Tiong

Chủ tịch Hội đồng quản trị
(bổ nhiệm từ ngày 23/04/2018)
Năm sinh: 1946
Quốc tịch: Singapore

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Khoa học Đại học Singapore.

Kinh nghiệm công tác

Ông Koh hiện đang là Chủ tịch không điều hành của Yunnan Yulinquan Liquor Company Ltd, Times Publishing Ltd và Bukit Sembawang Estates Ltd. Ông cũng là Giám đốc, Cố vấn và Chủ tịch Ủy ban điều hành Fraser và Neave Limited và Giám đốc tại Great Eastern Life Assurance (Malaysia) Berhad, Great Eastern General Insurance (Malaysia) Berhad, Raffles Medical Group Ltd và SATS Ltd. Ông còn đảm nhiệm vai trò Chủ tịch của cả Tổ chức Thận Quốc gia và Phong trào nhân ái Singapore.

Ông Koh đã từng nắm giữ vị trí Chủ tịch không điều hành và không độc lập và Cố vấn cao cấp của Ezra Holdings Limited, Chủ tịch Cơ quan quản lý về vệ sinh an toàn thực phẩm và thú y, và Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Great Eastern, United Engineers Limited, Công ty Bảo tồn Động vật hoang dã Singapore Pte Ltd, Jurong Bird Park Pte Ltd và Media Corporation of Singapore Pte Ltd.

Ông cũng là Giám đốc điều hành của Fraser & Neave Limited (Food & Beverage Division) cho tới năm 2011 và là Giám đốc điều hành của Asia Pacific Breweries Ltd trong 15 năm từ 1993 đến 2008.



Ông Võ Thanh Hà

Chủ tịch Hội đồng quản trị
(miễn nhiệm từ ngày 23/04/2018)
Năm sinh: 1974
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.
Cử nhân Kinh tế đối ngoại và Cử nhân Tiếng Anh Thương mại.
Quản lý Hành chính Nhà nước chuyên viên chính.

Kinh nghiệm công tác

Hơn 20 năm kinh nghiệm công tác tại các Tổng công ty và cơ quan trực thuộc Bộ Công Thương;

Tùy viên thương mại - Thương vụ Việt Nam tại Nhật Bản (2000 - 2006);

Trưởng Chi nhánh Thương vụ Việt Nam tại Osaka - Nhật Bản (2006 - 2009);

Trưởng Phòng rồi Phó Vụ trưởng Vụ Thị trường Châu Á - Thái Bình Dương;

Phó Chánh Văn phòng Bộ Công Thương (2013 - 09/2015).

Vào tháng 10/2015, ông được phân công giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT SABECO, Đại diện Quản lý vốn Nhà nước tại SABECO với vai trò Phụ trách.



Ông Nguyễn Thành Nam

Thành viên Hội đồng quản trị (từ ngày 16/02/2017),
kiêm Tổng Giám đốc SABECO (từ ngày 12/06/2017)
Năm sinh: 1970
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Quản trị kinh doanh.
Thạc sĩ Quản lý kinh tế và Nhà nước.
Chứng chỉ chuyên ngành về Quản lý kinh tế,
Mua bán quốc tế và Quản lý bán hàng.

Kinh nghiệm công tác

Gia nhập SABECO từ năm 1991, ông có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý cung ứng và sản xuất.

Ông đảm nhận chức Phó phòng Cung ứng (2001), rồi Phó Ban Cung ứng (2006) và Trưởng Phòng Kế hoạch Cung tiêu Nhà máy Bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh (đơn vị trực thuộc và là Nhà máy hạt nhân của SABECO). Năm 2012, ông giữ chức Trưởng Ban Mua hàng.

Tháng 03/2015, ông được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Mua hàng, Sản xuất, Kiểm soát chất lượng, kiêm Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn Củ Chi.

Ngày 16/02/2017, ông được Đại hội đồng cổ đông SABECO bổ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT (kiêm Phó Tổng Giám đốc). Ông hiện cũng là Đại diện quản lý vốn Nhà nước tại SABECO.

Ngày 12/06/2017, ông được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc SABECO.



Ông Bùi Ngọc Hạnh

Thành viên Hội đồng quản trị, không tham gia điều hành
Năm sinh: 1959
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Tài chính, Kế toán công nghiệp (1991).
Chứng chỉ về Bồi dưỡng Kế toán trưởng,
Kiểm toán nội bộ chuyên nghiệp và Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm công tác

30 năm trong lĩnh vực Thực phẩm & Đồ uống (F&B).

Gia nhập SABECO năm 1988, ông đã trải qua nhiều chức vụ và các vị trí quan trọng. Phó Trưởng phòng rồi Phó Ban Tài chính Kế toán (1996 - 2006).

Từ 05/2006 - 12/2007, ông được bổ nhiệm là Thành viên Hội đồng quản trị, kiêm Trưởng Ban Kiểm soát SABECO.

Từ năm 2008 đến nay, ông giữ chức vụ Thành viên HĐQT thường trực SABECO và là Đại diện quản lý vốn Nhà nước tại SABECO.

Giới thiệu Ban Lãnh đạo Thành viên Hội đồng quản trị



Ông Nguyễn Bích Đạt

Thành viên Hội đồng quản trị, không tham gia điều hành
Năm sinh: 1950
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Đại học Thương mại (1971), Tiến sĩ Khoa học Cộng hòa Dân chủ Đức (1982), và Phó Giáo sư (1991).

Ông có nhiều năm nghiên cứu, giảng dạy và giữ chức Hiệu phó Đại học Thương mại giai đoạn 1971 - 1989.

Kinh nghiệm công tác

Ông có hơn 40 năm kinh nghiệm công tác tại cơ quan Nhà nước và doanh nghiệp:

Ông là Vụ phó Vụ Pháp chế - Ủy ban Nhà nước về hợp tác & đầu tư, rồi Vụ trưởng Vụ đầu tư nước ngoài (1993 - 1997).

Đến năm 2003, ông giữ chức Thứ trưởng Bộ Kế hoạch-Đầu tư. Sau khi nghỉ hưu năm 2011, ông được mời làm cố vấn và là Thành viên Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia.

Từ năm 2013, ông là Thành viên HĐQT SABECO, đại diện cho nhóm cổ đông nước ngoài.



Ông Sunyaluck Chaikajornwat

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
(bổ nhiệm từ ngày 23/04/2018)
Năm sinh: 1977
Quốc tịch: Thái Lan

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kỹ thuật Đại học Assumption, Bangkok, Thái Lan.

Cử nhân Luật Đại học Thammasat, Bangkok, Thái Lan.

Thạc sĩ Luật Đại học Columbia, New York, Hoa Kỳ.

Kinh nghiệm công tác

Ông Sunyaluck là thành viên hợp danh của Weewarong, Chinnavat & Peangpanor Ltd ("WCP") trong lĩnh vực sáp nhập và mua lại. Sunyaluck có hơn 17 năm kinh nghiệm tư vấn và đại diện cho khách hàng trong nhiều ngành công nghiệp, bao gồm các tập đoàn lớn, ngân hàng, tài chính, chứng khoán, bất động sản và các công ty đầu tư. Ông có chuyên môn về sáp nhập, mua lại, liên doanh, ngân hàng và tài chính ở Thái Lan và các giao dịch xuyên biên giới trên khắp Đông Nam Á.

Trước khi gia nhập WCP, ông là cộng sự của White & Case (Thailand) Ltd từ năm 2001 - 2008.



Ông Tan Tiang Hing, Malcolm

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
(bổ nhiệm từ ngày 23/04/2018)
Năm sinh: 1964
Quốc tịch: Malaysia

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Quản trị kinh doanh, Đại học Quốc gia Singapore.

Chương trình Heineken International Management Course ("HIMAC"), INSEAD.

Chương trình Advanced Management Program (AMP 177), Harvard Business School.

Kinh nghiệm công tác

Ông Malcolm là Giám đốc điều hành và là thành viên góp vốn của DXCEL International Group, một công ty chuyên về đồ uống có cồn nhập khẩu cao cấp tại thị trường Trung Quốc.

Trước đây, ông Malcolm đứng đầu các hoạt động tại Trung Quốc của Heineken với vai trò Giám đốc khu vực của Heineken-APB China ("HAPBC"). Ông đã làm việc tại Heineken và Asia Pacific Breweries Ltd ("APB") trong giai đoạn 1990 - 2015 và đã nắm giữ nhiều vai trò quản lý khác nhau tại Singapore, Papua New Guinea, Trung Quốc và Hồng Kông / Ma Cao. Trong quá trình làm việc của ông với Heineken và APB, ông cũng là một thành viên Hội đồng quản trị của Công ty đại chúng Kingway Brewery Group và Dafuhao Brewery. Là một thành viên chủ chốt trong đội ngũ quản lý cấp cao của APB (SMT), ông đã tham gia đánh giá và xây dựng chiến lược dài hạn Châu Á Thái Bình Dương của Công ty và chính sách quản trị doanh nghiệp của trong HQ.



Bà Trần Kim Nga

Thành viên Hội đồng quản trị tạm thời
(bổ nhiệm từ ngày 09/05/2018)
Năm sinh: 1961
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Ngoại ngữ.

Cử nhân Quản trị kinh doanh - Ngoại thương.

Kinh nghiệm công tác

Sau khi Mỹ dỡ bỏ lệnh cấm vận vào đầu năm 1990, bà Nga là nhân viên đầu tiên của văn phòng đại diện của Công ty Thương mại Nhật Bản tại TP. Hồ Chí Minh - C.Itoh Co., Ltd (sau đổi tên thành Itochu Corporation). Bà đã tìm hiểu các doanh nghiệp mới trong lĩnh vực dệt may, hàng hóa nói chung. Bên cạnh hoạt động thương mại, bà còn là thành viên của nhóm dự án đầu tư với các dự án thành công như dự án Isuzu Automobile Assembly, dự án bất động sản Saigon Sky Garden.

Từ năm 1996 đến nay, bà đã làm việc tận tâm để mở rộng hoạt động kinh doanh của Berli Jucker Public Company Limited ("BJC") tại Việt Nam. Bắt đầu từ một nhân viên duy nhất, BJC bây giờ đã trở thành một cái tên nổi tiếng ở Việt Nam với lĩnh vực kinh doanh thương mại hiện đại, phân phối, sản xuất bao bì và hàng tiêu dùng. Ngày nay, BJC đã có mạng lưới phân phối, chuỗi siêu thị MM Mega Market rộng khắp cả nước với 19 cửa hàng, nhà máy sản xuất chai nhôm và chai thủy tinh... Tổng vốn đầu tư của BJC tại Việt Nam đã lên tới hơn 1 tỷ USD và với hơn 8.000 nhân viên. Không chỉ mở rộng kinh doanh, bà cũng tích cực tham gia vào các hoạt động CSR của công ty như tài trợ trường học ở Tỉnh Quảng Nam và các hoạt động CRS khác của Tập đoàn.

Giới thiệu Ban Lãnh đạo Thành viên Ban Điều hành



Ông Nguyễn Thành Nam

Tổng Giám đốc SABECO (từ ngày 12/06/2017)
Năm sinh: 1970
Quốc tịch: Việt Nam

*(Vui lòng xem thông tin chi tiết
phần Giới thiệu Hội đồng quản trị trang 31)*



Ông Nguyễn Minh An

Phó Tổng Giám đốc SABECO
Năm sinh: 1973
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Tài chính Kế toán và Cử nhân Luật.
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (2006).

Kinh nghiệm công tác

Năm 2007 - 2008, ông giữ chức vụ Phó phòng Xúc tiến đầu tư,
Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Năm 2008 - 02/2015, công tác tại Công ty cổ phần Bia Sài Gòn
Bình Tây.

Từ tháng 03/2015, ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc SABECO.



Ông Lâm Du An

Phó Tổng Giám đốc SABECO
Năm sinh: 1967
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư cơ khí Đại học Bách khoa.

Kinh nghiệm công tác

Gia nhập SABECO từ những năm 90, ông giữ vai trò tổ trưởng,
phó quản đốc phân xưởng bảo trì tại nhà máy Bia Sài Gòn.
Ông là Trưởng ban Dự án nhà máy Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
(2006 - 2007), Nhà máy Bia Sài Gòn - Vĩnh Long (2007 - 2012).
Từ 2012, ông là Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn Vĩnh Long.

Hiện nay, ông là Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kỹ thuật -
Sản xuất, kiêm Giám đốc nhà máy Bia Sài Gòn Nguyễn Chí
Thanh - cái nôi phát triển và là Nhà máy hạt nhân của SABECO.



Ông Neo Gim Siong Bennett

Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 09/05/2018)
Năm sinh: 1969
Quốc tịch: Singapore

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kỹ thuật – Cơ khí và Sản xuất Đại học Nanyang,
Singapore.

Kinh nghiệm công tác

Ông Bennett có hơn 22 năm kinh nghiệm trong ngành công nghiệp
bia, dầu khí, hàng hải và chuỗi cung ứng và đã công tác ở khu vực
Châu Á, Mỹ và Anh. Vai trò cuối cùng của ông, trước khi gia nhập
SABECO, là Giám đốc điều hành ngành thực phẩm của Fraser và
Neave Limited (F&N), nơi ông chịu trách nhiệm xây dựng và thực
hiện các chiến lược kinh doanh thực phẩm của F&N. Trước khi gia
nhập F&N, ông Bennett là CEO của YCH Group, một công ty chuỗi
cung ứng châu Á, nơi ông giám sát việc phát triển và thực hiện các
chiến lược kinh doanh chính của công ty. Từ năm 2005 - 2014, ông đã
nắm giữ nhiều vị trí cấp cao trong Asia Pacific Breweries Group. Vai
trò cuối cùng của ông là Giám đốc khu vực ở Indochina, Singapore,
Heineken-Kirin Nhật Bản, Heineken Đài Loan, Tiger Global Exports
và Heineken Asia Pacific Exports. Ông Bennett bắt đầu sự nghiệp
của mình tại Esso (sau đó là ExxonMobil) với vai trò kinh doanh vào
năm 1994, và nắm giữ nhiều vị trí khác nhau ở Singapore, Hồng
Kông, Trung Quốc, Nhật Bản và Việt Nam. Trước khi chuyển sang
Asia Pacific Breweries Limited, ông là Tổng Giám đốc và thành viên
Hội đồng Quản trị của ExxonMobil Unique Company Limited có trụ
sở tại Việt Nam.

Ông tích cực tham gia vào các tổ chức từ thiện, ông thuộc Hội đồng
quản trị và Ủy ban điều hành của Quỹ thiện quốc gia Singapore
cũng như là thành viên của Ủy ban quan hệ nhà tài trợ. Ông cũng
là Chủ tịch Quỹ Trợ lý Công nhân Di cư, Đồng chủ tịch Diễn đàn
Người lao động Di cư và Chủ tịch Quỹ Phúc lợi Nhân viên Trong
nước (DEWF).

Giới thiệu Ban Lãnh đạo Thành viên Ban Điều hành



Ông Teo Hong Keng

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kế toán,
Tài chính và hỗ trợ
(bổ nhiệm từ ngày 09/05/2018)
Năm sinh: 1972
Quốc tịch: Singapore

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kế toán Đại học Nanyang,
Singapore.
Thành viên Hội Kế toán công chứng
Singapore (ISCA).

Chứng chỉ khóa INSEAD Business
School (Fountainbleu – Pháp)
- Heineken International Senior
Management Course 2015.

Kinh nghiệm công tác

Ông Teo đã có hơn 20 năm kinh nghiệm
làm việc trong lĩnh vực Tài chính Kế
toán, Thuế, Quan hệ nhà đầu tư, Công
nghệ thông tin và Mua hàng. Ông cũng
đã từng làm việc tại nhiều quốc gia và
thị trường khác nhau bao gồm kinh
doanh nội địa Singapore và xuất khẩu,
Campuchia và Malaysia.

Ông đã làm việc hơn 17 năm với Asia
Pacific Breweries/Heineken và giữ nhiều
vị trí lãnh đạo khác nhau như Giám đốc
Tài chính của Heineken Malaysia, Giám
đốc Tài chính của APB Singapore, Giám
đốc Tài chính của Cambodia Brewery
Limited và Tiger Export Pte Ltd. Ông
cũng đã từng là thành viên Hội đồng
quản trị các công ty con của Heineken
Malaysia và cũng từng là thư ký công ty
của Cambodia Brewery Limited.



Ông Melvyn Ng Kuan Ngee

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Bán hàng
(bổ nhiệm từ ngày 09/05/2018)
Năm sinh: 1969
Quốc tịch: Singapore

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh doanh, Marketing Đại
học Monash, Úc.

Kinh nghiệm công tác

Ông Melvyn có hơn 20 năm kinh nghiệm
trong ngành công nghiệp bia / đồ uống
có cồn. Trong những ngày đầu của
mình, ông được tuyển dụng bởi Moet-
Hennessy, nơi ông chịu trách nhiệm
công tác marketing cho danh mục rượu
whisky và rượu mạnh. Vào năm 2000,
Melvyn gia nhập Asia Pacific Breweries,
nơi ông đã dành hơn 15 năm làm việc.
Ông được cử đến Trung Quốc, nơi ông
sống và làm việc hơn 11 năm cho Tập
đoàn. Trong thời gian ở Trung Quốc, ông
đảm nhận nhiều vai trò trong công tác
bán hàng, tiếp thị và thương mại. Vai trò
cuối cùng của ông là Giám đốc nhà máy
bia Heineken Asia Pacific Quảng Châu.

Ông Melvyn cũng có kinh nghiệm đáng
kể trong khu vực APAC. Vai trò cuối cùng
của ông, trước khi gia nhập SABECO, là
Giám đốc Kinh doanh Khu vực Châu Á
Thái Bình Dương cho Warsteiner Beer
International KG.



Ông Nguyễn Tiến Dũng

Kế toán trưởng SABECO
Năm sinh: 1973
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế chuyên ngành
Tài chính - Tín dụng (1994).
Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng (2000).

Kinh nghiệm công tác

Ông từng có thời gian công tác 5 năm tại
Nhà máy Sữa Hà Nội trước khi gia nhập
hệ thống SABECO năm 1999.

Từ 2001 - 2004, ông giữ chức Phụ trách
Phòng rồi Trưởng phòng Tài chính -
Kế toán rồi Kế toán trưởng CTCP Rượu
Bình Tây (công ty con của SABECO).

Tháng 06/2004 - 06/2006, ông là
Phó Giám đốc rồi Giám đốc CTCP Rượu
Bình Tây.

Ông hiện đang kiêm các chức vụ Chủ
tịch HĐQT tại CTCP Bia Sài Gòn Nghệ
Tĩnh, CTCP Bia Rượu Sài Gòn Đồng Xuân
và CTCP Bia Sài Gòn Sông Lam và Chủ
tịch công ty TNHH MTV Thương mại Bia
Sài Gòn.

Từ tháng 01/2007 đến nay, ông giữ chức
vụ Kế toán trưởng SABECO.



Ông Nguyễn Văn Minh

Trưởng Ban kiểm soát (từ 08/08/2017);
Thành viên Ban Kiểm soát
(từ ngày 16/02/2017)
Năm sinh: 1970
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế (1994), Thạc sỹ Kinh tế
Trưởng Đại học Kinh tế TP. HCM.
Chứng chỉ quản lý chuyên ngành về Kế
toán trưởng, Quản lý đầu thầu, Giám
đốc tài chính (CFO) và Giám đốc điều
hành (CEO) do học viện PACE cấp.

Kinh nghiệm công tác

Ông có 6 năm công tác tại Agribank trước
khi gia nhập Bia Sài Gòn năm 2000, công
tác tại Ban Đầu tư rồi Ban Kế toán thống
kê. Tháng 07/2007, ông được bổ nhiệm
chức vụ Kế toán trưởng Nhà máy Bia Sài
Gòn Củ Chi (đơn vị trực thuộc SABECO
và là Nhà máy có quy mô lớn và hiện đại
nhất của Bia Sài Gòn).

Ngày 16/02/2017, ông được Đại hội đồng
cổ đông SABECO bổ nhiệm chức danh
Thành viên Ban Kiểm soát SABECO.

Ngày 08/08/2017, ông trở thành Trưởng
Ban Kiểm soát SABECO.

Giới thiệu Ban Lãnh đạo Thành viên Ban Kiểm soát



Ông Lý Minh Hoàng

Thành viên Ban Kiểm soát
(từ ngày 08/08/2017)
Năm sinh: 1987
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Đại học Quốc tế - Đại học Quốc
gia TP.HCM, ngành Tài chính – Kế toán.
CFA Charter Holder – Hội viên, Hiệp hội
CFA Mỹ.
ACCA Charter Holder – Hội viên, Hiệp
hội ACCA UK.

Kinh nghiệm công tác

Gia nhập SABECO, ông có hơn 7 năm
công tác với vai trò chuyên gia phân tích
tài chính và quản lý đầu tư. Năm 2016,
ông tham gia Ban Đổi mới của SABECO.
Đến tháng 01/2017, ông được bổ nhiệm
Phụ trách Phòng Quan hệ cổ đông
SABECO, sau đó là Trưởng phòng Quan
hệ cổ đông.

Ông được tín nhiệm bầu làm Thành viên
Ban Kiểm soát SABECO tại ĐHĐCĐ bất
thường lần 2 ngày 08/08/2017.

Định hướng phát triển của SABECO



Tập trung đầu tư cho ngành hàng bia, phát triển sản phẩm mới để đa dạng hóa phân khúc sản phẩm và đẩy mạnh chiến lược truyền thông thương hiệu ấn tượng, sáng tạo và phù hợp với giá trị từng vùng miền nhằm xây dựng và phát triển hình ảnh, thương hiệu Bia Sài Gòn.



Kết hợp đồng thời mục tiêu tăng trưởng sản lượng, lợi nhuận cùng với việc gia tăng năng lực cạnh tranh tổng thể của toàn bộ hệ thống kinh doanh trên cơ sở tận dụng các giá trị, sức mạnh nội tại với những lợi thế kinh doanh sẵn có, qua đó gia tăng “chất lượng và tính bền vững” của tăng trưởng.



Mở rộng quy mô hệ thống phân phối, đa dạng hóa các kênh phân phối kết hợp với việc củng cố cơ sở hạ tầng, tiến đến nâng cao năng lực và hiệu quả vận hành của hệ thống phân phối. Chú trọng phát triển thị trường nông thôn và các giải pháp gia tăng sản lượng xuất khẩu tại thị trường nước ngoài.



Tập trung nghiên cứu và nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến bao bì và tăng cường năng lực R&D nhằm phát triển và ra mắt sản phẩm mới, thỏa mãn kỳ vọng của người tiêu dùng và khẳng định vị thế thương hiệu.



Cấu trúc lại mô hình kinh doanh và cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, đồng thời áp dụng phương pháp quản trị khoa học, các công cụ quản lý, vận hành tích hợp công nghệ thông tin trên nền tảng đội ngũ nhân lực chất lượng, gắn bó nhằm gia tăng mức độ kiểm soát và hiệu quả vận hành.

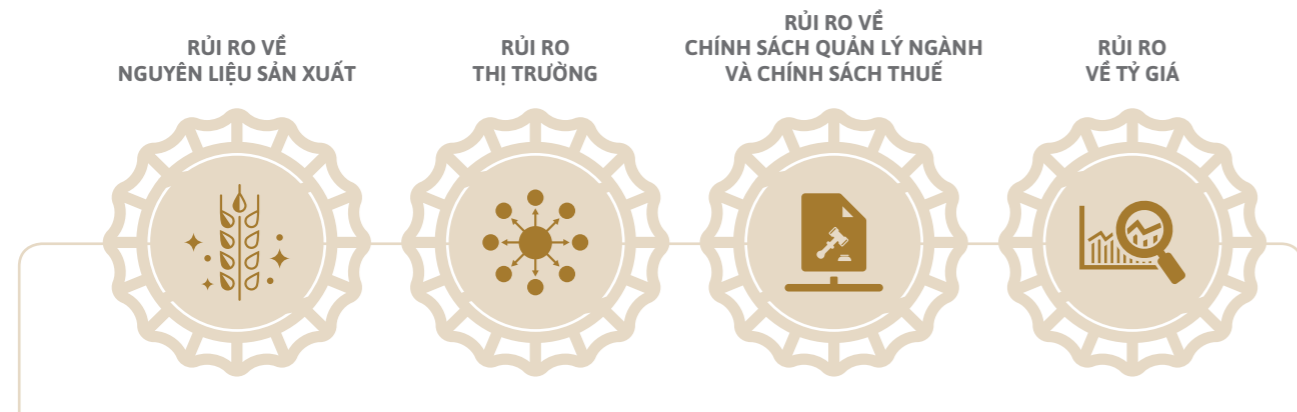


Gia tăng hiệu quả sử dụng vốn qua việc cấu trúc lại tài sản (đẩy nhanh hoạt động thoái vốn các khoản đầu tư không hiệu quả) và phân bổ, đầu tư vốn vào các ngành hàng, các khâu quan trọng theo chiến lược kinh doanh dài hạn.



Thực thi các cam kết phát triển bền vững của SABECO qua việc triển khai mô hình nhà máy sản xuất xanh, sạch và tiết kiệm năng lượng, các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng và bảo vệ môi trường.

Phân tích các rủi ro chính liên quan đến hoạt động của SABECO



Ngoài các yếu tố rủi ro chung về kinh tế vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá... và rủi ro về sự điều chỉnh các chính sách quản lý của Nhà nước.

RỦI RO VỀ NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT



Nguyên liệu phục vụ cho sản xuất của SABECO chủ yếu được nhập từ nước ngoài. Những rủi ro về thời tiết như hạn hán, lũ lụt... ảnh hưởng rất nhiều đến sản lượng nguyên liệu. Do đó, SABECO có thể sẽ gặp phải rủi ro khi nguồn nguyên liệu, giá nguyên vật liệu trên thế giới có những biến động bất thường dẫn đến khan hiếm và tăng giá nguyên vật liệu đầu vào. Theo dự báo của Hội đồng Ngũ cốc Quốc tế (International Grains Council) và Bộ Nông Nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng lúa mạch mùa vụ 2017 - 2018 sẽ giảm so với 2016 - 2017, cụ thể số liệu

của USDA dự báo sản lượng chỉ đạt khoảng 141,7 triệu tấn, thấp hơn mức 147,1 triệu tấn vụ mùa 2016 - 2017. Tuy nhiên, rủi ro này cũng được giảm nhẹ bởi khả năng dự trữ nguyên vật liệu và các mối quan hệ lâu năm với các nhà cung ứng nguyên vật liệu trong và ngoài nước của SABECO. Để hạn chế rủi ro này, SABECO một mặt tập trung lập kế hoạch cung ứng nguyên vật liệu và chủ động gia tăng khả năng dự trữ nguyên vật liệu cho toàn hệ thống. Bên cạnh đó, SABECO cũng tiến hành tiêu chuẩn hóa các loại nguyên vật liệu cho sản xuất và đa dạng hóa nhà cung cấp trên mỗi quan hệ lâu dài với các nhà cung ứng trong và ngoài nước nhằm hạn chế tối đa rủi ro cung ứng cho sản xuất. Hiện nay, các nguyên liệu chính là malt đều được mua từ các nhà cung cấp hàng đầu thế giới từ những quốc gia có nền nông nghiệp hiện đại, phát triển tại các khu vực Tây Âu (Đức, Pháp), Bắc Âu (Đan Mạch) và Châu Úc. Hoa bia thì chủ yếu là Đức và một phần từ Cộng Hòa Czech, Hoa Kỳ. Ngoài ra, SABECO cũng đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo thị trường và chủ động chốt giá các hợp đồng dài hạn, đồng thời cân nhắc các phương án bảo hiểm biến động giá cả để gia tăng hiệu quả mua hàng, giảm thiểu rủi ro biến động giá cả nguyên liệu đầu vào nhằm ổn định giá thành sản xuất.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Yếu tố tác động mạnh nhất tới rủi ro thị trường chính là sự cạnh tranh của các hãng bia, rượu có thương hiệu, tiềm lực tài chính mạnh và có nhiều kinh nghiệm của nước ngoài, đặc biệt là khi Việt Nam thực hiện điều chỉnh chính sách thuế theo cam kết khi gia nhập WTO và các Hiệp định thương mại trong thời gian tới. Mặt khác, phân khúc bia giá trung bình bị cạnh tranh rất khốc liệt từ các công ty thuộc phân khúc bia cao cấp. Thêm vào đó, một nhóm người tiêu dùng có xu hướng chuyển sang phân khúc bia cao cấp khi thu nhập bình quân tăng lên, trong khi các thương hiệu cao cấp như Heineken, Sapporo và một loạt các hãng bia lớn khác lại có xu hướng mở rộng cạnh tranh qua phân khúc phổ thông mà SABECO vốn có thế mạnh. Các điều này có thể dẫn đến tương quan cạnh tranh trong thị trường bia thay đổi. Dù đang ở vị thế



dẫn đầu thị trường Việt Nam, SABECO vẫn chuẩn bị các phương án cho rủi ro thị trường này bằng việc cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh công tác R&D để đa dạng hóa sản phẩm và gia tăng hơn nữa sức mạnh thương hiệu Bia Sài Gòn nhằm đáp ứng mức độ cạnh tranh gia tăng.

RỦI RO VỀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ VÀ CHÍNH SÁCH THUẾ

SABECO chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các chính sách của Nhà nước. Đặc biệt là thuế suất Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với rượu, bia đã có sự gia tăng theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt (năm 2014). Theo đó, thuế suất Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với rượu trên 20 độ và bia từ đầu năm 2018 là 65% (tăng 5% so với năm 2017). Do đặc thù này, các công ty sản xuất rượu, bia trong đó có SABECO sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận khi thuế suất Thuế tiêu thụ đặc biệt gia tăng. Bên cạnh đó, các dự án Luật về việc hạn chế tác hại, kinh doanh, sử dụng và tiêu thụ đồ uống có cồn nếu được ban hành trong tương lai có thể tạo ra ảnh hưởng nhất định đến kết quả kinh doanh của Công ty.



RỦI RO VỀ TỶ GIÁ

Một phần đáng kể nguyên liệu phục vụ cho sản xuất của SABECO chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài và thanh toán bằng ngoại tệ. Trong khi đó sản phẩm tiêu thụ chủ yếu ở thị trường nội địa và được thanh toán bằng Việt Nam Đồng. Do đó khi tỷ giá biến động bất lợi sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí nhập khẩu nguyên liệu sản xuất bia và lợi nhuận của SABECO. Tuy vậy, với triển vọng kinh tế vĩ mô tăng khả quan và chính sách ổn định tỷ giá đồng nội tệ (dự kiến biến động biên độ ở ngưỡng 1%/năm) được Ngân hàng Nhà nước duy trì, rủi ro tỷ giá đối với SABECO hiện nay là không đáng lo ngại.



KẾT NỐI GIÁ TRỊ GẮN KẾT



Báo cáo hoạt động

- 44 Tình hình hoạt động và Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành
- 56 Đánh giá của Hội đồng quản trị

Tình hình hoạt động và Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành



Ngành bia Việt Nam duy trì mức tăng trưởng tốt và dự báo mức tăng trưởng giai đoạn 2016 - 2020 có thể đạt 6%. Với tiềm năng phát triển to lớn, thị trường bia Việt Nam tiếp tục thu hút sự tham gia đầu tư của nhiều hãng bia hàng đầu thế giới.

PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017

Năm 2017 với xu hướng thị trường bia thế giới nói chung và Châu Á nói riêng đang có dấu hiệu chững lại và sụt giảm thì thị trường bia Việt Nam vẫn tiếp tục phát triển ổn định, Việt Nam là nước duy nhất tăng trưởng 15 năm liên tiếp và đứng đầu thế giới về tốc độ tăng trưởng. Theo đánh

giá của các tổ chức nghiên cứu thì nền kinh tế Việt Nam thuộc nhóm phát triển nhanh, thu nhập đầu người ngày càng tăng, đặc biệt là tầng lớp trung lưu, tốc độ đô thị hóa nhanh, dân số trẻ chiếm 60%. Đây là những nhân tố giúp thị trường bia Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục phát triển mạnh trong những năm tới. Hiện nay, Việt Nam xếp thứ 9 trong Top 10 nước sản xuất bia hàng đầu thế giới và vẫn đứng vị trí số 1 về tiêu thụ bia trong các nước Asean và thứ 3 Châu Á xét về mức tiêu thụ bình quân đầu người hơn 42 lít/người/năm. Giai đoạn 2015 trở lại đây, dù không còn duy trì mức tăng trưởng 2 chữ số ấn tượng, Ngành bia Việt Nam vẫn duy trì mức tăng trưởng tốt và dự báo mức tăng trưởng giai đoạn 2016 - 2020 có thể đạt 6%. Với tiềm năng phát triển to lớn, thị trường bia Việt Nam tiếp tục thu hút sự tham gia đầu tư của nhiều hãng bia hàng đầu thế giới.

Trong năm 2017, ngoài việc đối mặt với sự thay đổi của chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt thì SABECO còn phải chịu sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt của các nhãn bia đối thủ, đặc biệt là các hãng bia nước ngoài với tiềm lực tài chính rất mạnh và kinh nghiệm thị trường lâu năm.



Tổng doanh thu hợp nhất năm 2017

35.218

Tỷ đồng vượt 2,2% so với kế hoạch, tăng 11,2% so với cùng kỳ 2016

Nhận thức được những khó khăn đó, SABECO đã đề ra nhiều quyết sách và các giải pháp đồng bộ nhằm vượt qua thách thức và hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông 2017 giao. Cụ thể, tổng doanh thu hợp nhất năm 2017 đạt 35.218 tỷ đồng, đạt 102,2% kế hoạch, tăng 11,2% so với cùng kỳ; lợi nhuận trước thuế và sau thuế đạt tương ứng là 6.077 tỷ đồng và 4.949 tỷ đồng, tăng tương ứng 6,1% và 9,6% so với cùng kỳ.

Ngoài ra, cần kể đến sự tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường xuất khẩu khi sản lượng bia xuất khẩu năm 2017 đạt 28,6 triệu lít, tăng gấp 4 lần so với kế hoạch và cùng kỳ, đạt giá trị 15,3 triệu đô la Mỹ.

STT	Chi tiêu	ĐVT	TH 2016	KH 2017	TH 2017	So sánh TH 2017			
						TH 2016		TH 2017	
						+;-	%	+;-	%
1	Sản lượng tiêu thụ								
	Bia các loại		1.647	1.703	1.790	143	108,7	87	105,1
	Bia Sài Gòn		1.590	1.664	1.731	141	108,9	67	104,0
	Rượu	Triệu lít	1,19	0,95	0,90	(0)	75,6	(0)	95,1
	Cồn		1,84	1,81	2,38	1	129,2	1	131,8
	Nước giải khát		37,78	38,89	29,29	(8)	77,5	(10)	75,3
2	Tổng doanh thu		31.662	34.471	35.218	3.556	111,2	747	102,2
3	Lợi nhuận trước thuế		5.727	5.719	6.077	350	106,1	358	106,3
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4.517	4.703	4.949	431	109,6	246	105,2
5	Nộp ngân sách		8.782	9.262	9.743	961	110,9	481	105,2
6	Tỷ suất LNST/VDL	%	70%	73%	77%				
7	Tỷ lệ chia cổ tức		30%	35%	35%				



Sản lượng bia xuất khẩu năm 2017

28,6

Triệu lít tăng gấp 4 lần so với kế hoạch và cùng kỳ 2016, đạt giá trị 15,3 triệu đô la Mỹ

Năm 2017, sản lượng tiêu thụ nước giải khát các loại (chủ yếu là nước giải khát có gas) giảm mạnh 22,5% so với cùng kỳ, và chỉ đạt 75,3% kế hoạch, nguyên nhân là do áp lực cạnh tranh từ các "đại gia" trong ngành nước giải khát như Pepsi, Coca-cola, Tân Hiệp Phát... Với tiềm lực tài chính mạnh mẽ, các công ty này đã thường xuyên đưa ra chiến lược cạnh tranh giảm giá bán và khuyến mãi sản phẩm. Bên cạnh đó, sự thay đổi thị hiếu của người tiêu dùng qua sử dụng các sản phẩm nước giải khát không gas và sản phẩm dinh dưỡng cũng đã làm ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ của sản phẩm chủ lực là nước sá xị có gas.

Với chiến lược bán hàng thay đổi và phát triển các kênh tiêu thụ mới đã giúp cho sản phẩm cồn có sự tăng trưởng mạnh trong năm 2017, đạt 2,4 triệu lít, tăng 29% so với năm 2016. Trong khi ngành hàng rượu của SABECO tiếp tục giảm do mặt hàng rượu nói chung gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ các chính sách quản lý Nhà nước hạn chế sản xuất, tiêu dùng, quảng cáo tiếp thị và kiểm soát hàng nhái, hàng giả (dán tem) làm gia tăng chi phí sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong khi vấp phải sự cạnh tranh mạnh mẽ của các thương hiệu rượu ngoại và rượu truyền thống tại các thị trường nông thôn, chưa kể ảnh hưởng từ việc xu thế tiêu dùng bia thay cho rượu ngày càng thịnh hành, ngay cả tại thị trường nông thôn và một số vùng miền mà rượu từng khá phổ biến và chiếm ưu thế.

Tình hình hoạt động và Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành

Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của SABECO trong năm 2017 như sau:

SẢN LƯỢNG VÀ DOANH THU

Sản lượng tiêu thụ năm 2017 đạt 1,79 tỷ lít bia các loại, tăng trưởng 8,7% so với cùng kỳ. Doanh thu thuần bán hàng đạt 34.193 tỷ đồng, tăng trưởng 12% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu tăng chủ yếu nhờ gia tăng sản lượng tiêu thụ và một phần đến từ việc điều chỉnh giá bán sản phẩm (ASP) để bù đắp chi phí hoạt động gia tăng và chi phí thuế tiêu thụ đặc biệt tăng do việc điều chỉnh thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt thêm 5% trong năm.

- **Nhu cầu và sức mua người tiêu dùng:** Nhu cầu và sức mua của người tiêu dùng đối với sản phẩm bia vẫn tiếp tục tăng lên. Mức tiêu thụ bia bình quân đầu người ở Việt Nam năm 2017 đạt hơn 42 lít/người/năm, tuy nhiên vẫn còn thấp so với các nước trên thế giới. Mặc dù xu hướng thế giới đang có dấu hiệu chững lại, ngành bia Việt Nam được

dự báo vẫn đang trong thời kỳ tăng trưởng ổn định với tốc độ 6,0%/năm cho giai đoạn 2016 - 2020. Tăng trưởng sản lượng bia tiêu thụ của SABECO đạt 8,6% so với sản lượng năm 2016, tốt hơn mức tăng dự báo của thị trường chung.

- **Xuất khẩu:** Bên cạnh thị trường trong nước, trong năm 2017, SABECO có sự tăng trưởng mạnh mẽ sản lượng xuất khẩu, khi sản lượng bia xuất khẩu đạt 28,6 triệu lít, chiếm 1,6% tổng sản lượng tiêu thụ SABECO, trong đó khu vực Tây Phi có tốc độ và dư địa tăng trưởng cao nhất.

LỢI NHUẬN GỘP

Năm 2017, tỷ suất lợi nhuận gộp ngành hàng bia của SABECO có sự giảm nhẹ từ mức 29,5% xuống 28,4% do giá một số loại nguyên vật liệu, bao bì tăng và đáng kể nhất là chi phí thuế tiêu thụ đặc biệt trong năm tăng mạnh (ước tính làm giảm 800 tỷ đồng doanh thu bán hàng trước thuế tiêu thụ đặc biệt).



CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ BIÊN LỢI NHUẬN THUẦN

Cạnh tranh là động lực giúp toàn ngành phát triển nhưng cũng là yếu tố ảnh hưởng đến mức biên lợi nhuận của SABECO do phải gia tăng đầu tư cho hoạt động marketing và bán hàng để cạnh tranh với các đối thủ. Năm 2017, tổng chi phí bán hàng và quản lý của SABECO là 3.747 tỷ đồng, chiếm gần 10,9% doanh thu và tăng 9% so với mức chi cùng kỳ. Tính riêng chi phí bán hàng, năm 2017 ghi nhận mức chi 2.811 tỷ đồng, (trong đó chủ yếu là chi phí marketing - quảng cáo, tiếp thị và lương đội ngũ nhân viên bán hàng), tăng 139 tỷ so với cùng kỳ, nhưng tỉ lệ chi phí này tính trên doanh thu lại giảm từ 8,8% năm 2016 còn 8,2% nhờ tốc độ tăng doanh thu cao hơn chi phí.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 6.062 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ nhưng biên lợi nhuận thuần năm 2017 giảm nhẹ so với cùng kỳ, đạt 18% do lợi nhuận hoạt động tài chính giảm khi không còn khoản thu nhập bất thường từ việc thoái vốn các đầu tư ngoài ngành như năm 2016.

Tình hình hoạt động và Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (CHỈ TIÊU HỢP NHẤT)

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	ĐVT	2016	2017
Chỉ tiêu tăng trưởng			
Tổng doanh thu		13	11
Doanh thu thuần		12	12
Lợi nhuận gộp		9	9
Lợi nhuận trước thuế	%	31	6
Lợi nhuận sau thuế		29	10
Tổng tài sản		-13	15
Vốn chủ sở hữu		2	17
Chỉ tiêu hiệu quả và phân tích Dupont			
Biên lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần (Gross margin)		27	26
Biên LNNT và lãi vay (EBIT margin)	%	19	18
Biên LNST/Doanh thu thuần (ROS)		15	14
Vòng quay tổng tài sản (Asset turnover)	Lần (x)	1,5	1,7
Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	%	22	24
Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu (Đòn bẩy)	Lần (x)	1,7	1,5
Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	37	37
Khả năng hoạt động			
Số ngày phải thu		7	4
Số ngày tồn kho	Ngày	33	30
Số ngày phải trả		29	29
Vòng quay tổng tài sản		1,5	1,7
Vòng quay tài sản cố định	Lần (x)	5,4	6,5
Khả năng thanh toán			
Thanh toán tiền mặt		1,0	1,2
Khả năng thanh toán nhanh	Lần (x)	1,2	1,4
Khả năng thanh toán ngắn hạn		1,5	1,7
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ vay/Tổng nguồn vốn	%	7	5
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu		12	7
Tổng tài sản / Vốn chủ sở hữu	Lần (x)	1,7	1,5
Khả năng thanh toán lãi vay		71	145

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tại thời điểm 31/12/2017, tổng tài sản ghi nhận là 22.014 tỷ đồng, bằng 115% so với cùng kỳ, chủ yếu là do tăng nguồn tiền mặt từ hoạt động kinh doanh. Với kết quả kinh doanh khả quan và công tác quản trị dòng tiền tốt đã giúp Công ty tăng thêm gần 3.000 tỷ đồng (bao gồm cả tiền mặt và tiền gửi ngân hàng). Thuế và các khoản phải thu nhà nước giảm mạnh hơn 670 tỷ do cuối năm 2016 Công ty ghi nhận nộp dư thuế thu nhập doanh nghiệp và khoản thuế này được căn trừ với thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm. Tài sản dài hạn của Công ty giảm nhẹ, trong đó giá trị tài sản cố định hữu hình giảm 466 tỷ đồng do chi phí đầu tư (CAPEX) không đáng kể khi hoạt động sản xuất tại các nhà máy đang ở trong giai đoạn ổn định, không có đầu tư lớn, trong khi khoản mục đầu tư tài chính dài hạn ghi nhận tăng 193 tỷ đồng, chủ yếu là khoản vốn đầu tư tại 2 công ty Bia Sài Gòn - Bến Tre và Bia Sài Gòn - Lâm Đồng...

Chỉ số tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (ROA) tăng mạnh tương ứng từ 22,2% năm 2016 lên 24% năm 2017 chủ yếu nhờ cải thiện vòng quay tài sản tăng từ 1,49 lần lên 1,66 lần. Tuy nhiên do tốc độ tăng vốn chủ sở hữu bình quân nhanh hơn tốc độ tăng tổng tài sản bình quân làm tỷ lệ đòn bẩy tài chính của SABECO giảm từ 1,7 lần năm 2016 xuống còn 1,54 lần của năm 2017 và chỉ số tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (ROE) ở mức tương đương năm 2016 (37%).

Bên cạnh đó, với chính sách bán hàng nhất quán và sự linh hoạt, chủ động trong việc điều phối hoạt động sản xuất - tiêu thụ đã giúp các chỉ số số ngày phải thu và hàng tồn kho của Công ty đều có sự cải thiện đáng kể so với năm 2016, lần lượt ở mức 4 ngày và 30 ngày.



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tại thời điểm 31/12/2017, tổng nợ phải trả lãi vay của Công ty là 725 tỷ đồng, tiếp tục giảm 482 tỷ so với cùng kỳ năm 2016, chủ yếu là do giảm nợ vay ngắn hạn 319 tỷ và nợ vay dài hạn chỉ còn lại 1,9 tỷ so với khoản nợ 164 tỷ cuối năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu là một phần các khoản nợ vay dài hạn đã chuyển sang nợ vay ngắn hạn do đến kỳ thanh toán trong năm, đồng thời Công ty cũng đã chủ động chuyển đổi một phần nợ vay dài hạn với lãi suất cao sang vay ngắn hạn với lãi suất thấp hơn để giảm bớt chi phí tài chính. Các khoản vay ngắn hạn hiện nay chủ yếu cho hoạt động mua bán nguyên vật liệu trong hệ thống các nhà máy sản xuất và bổ sung vốn lưu động. Công ty cũng đang ghi nhận khoản nợ cổ tức phải chi trả cho cổ đông hơn 1.443 tỷ đã làm tăng khoản mục phải trả ngắn hạn khác lên 2.630 tỷ, cao gấp đôi so với thời điểm cuối năm 2016.



Hệ số nợ vay trên vốn chủ sở hữu là 7%, thấp hơn so với mức 12% của năm 2016 cũng như các chỉ số thanh toán từ 1,2 lần đến 1,7 lần cho thấy độ an toàn về tài chính cao của Công ty, cũng như tiềm năng huy động vốn để mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh trong tương lai.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Tại thời điểm 31/12/2017, SABECO có 3 công ty con chiếm tỷ lệ sở hữu 100% vốn, 23 công ty con chiếm tỷ lệ sở hữu trên 51% vốn và 20 công ty liên doanh, liên kết.

Với việc sản lượng tiêu thụ SABECO tăng trưởng tốt trong năm 2017, các công ty con, liên kết, liên doanh của SABECO hoạt động trong lĩnh vực chính (sản xuất, tiêu thụ bia) và ngành nghề phụ trợ trực tiếp (bao bì, vận tải, cơ khí) nhìn chung đều đạt kết quả kinh doanh khả quan, tăng trưởng so với năm 2016, qua đó đóng góp vào kết quả hoạt động chung và gia tăng hiệu lợi nhuận, hiệu quả sử dụng vốn của SABECO. Bên cạnh đó, các công ty liên doanh, liên kết hoạt động hiệu quả ở các lĩnh vực khác nhau như ngân hàng, bảo hiểm, du lịch, thủy điện... cũng đã góp phần gia tăng lợi nhuận cho SABECO. Năm 2017, lợi nhuận ghi nhận từ công ty liên doanh, liên kết đạt 412 tỷ, tăng 35% so với mức 306 tỷ của năm 2016.

Với chủ trương nâng cao hiệu quả kinh doanh, tập trung vốn đầu tư vào ngành nghề kinh doanh chính, SABECO đã và đang tích cực triển khai thực hiện thoái vốn tại các khoản đầu tư ngoài ngành và các khoản đầu tư không mang lại hiệu quả theo chủ trương thoái vốn của Chính phủ và Bộ Công Thương nhằm tối đa hóa tỷ suất lợi nhuận cho cổ đông. Đến cuối năm 2017, SABECO đã thoái vốn hoàn toàn phần vốn góp tại NH TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam và thu hồi được 1 phần vốn góp tại Quỹ đầu tư Việt Nam. Các khoản đầu tư tài chính ngoài ngành còn lại vẫn trong giai đoạn thực hiện. Tuy nhiên, việc thoái vốn các khoản đầu tư này vẫn gặp nhiều khó khăn.

Tình hình hoạt động và Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành

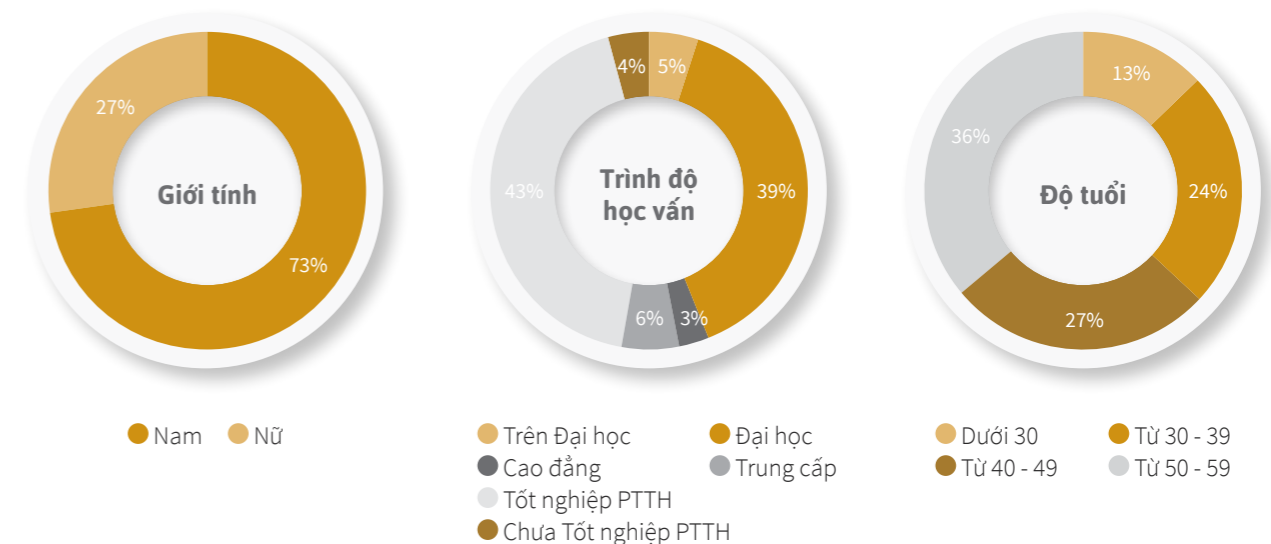
TỔ CHỨC NHÂN SỰ VÀ NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

TỔ CHỨC NHÂN SỰ: Danh sách Ban Điều hành SABECO trong năm 2017 gồm:

STT	Tên cá nhân	Chức vụ tại SABECO	Công ty có vốn góp SABECO	Chức vụ được giao
1	Ông Nguyễn Thành Nam	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 12/06/2017)	Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây	Đại diện QLV, CT HĐQT
			Công ty CP Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	Đại diện QLV, CT HĐQT
			Công ty CP vận tải và giao nhận Bia Sài Gòn	Đại diện QLV
2	Ông Nguyễn Minh An	Phó Tổng Giám đốc	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Chủ tịch HĐQT
			Công ty CP Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	Đại diện QLV, CT HĐQT
			Công ty CP Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Đại diện QLV, TV HĐQT
3	Ông Lâm Du An	Phó Tổng Giám đốc	Công ty CP Bia Sài Gòn - Hà Nội	PT BP QLV, CT HĐQT
			Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO	Chủ tịch HĐQT
			Công ty CP Bia Sài Gòn Nghệ Tĩnh	Chủ tịch HĐQT
4	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Kế toán trưởng	Công ty CP Bia Rượu Sài Gòn Đồng Xuân	Chủ tịch HĐQT
			Công ty CP Bia Sài Gòn Sông Lam	Chủ tịch HĐQT
			Công ty TNHH MTV Thương mại BSG	Chủ tịch HĐQT



CƠ CẤU LAO ĐỘNG CÔNG TY MẸ



TÓM TẮT CÁC THAY ĐỔI VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Để khắc phục những hạn chế xảy ra trong quá trình sản xuất kinh doanh, đồng thời điều chỉnh cơ cấu tổ chức phù hợp với tình hình thực tế và chiến lược phát triển, SABECO đã có sự điều chỉnh, thay đổi về cơ cấu tổ chức:

- Tháng 04/2017, đổi tên Cơ quan đại diện SABECO tại phía Bắc thành Văn phòng đại diện tại Hà Nội và thành lập mới Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tháng 05/2017, tách Phòng Quản lý thiết bị, công nghệ và phát triển sản phẩm mới ra thành 02 phòng: Phòng Quản lý thiết bị-Công nghệ; Phòng Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.

- Tháng 10/2017, thành lập Ban Tiêu thụ để chuyển chức năng bán hàng, điều vận và hỗ trợ bán hàng từ Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn về SABECO thực hiện nhằm đảm bảo tính rõ ràng, nhịp nhàng trong việc điều vận, bán hàng.
- Tháng 12/2017, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Ban Kế hoạch-Tổng hợp, trong đó Thành lập Phòng Quản lý các đơn vị sản xuất nhằm đảm bảo công tác giám sát quá trình sản xuất Bia Sài Gòn tại các đơn vị sản xuất sản phẩm mang thương hiệu Bia Sài Gòn có tính hệ thống và xuyên suốt trong mối quan hệ giữa SABECO - Đơn vị hợp tác sản xuất - Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn.

Tổng số lao động toàn hệ thống SABECO

8.395

LAO ĐỘNG

(theo BCTC Hợp nhất kiểm toán 2017) trong đó Công ty mẹ là 845 người



Tình hình hoạt động và Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành

KẾ HOẠCH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2018



TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH BIA NĂM 2018

Năm 2018, Chính phủ tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ, tài khóa theo hướng linh hoạt, chặt chẽ nhằm ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát ở mức 4% và duy trì tăng trưởng GDP ở mức 6,7%. Song song với đó là việc theo đuổi một loạt các giải pháp đồng bộ, mang tính dài hạn như: tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp luật; cải thiện môi trường kinh doanh và hành chính; quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả tài sản công, nợ công, đẩy mạnh xử lý nợ xấu, lành mạnh hệ thống ngân hàng, thị trường tài chính, thị trường Bất động sản, duy trì mặt bằng lãi suất thấp và các biện pháp thu hút, huy động vốn cho nền kinh tế, mở rộng hội nhập với kinh tế thế giới thông qua các hiệp định thương mại lớn hứa hẹn sẽ đem đến sức bật cho kinh tế Việt Nam năm 2018.

“ Tình hình thị trường bia được dự báo tiếp tục phát triển ổn định trong giai đoạn tiếp theo do yếu tố thu nhập tăng và dân số trẻ của Việt Nam.

Tình hình hoạt động và Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành

CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

Trong bối cảnh thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, các công ty bia nước ngoài mở rộng hoạt động sản xuất và gia tăng quảng bá thương hiệu, hỗ trợ bán hàng để gia tăng thị phần vì vậy tạo áp lực rất lớn đối với SABECO trong việc giữ vững thị phần và lợi nhuận, đặc biệt là trong năm 2018 khi thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt điều chỉnh tăng từ 60% lên 65%. Trên cơ sở đó, với phương châm “Thương mại là mặt trận hàng đầu, Kỹ thuật công nghệ là nền tảng, Quản trị là quyết định”, SABECO tiếp tục thực hiện những công việc đã triển khai hiệu quả trong năm 2017 đồng thời triển khai các nhóm công việc sau:

CÔNG TÁC MARKETING, BÁN HÀNG - ĐIỀU VẬN

- Định vị sản phẩm theo thị trường và chiến lược phát triển thị trường dài hạn. Cấu trúc hệ thống phân phối hướng đến việc kiểm soát theo kênh và từng phân khúc sản phẩm. Chú trọng phát triển thị trường nông thôn và đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu.
- Đầu tư mạnh cho truyền thông, định vị rõ ràng cho từng nhãn, thực hiện chương trình nhãn theo mùa, vụ, dịp lễ, vùng trọng tâm.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường, R&D để đa dạng hóa sản phẩm, trong đó năm 2018 sẽ thâm nhập phân khúc cao cấp và các phân khúc đáp ứng xu hướng giới trẻ.
- Quy hoạch kho, xây dựng bản đồ vận tải và từng bước tối ưu hoá hoạt động vận tải, tập trung quản trị vận tải vượt tuyến; đa dạng hoá các phương thức vận tải, đảm bảo cung cấp đủ hàng vào các dịp cao điểm.
- Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC - NHÂN SỰ VÀ TÁI CẤU TRÚC

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, điều chỉnh các bộ phận chuyên môn theo hướng tinh gọn bộ máy nhằm tiết kiệm chi phí, tăng hiệu quả quản lý.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo mang tính định hướng, tăng cường các khóa học về kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm cho đối tượng được quy hoạch và các khóa học nghiệp vụ chuyên sâu đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh ngày càng phát triển của SABECO.

CÔNG TÁC CUNG ỨNG, KỸ THUẬT - SẢN XUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG

- Tiến hành kiểm tra, giám sát trong quá trình cung ứng, điều chỉnh kế hoạch cung cấp kịp thời khi SABECO điều chỉnh kế hoạch và phối hợp với các đơn vị trong và ngoài hệ thống nhằm đảm bảo đúng kế hoạch, kịp thời cho sản xuất năm 2018.
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào nhằm hạn chế tối đa nguyên vật liệu không phù hợp trước khi đưa vào sản xuất.
- Tập trung theo dõi sát và phân tích tình hình thị trường để mua nguyên vật liệu vào những thời điểm phù hợp và đảm bảo an ninh cho sản xuất năm 2018.
- Xác định chất lượng là yếu tố hàng đầu và nhiệm vụ quan trọng là ổn định chất lượng và đảm bảo sự đồng đều về chất lượng trong cả hệ thống và thực hiện theo định hướng phát triển của SABECO.
- Nghiên cứu, ứng dụng các loại nguyên vật liệu mới trong sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm và kéo dài vòng đời sản phẩm.
- Hoàn thiện việc xây dựng hệ thống quản lý phòng kiểm nghiệm đạt chuẩn ISO 17025: 2005.

CÔNG TÁC KẾ HOẠCH, TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, ĐẦU TƯ

- Quản lý dòng tiền: ban hành chính sách hàng gửi kho, chính sách quản lý bao bì chai kết, công nợ hàng đi trên đường nhằm khai thác tối đa và sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính hiện có tại SABECO và các công ty thành viên.
- Công tác quản trị chi phí bán hàng: xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với từng vùng miền, đảm bảo cân đối chi phí hợp lý cho các công ty khu vực.
- Tiếp tục rà soát và kiểm tra chặt chẽ các chi phí tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, cấu trúc lại danh mục các khoản chi phí, điều chỉnh chi phí kế hoạch phù hợp với tình hình SXKD của các nhà máy, SATRACO và các công ty thương mại khu vực.
- Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư và các hạng mục sửa chữa xây dựng cơ bản theo kế hoạch 2017, 2018 được Hội đồng quản trị phê duyệt.

CÁC CÔNG TÁC KHÁC

- Tiếp tục thực hiện công tác bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo hộ lao động, công tác phòng chống cháy nổ, công tác dân quân tự vệ và an ninh quốc phòng.
- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách, chăm lo đời sống vật chất tinh thần đối với người lao động để người lao động yên tâm làm việc, gắn bó xây dựng SABECO.
- Thực hiện trách nhiệm với xã hội thông qua các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xoá đói giảm nghèo, hỗ trợ đồng bào bị thiên tai, chương trình vì biển đảo quê hương và các chương trình an sinh xã hội khác.

Đánh giá của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Với sự điều hành quyết liệt, bám sát diễn biến thị trường cùng một loạt giải pháp hỗ trợ, đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ, SABECO đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao trong năm 2017.

Năm 2017 có nhiều biến động đối với ngành bia nói chung và SABECO nói riêng với cả thuận lợi và những khó khăn.

- Tình hình kinh tế Việt Nam tăng trưởng ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thu nhập bình quân tăng và sức cầu nền kinh tế gia tăng là động lực thúc đẩy, ổn định tiêu dùng và tạo tăng trưởng tốt tại các thị trường nông thôn nơi Bia Sài Gòn có các sản phẩm định vị phù hợp và hệ thống phân phối phủ rộng.
- Tình hình giá cả một số loại nguyên vật liệu chính như malt, houblon và nhôm giảm và ổn định ở mức thấp giúp SABECO giảm chi phí, giá thành sản xuất.

- Nhằm gia tăng giá trị cho người tiêu dùng, SABECO đã không ngừng cải tiến, nâng cao công nghệ kỹ thuật, công tác kiểm soát nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm. Đồng thời, SABECO không ngừng đầu tư cho hoạt động marketing để nâng cao hình ảnh và giá trị thương hiệu trong chiến lược phát triển bền vững dài hạn.
- Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt tăng 5% tạo áp lực đáng kể đến chỉ tiêu lợi nhuận của SABECO trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt các hãng bia nước ngoài với nguồn lực tài chính mạnh, không ngừng đầu tư tăng công suất, chi tiền cho quảng cáo, tiếp thị để tiếp cận thị trường, người tiêu dùng và gia tăng thị phần.
- Kế hoạch sản xuất được điều chỉnh để phù hợp với tình hình thị trường, tạo áp lực lên việc cân đối, dự trữ nguyên vật liệu đầu vào và hoạt động sản xuất của các đơn vị.
- Hoạt động kinh doanh nước giải khát, rượu còn gặp nhiều khó khăn ở khâu tiêu thụ, tình hình kho bãi và máy móc thiết bị lạc hậu, chưa được đầu tư tương xứng, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh chung của Tập đoàn.

Dù vậy, với sự điều hành quyết liệt, bám sát diễn biến thị trường cùng một loạt giải pháp hỗ trợ, đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ, SABECO đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao trong năm 2017, cụ thể:

Sản lượng bia tiêu thụ năm 2017 đạt

1.790

TRIỆU LÍT

↑ 8,7% so với cùng kỳ và ↑ 5,1% so với kế hoạch

Tổng doanh thu đạt

35.218

TỶ ĐỒNG

↑ 11,2% so với cùng kỳ và đạt 102,2% so với kế hoạch

Lợi nhuận sau thuế đạt

4.949

TỶ ĐỒNG

↑ 9,6% so với cùng kỳ và ↑ 5,2% so với kế hoạch 2017. Tỷ lệ cổ tức thực hiện đạt 35%

Nộp ngân sách đạt

9.743

TỶ ĐỒNG

↑ 5,2% so với kế hoạch 2017

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2017

Trong năm 2017, để chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn hệ thống SABECO, HĐQT đã tổ chức 12 phiên họp trực tiếp để triển khai các nội dung công việc quan trọng làm cơ sở giúp Ban điều hành SABECO thực hiện hoàn

thành kế hoạch kinh doanh của năm 2017. Ngoài các phiên họp thường kỳ, HĐQT cũng đã thông qua các Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để chỉ đạo kịp thời, hiệu quả các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Do quy mô hoạt động của SABECO ngày càng được mở rộng, hoạt động kinh doanh thường xuyên phải điều chỉnh để phù hợp với tình hình thị trường và những biến động của môi trường kinh tế, do vậy, đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền xem xét của HĐQT, các thành viên HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, phát huy năng lực lãnh đạo vì sự phát triển bền vững của Công ty và lợi ích của cổ đông SABECO.

- Đối với các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã được thông qua, hàng tháng đều được giám sát tiến độ triển khai và báo cáo kết quả thực hiện trong các phiên họp giao ban của Ban điều hành hoặc thông qua các phiên họp trao đổi, làm việc trực tiếp giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành.



Đánh giá của Hội đồng Quản trị

Kết quả chỉ đạo, giám sát các mặt hoạt động của SABECO trong năm 2017 thể hiện qua các lĩnh vực như sau:

HOẠT ĐỘNG MARKETING, BÁN HÀNG - ĐIỀU VẬN, TIÊU THỤ



- Tập trung cho công tác xây dựng chiến lược thương hiệu, marketing và phát triển đa dạng các phân khúc sản phẩm đảm bảo phát triển bền vững.
- Thực hiện các chương trình, sự kiện cho người tiêu dùng để phù hợp với xu hướng thị trường, đảm bảo cạnh tranh với đối thủ. Các chương trình tổ chức sự kiện gắn liền với thông điệp trách nhiệm cộng đồng và các thông điệp định vị nhân.
- Đảm bảo các mục tiêu về doanh số, độ phủ, hiện diện hình ảnh sản phẩm tại các kênh phân phối và nơi tiêu dùng sản phẩm.
- Thực hiện điều tiết hợp lý giữa tiêu thụ và sản xuất, giảm khối lượng vận chuyển về kho trung chuyển, giảm mức tồn kho tại các kho và tổng kho thương mại.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ CHUỖI CUNG ỨNG

- Cung ứng đầy đủ, kịp thời các nguyên vật liệu và bao bì cho các nhà máy sản xuất trong hệ thống SABECO, không để xảy ra tình trạng thiếu nguyên liệu sản xuất và bao bì.
- Tổ chức duy trì việc ký hợp đồng dài hạn mua malt và houblon trong 03 năm nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả cho sản xuất theo đúng quy định SABECO.

- Thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, máy móc thiết bị, nâng cao trình độ năng lực kinh nghiệm cho đội ngũ CBNV tại các nhà máy trong hệ thống đảm bảo mục tiêu chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Quản lý hoạt động thí nghiệm, phân tích bia tại các phòng kiểm nghiệm chất lượng trong hệ thống SABECO, xây dựng, biên soạn tài liệu, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý phòng thử nghiệm ISO 17025:2005.
- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, nguyên vật liệu mới để nâng cao chất lượng sản phẩm. Tăng cường và áp dụng sâu rộng ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý tài sản và kỹ thuật, liên tục cập nhật công nghệ mới trong sản xuất. Các quy trình hoạt động của nhà máy luôn đảm bảo các vấn đề sức khỏe, môi trường và phát triển bền vững.

LĨNH VỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

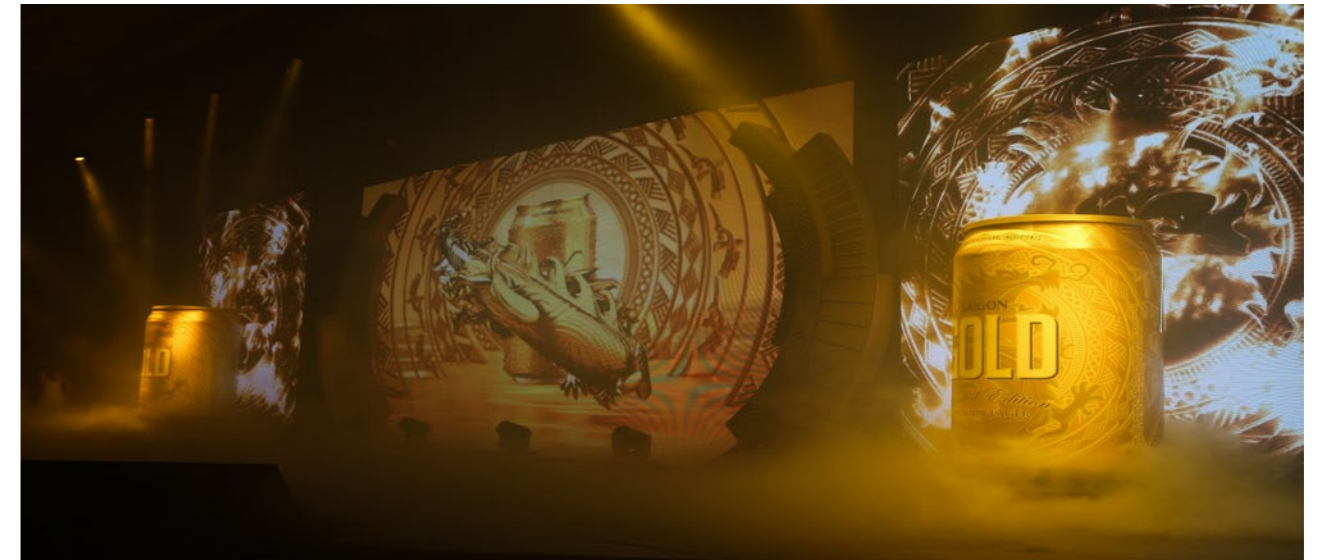
- Công tác thoái vốn: Tư vấn cho Hội đồng quản trị chọn đơn vị tư vấn để lập lộ trình và xây dựng phương án thoái vốn, tuyển chọn tư vấn thoái vốn. Đến thời điểm hiện tại đã hoàn thành công tác thoái vốn, mang lại nguồn thu lớn cho ngân sách Nhà nước.

HOÀN THIỆN MÔ HÌNH TỔ CHỨC - KIẾN TOÀN CÔNG TÁC NHÂN SỰ

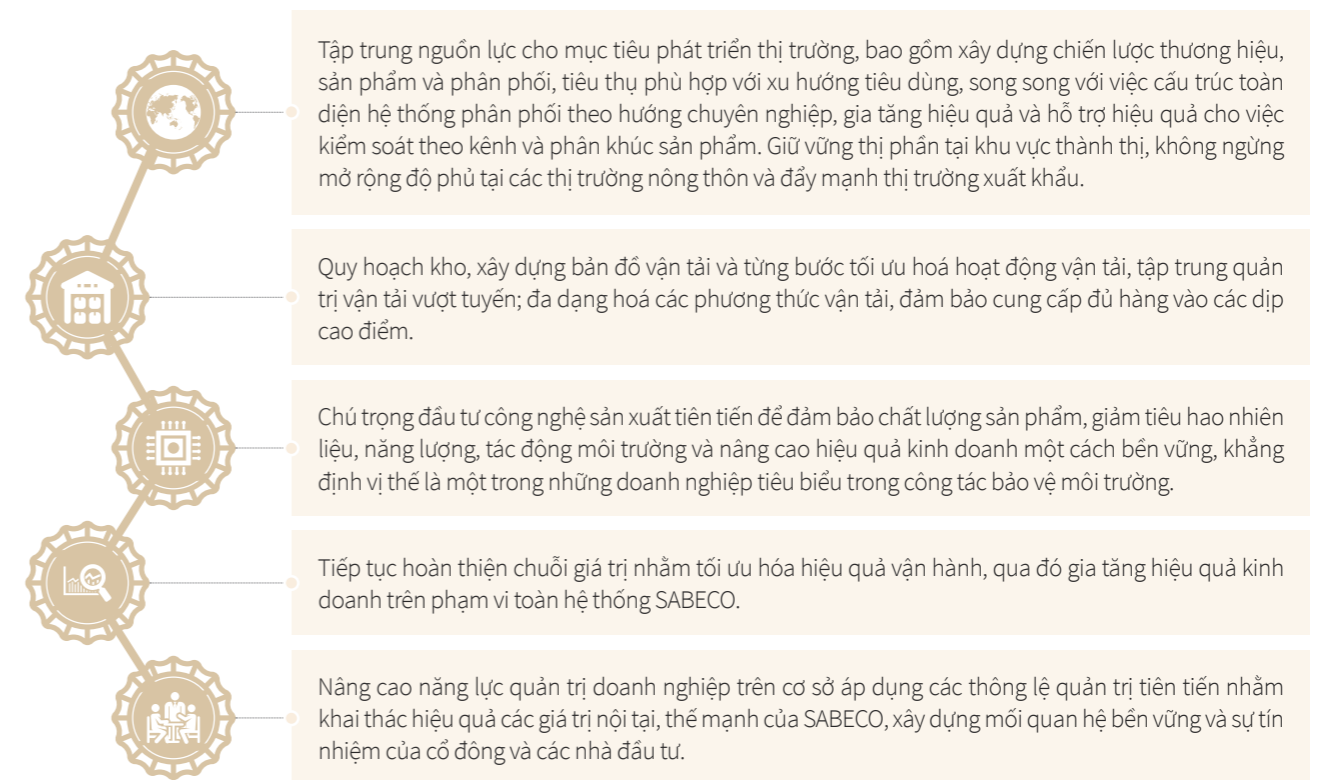


- rà soát chức năng nhiệm vụ của các bộ phận thuộc Tổng Công ty, công ty con, chuẩn hóa các bản mô tả công việc nhằm đánh giá đúng năng lực nhân viên cũng như xây dựng kế hoạch hành động dựa trên kết quả đánh giá.
- Sắp xếp, điều chỉnh các bộ phận chuyên môn nhằm tinh gọn bộ máy và phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nhận thức rõ những cơ hội và thách thức phía trước, HĐQT đã định hướng các nhiệm vụ quan trọng trong năm 2018 để tạo động lực cho tiến trình phát triển dài hạn của SABECO:



KẾT NỐI GIÁ TRỊ HỘI TỰ



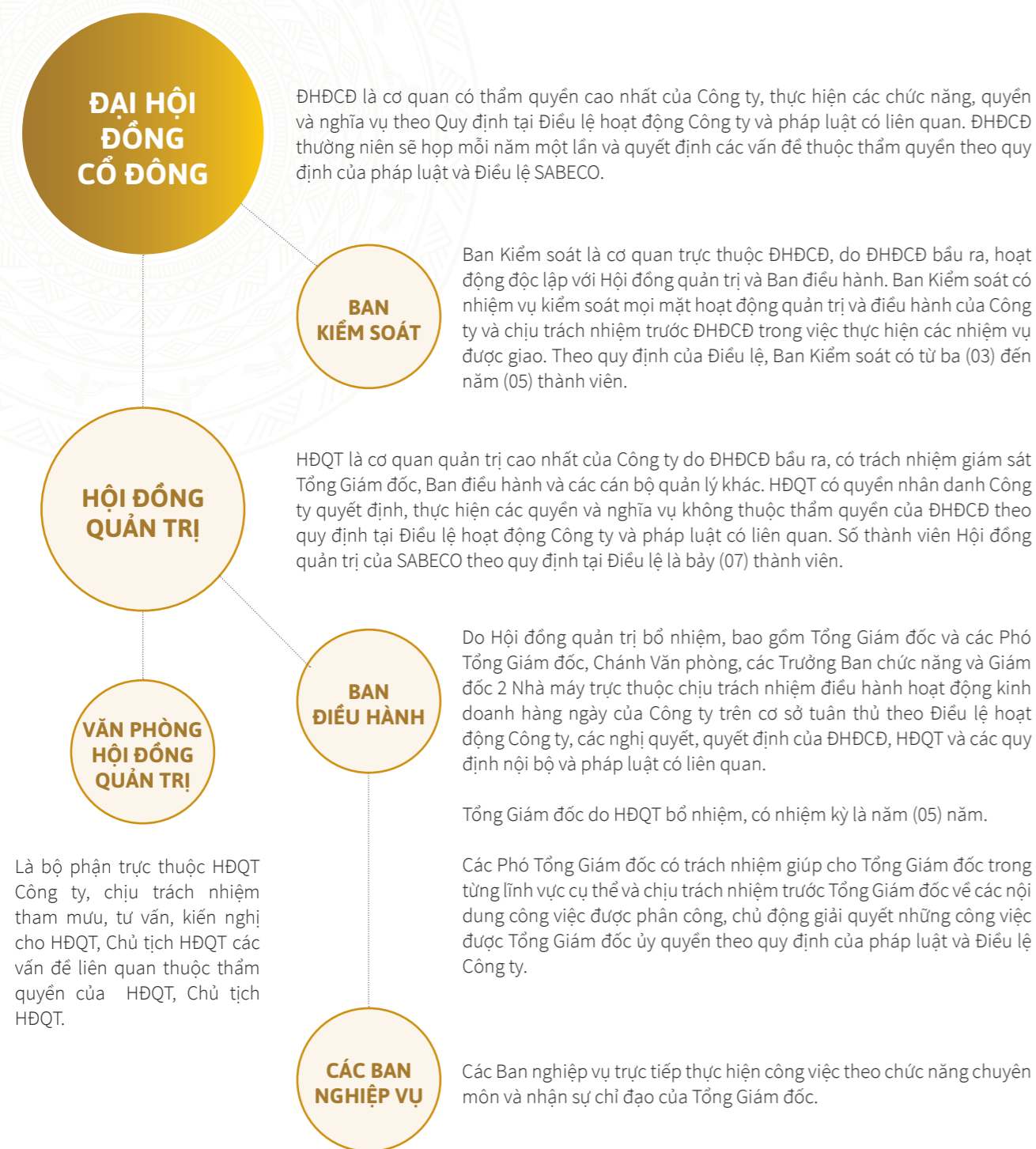
Quản trị công ty

- 62 Mô hình quản trị Công ty
- 63 Thông tin và hoạt động của Hội đồng quản trị
- 64 Ban Kiểm soát
- 66 Các giao dịch đặc thù và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát
- 67 Quản trị rủi ro
- 70 Quan hệ Cổ đông /nhà đầu tư

Mô hình quản trị Công ty

Thông tin & hoạt động của Hội đồng quản trị

Cơ cấu tổ chức quản trị của Công ty như sau:



Cơ cấu thành viên HDQT SABECO (tại thời điểm 31/12/2017)

STT	Tên cá nhân	Chức vụ	Công ty có vốn góp SABECO	Chức vụ đảm nhận
1	Ông Võ Thanh Hà	Chủ tịch	Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	Đại diện QLV, TV HDQT
			Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	Đại diện QLV, CT HDQT
2	Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 16/02/2017)	Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây	Đại diện QLV, CT HDQT
			Công ty CP Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	Đại diện QLV, CT HDQT
3	Ông Bùi Ngọc Hạnh	Thành viên	Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung	PT bộ phận QLV, CT HDQT
			Công ty CP Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	PT bộ phận QLV-CT HDQT
4	Ông Nguyễn Bích Đạt	Thành viên	Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	PT bộ phận QLV-CT HDQT
			Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung	TV. HDQT
			Công ty CP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô	TV. HDQT

HOẠT ĐỘNG CỦA HDQT: Số lượng các cuộc họp của HDQT trong năm 2017: 12 cuộc họp, cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự	Ghi chú
1	Ông Võ Thanh Hà	Chủ tịch HDQT	12/12	100%		
2	Ông Nguyễn Thành Nam	TV HDQT	10/10	100%		Bổ nhiệm ngày 16/02/2017
3	Ông Bùi Ngọc Hạnh	TV HDQT	12/12	100%		
4	Ông Nguyễn Bích Đạt	TV HDQT	10/12	83%	Đi công tác	
5	Ông Lê Hồng Xanh	TV HDQT	7/7	100%		Miễn nhiệm ngày 08/08/2017
6	Ông Vũ Quang Hải	TV HDQT	0/2	0%	Đi công tác	Miễn nhiệm ngày 16/02/2017

Nội dung, kết quả và các Nghị quyết đã ban hành: 150 Nghị quyết
Hoạt động của các thành viên HDQT độc lập, không điều hành: Không
Thành viên HDQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không
Hoạt động của các tiểu ban trong HDQT: Không

Hoạt động của Văn phòng HDQT:

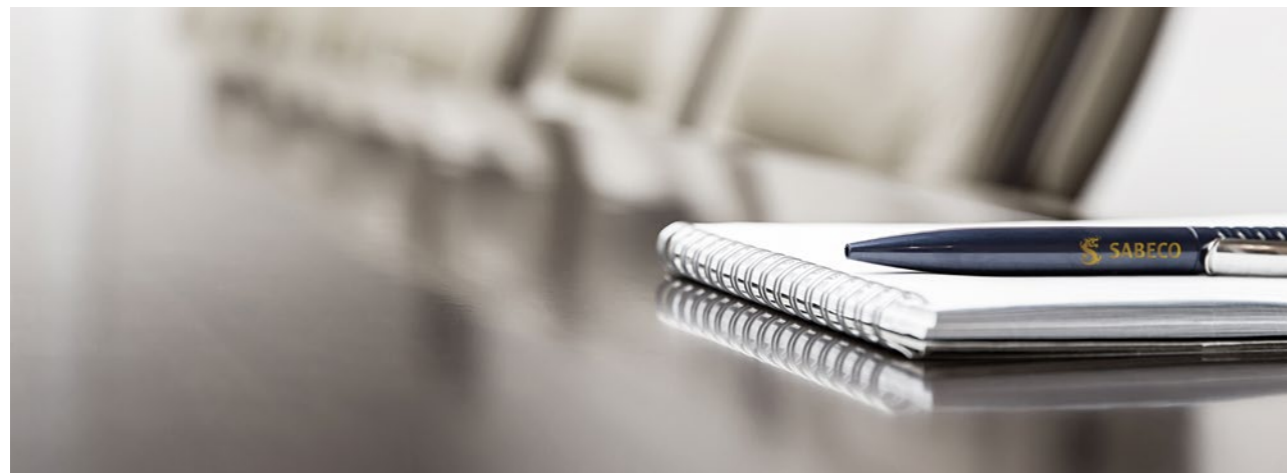
Do không tổ chức các Tiểu ban, Văn phòng HDQT thực hiện nhiệm vụ tham mưu, góp ý cho HDQT các lĩnh vực liên quan.

- Năm 2017, Văn phòng HDQT đã hỗ trợ HDQT và Chủ tịch HDQT trong việc tham mưu, tổng hợp các vấn đề xin ý kiến HDQT; góp ý, soạn thảo, ban hành các văn bản, tài liệu của HDQT tuân thủ theo Điều lệ hoạt động, các quy chế, quy định nội bộ, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp lý khác có liên quan.
- Là đầu mối, phối hợp tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
- Chịu trách nhiệm thông tin đến các thành viên HDQT, thành viên Ban Kiểm soát và cổ đông SABECO khi có yêu cầu.

Ban Kiểm soát

Cơ cấu Ban Kiểm soát SABECO (thời điểm 31/12/2017)

STT	Tên cá nhân	Chức vụ	Công ty có vốn góp SABECO	Chức vụ đảm nhận
1	Ông Nguyễn Văn Minh	Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 16/02/2017, Bổ nhiệm Trưởng ban từ ngày 08/08/2017)	Công ty CP TM BSG Sông Hậu	TV Ban kiểm soát
			Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Lý	TV Ban kiểm soát
			Công ty CP Bia SG - Kiên Giang	TV Ban kiểm soát
2	Ông Lý Minh Hoàng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 08/08/2017)	Công ty CP NGK Chương Dương.	TV Ban kiểm soát
			Công ty CP Bao bì Bia Sài Gòn	TV Ban kiểm soát



Các cuộc họp của Ban Kiểm soát: 03 cuộc họp

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Văn Minh	Trưởng Ban	3/3	100%		Bổ nhiệm từ ngày 16/02/2017; Bổ nhiệm Trưởng Ban KS từ ngày 08/08/2017.
2	Ông Lý Minh Hoàng	Thành viên	1/1	100%		
3	Ông Đồng Việt Trung	Trưởng Ban	2/2	100%		Miễn nhiệm ngày 08/08/2017
4	Ông Chung Chí Dũng	Thành viên				Miễn nhiệm ngày 16/02/2017
5	Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	1/2	50%	Bận công tác (đại diện cổ đông Tập đoàn Bảo Việt)	Miễn nhiệm ngày 18/04/2017

Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ SABECO, cụ thể: Số lượng các phiên họp BKS gồm:

- 01 phiên chuẩn bị thông qua báo cáo BKS trình ĐHĐCĐ năm 2017, thành phần tham dự 3 thành viên.
- 01 phiên về công khai tài sản thu nhập, thành phần tham dự 2 thành viên chuyên trách.
- 01 phiên về bầu lại Trưởng Ban kiểm soát, thành phần tham dự 2 thành viên.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Thực hiện việc báo cáo của Ban Kiểm soát với ĐHĐCĐ; đọc các báo cáo, nghị quyết, thông báo quyết định, các phiếu lấy ý kiến của HĐQT; tham gia các cuộc họp HĐQT, họp giao ban hàng tháng của Ban điều hành, đi tìm hiểu tình hình hoạt động ở các đơn vị, tham dự ĐHĐCĐ của các công ty con, công ty liên kết, liên doanh..., gặp gỡ khách hàng, cổ đông để thực hiện chức năng giám sát của Ban Kiểm soát. Thường xuyên theo dõi, rà soát xem xét góp ý về tính hợp lý hợp pháp, trình tự thủ tục của việc ban hành Nghị quyết của HĐQT, các quyết định của Ban điều hành, nhằm bảo đảm sự đúng đắn và vì quyền lợi của cổ đông SABECO.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Thực hiện việc thống nhất ý kiến dự thảo báo cáo của Ban kiểm soát thông qua HĐQT thống nhất mới ban hành, tham gia ý kiến trong các cuộc họp HĐQT hoặc phiếu lấy ý kiến nếu thấy cần thiết. Có các ý kiến cần thiết cho HĐQT theo các phiếu ý kiến, trong các cuộc họp HĐQT và đóng góp ý kiến qua mail và văn bản cho HĐQT và Tổng Giám đốc về việc xây dựng Kế hoạch ngân sách năm 2018 và quản trị chi phí ngày 27/12/2017.

Kiểm tra, giám sát hoạt động của cơ sở, tổ chức thu thập thông tin và thẩm tra xác minh thông tin, phân tích đánh giá tình hình, đưa ra ý kiến góp ý đối với các cá nhân, đơn vị.

CÁC ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Có các ý kiến trong các cuộc họp HĐQT, ý kiến về việc thuê tư vấn đánh giá mô hình quản trị và ban hành qui chế hoạt động Ban kiểm soát, ý kiến về việc xây dựng quản trị chi phí theo nhân hàng, theo vùng tiêu thụ, hoạt động HĐQT nên tập trung vào hoạch định chiến lược, định hướng và kiểm soát hoạt động của ban điều hành theo chiến lược và định hướng của HĐQT...

LỰA CHỌN KIỂM TOÁN

Đã tiến hành lựa chọn kiểm toán độc lập năm 2017 báo cáo HĐQT quyết định.

Các giao dịch đặc thù và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (ĐVT:%)

Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
Ông Võ Thanh Hà	Chủ tịch	88,89	11,11		100
Ông Bùi Ngọc Hạnh	Thành viên	88,89	11,11		100
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên, kiêm TGD	79,58	9,92	10,50	100
Ông Nguyễn Bích Đạt	Thành viên			100	100
BAN KIỂM SOÁT					
Ông Nguyễn Văn Minh	Trưởng ban	88,94	11,06		100
Ông Lý Minh Hoàng	Thành viên	66,66	16,67	16,67	100
BAN ĐIỀU HÀNH					
Ông Nguyễn Minh An	Phó TGD	88,89	11,11		100
Ông Lâm Du An	Phó TGD	88,89	11,11		100
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Kế toán trưởng	88,94	11,06		100

Lương, thưởng, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát được thực hiện dựa theo quy định của Nhà nước và được phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông SABECO.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

SABECO luôn chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về quản trị công ty và các quy định khác đối với công ty cổ phần đại chúng đã niêm yết, bao gồm:

- Luật Doanh nghiệp 2014: Trong đó, trong ĐHCĐ bắt thường lần 2 năm 2017, SABECO đã nghiên cứu, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ mới để phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 (có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/07/2015) do có nhiều nội dung thay đổi, ảnh hưởng đến quản trị, điều hành Công ty.
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng: SABECO đã ban hành Quy chế quản trị Công ty để nâng cao tính tuân thủ, thực hiện quy định pháp luật về quản trị công ty.
- Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19/08/2016 của Tổng Giám đốc Sở GDCKHCM).

- Quy chế thực hiện quyền cho Người sở hữu chứng khoán (ban hành kèm Quyết định số 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam).
- Nghiên cứu và triển khai việc thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả.
- Trong năm 2017, ĐHCĐ đã thông qua Điều lệ SABECO và Quy chế nội bộ về quản trị công ty để phù hợp với những thay đổi trong quy định của Pháp luật như Luật doanh nghiệp 2014, Nghị định 71/2017/NĐ-CP...
- Năm 2017, SABECO cũng đã tiến hành rà soát, nghiên cứu để sửa đổi và ban hành mới nhiều chính sách, quy chế, quy trình nội bộ của Công ty, qua đó giúp quản lý và kiểm soát tốt hoạt động của Công ty, gia tăng hiệu quả kinh doanh.

Ngoài ra, bên cạnh việc chấp hành các quy định của pháp luật, SABECO cũng đã chủ động trong việc nâng cao hơn nữa chất lượng quản trị, tiếp cận các chuẩn mực quản trị quốc tế, trong đó tập trung vào vấn đề đảm bảo quyền của cổ đông và các bên liên quan thông qua việc công bố và minh bạch hóa thông tin.

MỤC ĐÍCH QUẢN TRỊ RỦI RO



Thông qua việc nhận diện, phân tích, đánh giá các rủi ro để đưa ra các biện pháp kiểm soát nhằm quản lý hiệu quả các cơ hội tiềm năng cũng như phòng ngừa, hạn chế các rủi ro đó ở mức thấp nhất.

Cụ thể:

- Xây dựng chuẩn mực nhằm giúp thực hiện kế hoạch một cách nhất quán và có thể kiểm soát;
- Hỗ trợ trong việc ra quyết định, lập kế hoạch và sắp xếp thứ tự ưu tiên công việc trên cơ sở hiểu biết thấu đáo và chặt chẽ về hoạt động kinh doanh, môi trường kinh doanh, cơ hội và thách thức;
- Góp phần phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực của SABECO;
- Giảm thiểu những sai sót trong mọi khía cạnh, hoạt động;
- Bảo vệ và tăng cường tài sản bao gồm các tài sản vô hình có giá trị gồm: Hình ảnh, thương hiệu;
- Tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, tận dụng các cơ hội và ưu thế.

HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO CỦA SABECO

Phương pháp tổ chức

Việc triển khai công tác quản trị rủi ro của SABECO được thực hiện thông qua:

- Tổ chức bộ máy quản lý theo chức năng để thực hiện công việc theo chuyên môn. Tăng cường phối hợp, kiểm tra chéo để giảm thiểu rủi ro khi ra quyết định và thực hiện công việc.
- Thiết lập hệ thống các quy chế, quy định nội bộ làm căn cứ, chuẩn mực để thực hiện các hoạt động. Các quy chế, quy định nội bộ được định kỳ xem xét sửa đổi, cập nhật cho phù hợp với sự thay đổi của hệ thống và bên ngoài.
- Nâng cao năng lực người thực hiện thông qua các quy trình, hướng dẫn và các chương trình đào tạo theo kế hoạch hàng năm.

- Tổ chức các chương trình đánh giá, kiểm soát nội bộ để xem xét sự tuân thủ cũng như hiệu lực của hệ thống.
- Tổ chức áp dụng các tiêu chuẩn quản lý ISO 9000, ISO 14000, ISO 22000, ISO 17025, ISO 50000 (gọi chung là Hệ thống quản lý CL-ATTP-MT). Việc áp dụng được triển khai đồng bộ tại tất cả các đơn vị trong hệ thống SABECO.
- Tổ chức các chương trình diễn tập: Diễn tập PCCC, diễn tập xử lý sự cố môi trường, diễn tập thu hồi sản phẩm... để nâng cao tính sẵn sàng trong việc dự báo rủi ro và ứng phó với các tình huống khẩn cấp.

Quản trị rủi ro

Phương pháp nhận diện và phân tích rủi ro

Hiện nay, việc nhận diện và phân tích rủi ro chưa được thiết lập một cách bài bản và toàn diện. Các rủi ro được xác định thông qua 2 phương thức:

1

Rủi ro được xác định thông qua kinh nghiệm và kế thừa từ hoạt động quá khứ: Theo đó, thông tin về rủi ro được xác định từ những rủi ro đã xảy ra trong quá khứ hoạt động của các đơn vị trong hệ thống SABECO hoặc từ các đơn vị bên ngoài được biết đến qua phương tiện truyền thông hoặc thông tin từ thị trường. Các rủi ro này có tính thực tế và cung cấp các kinh nghiệm có giá trị về phương pháp xử lý nhưng chưa toàn diện và chưa có tính hệ thống.

2

Rủi ro được dự báo thông qua các hoạt động phân tích của Hệ thống quản lý CL-ATTP-MT của SABECO. Các rủi ro này tuy có tính hệ thống nhưng có phạm vi khá hẹp do giới hạn về phạm vi của hệ thống quản lý CL - ATTP - MT hiện hành.

Sự tham gia vào quá trình quản lý, kiểm soát rủi ro của các đơn vị

Hiện nay, sự tham gia của các đơn vị vào quá trình kiểm soát rủi ro của SABECO được phân công theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. Tất cả các đơn vị trong SABECO đều tham gia vào quá trình quản trị rủi ro với các vai trò khác nhau, cụ thể có thể chia thành 3 nhóm như sau:

1

Vai trò thực hiện: Các đơn vị/cá nhân trực tiếp thực hiện công việc và kiểm soát rủi ro liên quan đến công việc để đảm bảo kết quả đầu ra mong muốn.

2

Vai trò kiểm tra: Các đơn vị/cá nhân có chức năng kiểm tra, kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát với vai trò khách quan để đảm bảo công việc được tiến hành đúng như hoạch định.

3

Vai trò phối hợp, hoạch định: Các đơn vị/cá nhân được giao nhiệm vụ phối hợp, tham gia quyết định/ thực hiện theo chức năng.

NHẬN XÉT CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO THỜI GIAN QUA

Thực tế trong thời gian qua, do thường xuyên tiếp cận các thông tin về rủi ro trong ngành cùng với việc tiếp nhận, phân tích các thông tin phản hồi trong hệ thống SABECO thông qua hoạt động hàng ngày nên việc dự báo rủi ro và đưa ra các biện pháp phòng ngừa khá đa dạng và liên quan đến hầu hết các lĩnh vực hoạt động của SABECO. Nhờ đó, việc xác định và ngăn ngừa rủi ro cũng đã mang lại kết quả khả quan. Cụ thể, trong thời gian qua không để xảy ra trường hợp rủi ro nghiêm trọng nào ở mức độ có thể gây ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh như: Kịch bản, bồi hoàn, tai nạn hay sai lỗi sản phẩm hàng loạt...

Tuy nhiên, do tư duy về quản trị rủi ro chưa được nhận thức đồng đều ở các cấp quản lý nên công tác quản trị rủi ro chưa được quan tâm đúng mức, chưa xuyên suốt và hiệu quả chưa cao, cụ thể:

- Việc nhận diện rủi ro chưa được thực hiện một cách tổng thể và có hệ thống, việc dự báo và phòng ngừa rủi ro hiện nay chủ yếu thông qua kinh nghiệm và kế thừa từ hoạt động quá khứ.

- Chưa đánh giá, phân loại rủi ro đầy đủ, thường xuyên các rủi ro, nguy cơ nên dẫn đến rủi ro lãng phí nguồn lực hoặc chưa tối ưu hoạt động và kết quả kinh doanh chưa được nhận diện.

- Việc kiểm tra, giám sát cũng như đánh giá công tác quản trị rủi ro còn chưa được hoạch định và triển khai xuyên suốt ở các cấp và chưa thành hệ thống.

- Chưa xây dựng được phương án quản lý chủ động, có hệ thống để đảm bảo tính hiệu lực.

Có nhiều trường hợp, việc ngăn ngừa rủi ro chỉ kịp xử lý khi chuẩn bị xảy ra hoặc thậm chí vừa mới xảy ra. Tuy các biện pháp giải quyết được triển khai kịp thời, chưa để xảy ra thiệt hại hoặc hạn chế thiệt hại ở mức thấp nhất nhưng theo nguyên tắc quản trị rủi ro thì đây cũng là điểm chưa phù hợp cần được cải tiến.

CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, HẠN CHẾ, GIẢM THIỂU RỦI RO

Công tác quản trị rủi ro cần được coi là công tác ưu tiên hàng đầu, để nâng cao hơn nữa công tác quản trị rủi ro, trong năm 2018 và các năm tiếp theo, SABECO đã và đang triển khai các biện pháp nhằm phòng ngừa, hạn chế, giảm thiểu rủi ro như sau:

CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH

Các nguyên tắc

1

Công tác quản trị rủi ro cần được triển khai thực hiện xuyên suốt và nhất quán trong toàn hệ thống.

2

Lãnh đạo cao nhất là người chỉ đạo trực tiếp và chỉ định đầu mối phụ trách công tác quản trị rủi ro trong từng lĩnh vực.

3

Các biện pháp kiểm soát rủi ro cần được thiết lập trên cơ sở đề cao nguyên tắc phòng ngừa và gắn liền với chuỗi giá trị.

4

Hệ thống thông tin về rủi ro cần được thiết lập xuyên suốt trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và các quy trình làm việc hiệu quả.

Các giải pháp chính

1

Tập trung đào tạo nâng cao nhận thức về quản trị rủi ro cho cán bộ quản lý, đặc biệt là cấp trưởng đơn vị.

Xây dựng và triển khai các biện pháp kiểm soát rủi ro.

2

Chỉ định đầu mối phụ trách quản trị rủi ro trong từng lĩnh vực và đầu mối phụ trách đánh giá, kiểm tra, giám sát công tác quản trị rủi ro trong toàn hệ thống.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức các chương trình đánh giá, kiểm soát nội bộ.

3

Hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ, bao gồm chính sách quản trị rủi ro. Phổ biến, tập huấn cho người có liên quan để thực hiện.

Xây dựng hệ thống thông tin về rủi ro.

4

Tổ chức hoạch định hệ thống nhận diện và phân tích rủi ro:

- Xây dựng chuẩn mực và thống nhất phương pháp đánh giá rủi ro.

- Tổ chức nhận diện rủi ro; phân tích, đánh giá phân loại và xây dựng thành ma trận rủi ro để đưa ra các biện pháp quản lý phù hợp.

NỘI DUNG TRIỂN KHAI NĂM 2018

- Xác định rủi ro, lập kế hoạch quản trị và các giải pháp kiểm soát rủi ro để phòng ngừa và nhằm hạn chế rủi ro, giảm thiểu thiệt hại.

- Xây dựng, sửa đổi quy chế quy định nội bộ của SABECO trên cơ sở cập nhật những thay đổi của pháp luật, thực tế vận hành nhằm đảm bảo hệ thống khung pháp lý kiểm soát trong doanh nghiệp.

- Phổ biến, triển khai việc áp dụng văn bản pháp luật và quy chế quy định nội bộ trong SABECO và các đơn vị thành viên liên quan.

- Lập kế hoạch kiểm soát nội bộ và tổ chức đánh giá định kỳ.

- Tổ chức áp dụng chuyển đổi và tái chứng nhận hệ thống quản lý Chất lượng – An toàn thực phẩm – Môi trường theo hướng tích hợp trên cơ sở phân tích bối cảnh rủi ro của SABECO.

Quan hệ cổ đông và nhà đầu tư



NIÊM YẾT

SABECO được Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết từ ngày 25/11/2016 theo Quyết định số 470/QĐ-SGDHCM ngày 25/11/2016.

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã cổ phiếu: SAB
- Mệnh giá: 10.000 đồng/CP
- Tổng số cổ phần: 641.281.186 cổ phiếu
- Ngày giao dịch đầu tiên: Ngày 06/12/2016

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần

641.281.186
CỔ PHẦN

Mệnh giá cổ phần

10.000
ĐỒNG/CỔ PHẦN

Tất cả các cổ phần đều là cổ phần phổ thông, có giá trị ngang nhau về mọi mặt.

THÔNG TIN GIAO DỊCH CỔ PHIẾU SABECO

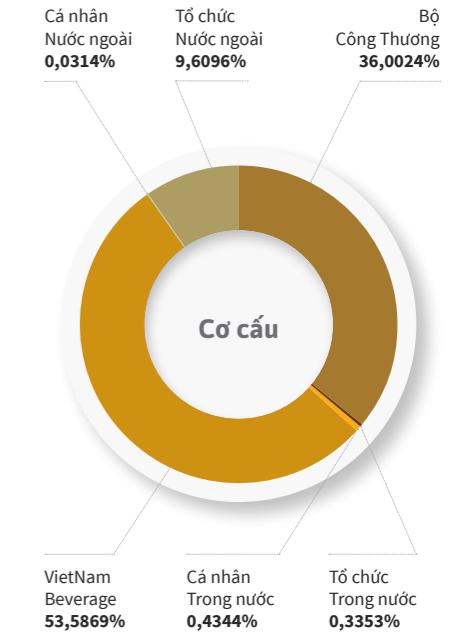
Biến động giá cổ phiếu SAB trong năm 2017



STT	Nội dung	Diễn giải
1	Tổng số phiên giao dịch	250 phiên
2	Tổng khối lượng khớp lệnh (bao gồm giao dịch thỏa thuận trên Sàn)	22.327.500 cổ phiếu
3	Khối lượng giao dịch bình quân/phiên	89.310 cổ phiếu
4	Giá giao dịch cao nhất	339.000 đồng/CP
5	Giá giao dịch thấp nhất	188.700 đồng/CP
6	Giá giao dịch bình quân	236.839 đồng/CP
7	Giá giao dịch tại 29/12/2017	249.300 đồng/CP

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (thời điểm 31/12/2017)

STT	Nội dung	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
I	Cổ đông lớn	574.519.134	89,5893%	2
1	Bộ Công Thương	230.876.547	36,0024%	
2	Công ty TNHH VietNam Beverage	343.642.587	53,5869%	
II	Cổ đông khác	66.762.052	10,4107%	3.478
1	Trong nước	4.935.903	0,7697%	3.115
	- Cá nhân	2.785.733	0,4344%	3.086
	- Tổ chức	2.150.170	0,3353%	29
2	Nước ngoài	61.826.149	9,6410%	363
	- Cá nhân	201.620	0,0314%	277
	- Tổ chức	61.624.529	9,6096%	86
	Tổng	641.281.186		3.480



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: Không thay đổi trong năm 2017

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu quỹ.
Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2017: Không có giao dịch.

Quan hệ cổ đông và nhà đầu tư

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ(*)		Lý do tăng giảm
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Bộ Công Thương	Người liên quan của người nội bộ	574.519.134	89,5893%	230.876.547	36,0024%	Bán
2	Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	Công ty con của SABECO	100.000	0,0156%	0	0%	Bán
3	Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	Công ty con của SABECO	80.000	0,0125%	0	0%	Bán
4	Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	Công ty con của SABECO	40.000	0,0062%	0	0%	Bán
5	Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	Công ty con của SABECO	30.000	0,0047%	0	0%	Bán
6	Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	Công ty con của SABECO	28.500	0,0044%	0	0%	Bán
7	Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	Công ty con của SABECO	28.500	0,0044%	0	0%	Bán
8	Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	Công ty con của SABECO	28.000	0,0044%	0	0%	Bán
9	Ông Bùi Ngọc Hạnh	Thành viên HĐQT SABECO	7.300	0,0011%	650	0,0001%	Bán
10	Ông Nguyễn Văn Minh	Trưởng Ban Kiểm soát SABECO	3.600	0,0006%	1.600	0,0002%	Bán
11	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Người liên quan của người nội bộ	6.000	0,0009%	10	0,00%	Bán

SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Võ Thanh Hà	CT HĐQT	-	0,00%
2	Ông Nguyễn Thành Nam	TGD/TV. HĐQT	1.800	0,0003%
3	Ông Bùi Ngọc Hạnh	TV HĐQT	650	0,0001%
4	Ông Nguyễn Bích Đạt	TV HĐQT	-	0,00%
5	Ông Nguyễn Minh An	Phó TGD	-	0,00%
6	Ông Lâm Du An	Phó TGD	-	0,00%
7	Ông Nguyễn Văn Minh	Trưởng BKS	1.600	0,0002%
8	Ông Lý Minh Hoàng	TV BKS	-	0,00%
9	Ông Nguyễn Tiến Dũng	KTT	100	0,0000%

TÌNH HÌNH CHI TRẢ CỔ TỨC

Năm	Tỉ lệ % cổ tức tính trên mệnh giá	Giá trị cổ tức/cổ phiếu	Tổng số tiền cổ tức chi trả (ĐVT: Tỷ đồng)
2017	35%	3.500 VND	2.245
2016	30%	3.000 VND	1.924
2015	30%	3.000 VND	1.924
2014	25%	3.000 VND	1.603
2013	23%	2.500 VND	1.475
2012	22%	2.200 VND	1.410
2011	20%	2.000 VND	1.282

CÁC HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG/NHÀ ĐẦU TƯ

Ngay sau khi niêm yết cổ phiếu trên HOSE, cuối năm 2016, SABECO đã thành lập Phòng Quan hệ cổ đông (Phòng IR) để đảm bảo việc thực hiện các quy định về công bố thông tin đến cổ đông và các cơ quan quản lý, đồng thời đáp ứng tốt nhất nhu cầu thông tin và quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan.

Những hoạt động nổi bật trong năm 2017:

- Chủ trì và điều phối việc xây dựng Báo cáo thường niên năm 2016 và 2017, đảm bảo nội dung và hình thức phù hợp với thông lệ tiên tiến về việc lập, trình bày Báo cáo thường niên để cung cấp thông tin đến cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan quản lý (HOSE, UBCKNN).
- Thông tin đến cổ đông, nhà đầu tư thông qua việc công bố kết quả kinh doanh hàng quý và cập nhật các thông tin quan trọng một cách nhanh nhất.
- Tổ chức và cải thiện chuyên trang Quan hệ cổ đông trên website Công ty để đảm bảo tính chuyên nghiệp, hiệu quả, qua đó tạo điều kiện cho cổ đông, nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận, truy xuất các thông tin, dữ liệu về SABECO.
- Gia tăng các hoạt động tương tác, trao đổi, cập nhật thông tin thường xuyên thông qua các buổi họp với các cổ đông, nhà đầu tư là các định chế tài chính lớn trong và ngoài nước.
- Cuối tháng 11 - 12/2017:** SABECO tổ chức các buổi tiếp xúc trực tiếp nhà đầu tư tại London (Anh), Singapore, TP. Hồ Chí Minh (Việt Nam).
- Tháng 08/2017:** Tham gia Sự kiện Vietnam Corporate Day do HOSE và DAIWA tổ chức tại Singapore và Nhật Bản.



KẾT NỐI GIÁ TRỊ NHÂN VĂN



Báo cáo Phát triển bền vững

- 76 Giới thiệu về báo cáo phát triển bền vững
- 78 Các chỉ số nổi bật về phát triển bền vững
- 80 Mô hình và quản trị phát triển bền vững của SABECO
- 82 Chiến lược phát triển bền vững
- 86 Mối quan hệ bền vững giữa các bên liên quan
- 90 Hình thức tương tác với các bên liên quan
- 92 Các vấn đề trọng yếu liên quan đến phát triển bền vững

Giới thiệu về Báo cáo Phát triển Bền vững



GIỚI THIỆU

Báo cáo Phát triển Bền vững là tài liệu công bố các thông tin về các tác động và kết quả của một doanh nghiệp đến môi trường, cộng đồng, ngành nghề hoạt động và nội tại của tổ chức. Năm 2017, SABECO đạt được nhiều thành tựu nổi bật xét trên khía cạnh hoạt động kinh doanh, thương hiệu, nhưng trên hết SABECO vẫn ý thức tầm quan trọng của việc cân bằng các hoạt động, mục tiêu của Công ty nhằm đảm bảo khả năng tăng trưởng bền vững trong tương lai.

MỤC TIÊU

Với việc xây dựng Báo cáo này, SABECO khẳng định mối liên hệ chặt chẽ giữa mục tiêu phát triển bền vững của Công ty với các bên liên quan, từ đó, đưa ra những chiến lược, biện pháp cải tiến nhằm nâng cao các giá trị cho doanh nghiệp và các bên liên quan thông qua các chỉ số được đo lường, đánh giá cụ thể qua các năm.

CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO

Năm 2017 là năm thứ 2 SABECO thực hiện Báo cáo phát triển bền vững theo Hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển Bền vững của Tổ chức sáng kiến toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI), tham khảo thêm Hướng dẫn công bố thông tin về Môi trường và Xã hội của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) và các tiêu chuẩn báo cáo bền vững sử dụng trên thế giới, trong đó lựa chọn nguyên tắc Phù hợp - Cốt lõi qua việc tập trung vào các lĩnh vực then chốt gồm: Kinh tế (hiệu quả kinh doanh), con người (nguồn nhân lực, cộng đồng & xã hội) và môi trường.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

SABECO đang nỗ lực để đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan về nhu cầu thông tin và tính minh bạch của Công ty. Vì vậy, chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của Quý vị. Mọi thông tin, ý kiến đóng góp liên quan đến Báo cáo Phát triển Bền vững SABECO xin vui lòng liên hệ:

- Phòng Quan hệ cổ đông SABECO
- Số điện thoại: (+84) 28 3829 4081 (Ext: 504)
- Email: ir@sabeco.com.vn
- Địa chỉ: Lầu 5, Tòa nhà Vincom Center B
72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo Phát triển Bền vững được xem là một phần độc lập trong Báo cáo thường niên của Công ty. Báo cáo này bao gồm các kết quả và thành tích SABECO đạt được trong chiến lược phát triển bền vững trong giai đoạn từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 và đồng thời đề cập định hướng và mục tiêu của SABECO trong giai đoạn tới đối với vấn đề phát triển bền vững. Báo cáo được thực hiện cho SABECO và các đơn vị thành viên hoạt động tại Việt Nam.

TÍNH ĐẢM BẢO CỦA BÁO CÁO

SABECO tham khảo và áp dụng các chuẩn mực trong nước và quốc tế về việc trình bày, công bố các thông tin, số liệu trong Báo cáo. Các dữ liệu, thông tin về tài chính nêu trong Báo cáo này còn có sự đảm bảo của bên thứ ba nhằm đảm bảo tính tin cậy, chính xác của dữ liệu, thông tin. Một số dữ liệu được đảm bảo bởi bên thứ ba:

- Thông tin tài chính trong Báo cáo tài chính SABECO năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC (PwC Vietnam).
- Các chứng nhận, chứng chỉ quản lý trong lĩnh vực sản xuất về quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm... được đánh giá, xác nhận bởi các tổ chức chứng nhận quốc tế hàng đầu.

Các chỉ số nổi bật về phát triển bền vững

Ngày thành lập doanh nghiệp:

17/05/1977

Số lượng lao động (31/12/2017): 8.395

Danh mục sản phẩm:

Sản phẩm bia, rượu và nước giải khát

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hệ thống

25 Nhà máy

sản xuất bia trên toàn quốc

(Gồm 2 Nhà máy đang xây dựng, dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2018)

Tổng công suất sản xuất

2,0 Tỷ lít bia/năm



10 Công ty Thương mại khu vực.



Hiện diện **63/63** tỉnh thành toàn quốc.



Sản phẩm xuất khẩu ra trên **33** quốc gia trên thế giới.

Sản lượng xuất khẩu năm 2017 đạt 28,6 triệu lít, kim ngạch đạt hơn 15 triệu USD, tăng hơn gấp 4 lần so với 2016.

Dự kiến, năm 2018, SABECO sẽ tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu tại các thị trường Châu Phi và Châu Á (đặc biệt là Đông Á và

Đông Nam Á) bên cạnh các thị trường Bắc Mỹ, Nga, Trung đông và Châu Âu (Italy, Hà Lan...).

Sản lượng bia xuất khẩu năm 2018 theo kế hoạch dự kiến đạt tối thiểu 30 triệu lít.



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH 2017

SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ BIA CÁC LOẠI



1.790 triệu lít

TỔNG DOANH THU



35.218 tỷ đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ



6.077 tỷ đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ



4.949 tỷ đồng

TỶ SUẤT ROE



37%

TỈ LỆ NỢ VAY TRÊN TỔNG NGUỒN VỐN



5%

TỔNG NỢP NGÂN SÁCH HỢP NHẤT



9.743 tỷ đồng

TỔNG CÔNG SUẤT SẢN XUẤT



2,0 tỷ lít bia/năm

CHỈ SỐ PHI TÀI CHÍNH 2017

Chứng nhận **“Doanh nghiệp vì người lao động”** của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

Chứng nhận **“Thương hiệu Việt Nam tin dùng 2014”**;

Chứng nhận **“Doanh nghiệp mạnh và phát triển bền vững 2014”** cấp bởi Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI.

VỀ SẢN XUẤT VÀ MÔI TRƯỜNG

23/23 Nhà máy trong hệ thống SABECO có chứng chỉ quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm và môi trường (ISO 9001, ISO 14.000, ISO 22.000 và HACCP);

Chứng nhận **“Sản phẩm thân thiện với môi trường”** cấp bởi Hiệp hội Công nghiệp Môi trường Việt Nam.

VỀ TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG

Tổng ngân sách chi cho công tác an sinh xã hội năm 2017

70,3 Tỷ đồng

Năm 2017, SABECO thực hiện hơn 100 chương trình hỗ trợ an sinh xã hội tại các tỉnh thành trên cả nước.

Mô hình và Quản trị phát triển bền vững của SABECO



TẦM NHÌN

Trở thành Tập đoàn đồ uống **HÀNG ĐẦU VIỆT NAM** có vị thế trong khu vực và quốc tế



MỤC TIÊU

Kiến tạo và gia tăng giá trị một cách bền vững cho cổ đông và các bên liên quan.



HIỆU QUẢ KINH DOANH

Kinh doanh hiệu quả và bền vững, gia tăng năng lực cạnh tranh.



CON NGƯỜI

Đầu tư cho cộng đồng và xã hội.



MÔI TRƯỜNG

Phát triển hệ thống sản xuất xanh, sạch, tiết kiệm năng lượng, sử dụng nhiên liệu & các nguồn năng lượng thân thiện với môi trường, bảo vệ và cải thiện môi trường.



NHÂN TỐ ĐẢM BẢO

Thương hiệu mạnh, năng lực tài chính, nguồn nhân lực chất lượng và hiệu quả quản trị, được phát triển dựa trên ba nguyên tắc cơ bản là cải tiến không ngừng, hợp tác cùng phát triển và đảm bảo cân bằng lợi ích tất cả các bên liên quan.

QUẢN TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA SABECO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đưa ra định hướng chiến lược chung và thông qua các mục tiêu chính yếu, kế hoạch phát triển bền vững và chịu trách cao nhất về chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

BAN ĐIỀU HÀNH

Trên cơ sở định hướng của HĐQT, nghiên cứu, xây dựng, đề xuất các mục tiêu và kế hoạch phát triển bền vững. Truyền thông các mục tiêu, kế hoạch chi tiết cho các đơn vị thành viên/Ban chức năng và tổ chức triển khai thực hiện, và kiến nghị điều chỉnh để đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra.

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN/ CÁC BAN CHỨC NĂNG

Triển khai thực hiện kế hoạch phát triển bền vững theo định hướng của Ban Điều hành và HĐQT.

KIỂM SOÁT RỦI RO VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

SABECO tích hợp chiến lược hoạt động và các mục tiêu kinh doanh vào chiến lược phát triển bền vững. Định kỳ thực hiện xác định và phân tích các rủi ro trọng yếu trong ngắn và dài hạn bao gồm các rủi ro phát sinh từ những thay đổi về môi trường, xã hội để đánh giá tác động và mức độ tác động để đưa ra các biện pháp quản lý phù hợp.

Chiến lược phát triển bền vững



TUÂN THỦ QUY TẮC ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

Với mục tiêu trở thành Tập đoàn công nghiệp đồ uống hàng đầu Việt Nam, nâng cao vị thế trong khu vực trong nước và ngoài nước, SABECO hiểu rõ rằng bên cạnh việc phát triển công nghệ sản xuất, đẩy mạnh sản lượng và mở rộng mạng lưới tiêu thụ, kinh doanh có trách nhiệm chính là giá trị cốt lõi giúp SABECO duy trì và nâng cao danh tiếng trên thị trường, củng cố niềm tin từ người tiêu dùng và nhà đầu tư. Kinh doanh có trách nhiệm không đơn thuần là vấn đề tuân thủ pháp lý, nó còn đòi hỏi việc mang lại những lợi ích thiết thực cho cổ đông, khách hàng, đối tác, người lao động và cộng đồng. Các nguyên tắc ứng xử cụ thể được SABECO thiết lập và cam kết thực hiện để đạt tới những kỳ vọng đạo đức với vai trò là một trong những công ty dẫn đầu ngành.



ĐỀ CAO TINH THẦN TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VÀ QUY ĐỊNH TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Thành công của SABECO được dựa trên chất lượng, uy tín và minh bạch. Điều đó có nghĩa mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều phải tuân thủ quy định pháp luật cùng với các nội quy do Công ty ban hành. SABECO tôn trọng luật pháp và yêu cầu tất cả cán bộ nhân viên phải thực hiện tương tự:

- Đọc, hiểu rõ và tuân thủ những quy định pháp luật và quy chế nội bộ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với cơ quan Nhà nước.
- Tham vấn đội ngũ Pháp chế khi có bất kỳ thắc mắc hay mối quan ngại nào.
- Toàn thể nhân viên hợp tác trong việc điều tra các vấn đề đạo đức, pháp lý và tuân thủ.
- Tích cực phát hiện, báo cáo và ngăn chặn các hành vi sai lệch, vi phạm quy định.

ĐẶT SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG LÀ NỀN TẢNG CHO SỰ THÀNH CÔNG



Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt, nắm bắt và thỏa mãn được những kỳ vọng, yêu cầu của khách hàng chính là chìa khóa tiên quyết giúp doanh nghiệp tồn tại và phát triển lâu dài trên thị trường. Nhận thức được vấn đề này, lãnh đạo SABECO luôn có những hành động đặt giá trị lợi ích của người tiêu dùng là ưu tiên hàng đầu:

- Phấn đấu làm hài lòng người tiêu dùng bằng những sản phẩm chất lượng tốt nhất, giá cả cạnh tranh.
- Nỗ lực giữ gìn giá trị Việt trong từng sản phẩm để tạo nên một vị trí đặc biệt trong lòng người tiêu dùng.
- Không ngừng nâng cao uy tín, vị thế thương hiệu trên thị trường nhằm gây dựng lòng tin nơi khách hàng.
- Biết ơn những đóng góp của khách hàng đối với sự phát triển của SABECO.
- Mọi thành viên trong Công ty phải tôn trọng, lịch sự khi tiếp xúc với khách hàng.
- Lắng nghe, tiếp thu và phân tích những góp ý, đánh giá, nhu cầu của khách hàng.
- Lên chiến lược chăm sóc người tiêu dùng kịp thời, trước, trong và sau khi bán hàng.



Chiến lược phát triển bền vững



GIA TĂNG GIÁ TRỊ MỘT CÁCH BỀN VỮNG CHO CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ

Với cột mốc niềm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM vào năm 2016, SABECO trở thành một trong những công ty có vốn hóa thị trường lớn hàng đầu tại Việt Nam, tạo ra sự thu hút rất lớn từ phía nhà đầu tư trong và ngoài nước. Nhiệm vụ quan tâm, chăm lo và đảm bảo các giá trị, quyền lợi của cổ đông từ đó được đề cao và được thực hiện một cách nghiêm túc:



- Gia tăng tính kết nối, gây dựng mối quan hệ bền vững lâu dài với cổ đông và nhà đầu tư.
- Cung cấp những thông tin trung thực, chính xác về tình hình hoạt động sản xuất, tài chính cho các nhà đầu tư một cách thường xuyên và kịp thời.
- Đảm bảo sổ sách và báo cáo phản ánh minh bạch, trung thực về giao dịch và tình hình thực tế của Công ty.
- Hành xử chuyên nghiệp, thân thiện trong giao tiếp với cộng đồng nhà đầu tư.
- Đảm bảo đối xử công bằng, nhất quán, không thiên vị giữa các cổ đông, nhà đầu tư.
- Không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng trưởng lợi nhuận nhằm gia tăng giá trị cho cổ đông và nhà đầu tư.
- Tích cực phát hiện, báo cáo và ngăn chặn các hành vi sai lệch, vi phạm quy định.



XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ HỢP TÁC, CÂN BẰNG LỢI ÍCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN



SABECO hiểu và công nhận rằng việc thiết lập một mối quan hệ lâu dài, tích cực với đối tác, các nhà cung cấp đóng một vai trò thiết yếu đối với thành công của SABECO. Do đó mọi giao dịch đều phải được xây dựng dựa trên sự công bằng, tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau:

- Thực hiện nghiêm túc các điều khoản thỏa thuận, ký kết với các đối tác.
- Đảm bảo cân bằng lợi ích giữa SABECO và đối tác kinh doanh.
- Chỉ hợp tác với các đối tác kinh doanh, nhà cung cấp có uy tín, hoạt động minh bạch, tuân thủ pháp luật.
- Lựa chọn nhà cung cấp dựa trên sự cạnh tranh công bằng về chất lượng, giá cả, dịch vụ và công nghệ.
- Không tiết lộ thông tin bí mật của đối tác kinh doanh.
- Giải quyết mọi mâu thuẫn, xung đột trên tinh thần thiện chí, tôn trọng.



ĐẢM BẢO MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC CHUYÊN NGHIỆP, BÌNH ĐẲNG, AN TOÀN VÀ GẮN BÓ

Đội ngũ nhân viên là xương sống, là nguồn tài nguyên quý giá trong công cuộc tồn tại và phát triển bền vững của một doanh nghiệp. Tại SABECO, cấp lãnh đạo luôn phấn đấu đáp ứng những mong muốn, nguyện vọng chính đáng của nhân viên cũng như đề ra các chính sách nhằm cung cấp cho nhân viên các cơ hội phát triển nghề nghiệp, phát triển bản thân một cách toàn diện trong một môi trường lành mạnh và công bằng:



- Cam kết duy trì các nguyên tắc cơ bản về nhân quyền cho tất cả đội ngũ nhân viên.
- Tôn trọng sự đa dạng về giới tính, tuổi tác, tín ngưỡng và tôn giáo trong Công ty.
- Đảm bảo nhân viên được làm việc trong môi trường chuyên nghiệp, thân thiện, chia sẻ.
- Nghiêm khắc kỷ luật, xử phạt các hành vi gây sự, quấy rối, đe dọa làm trở ngại cho công việc cũng như ảnh hưởng đến tinh thần của nhân viên khác.
- Các hoạt động liên quan đến nhân sự như tuyển dụng, lương thưởng, thăng chức, trợ cấp, kỷ luật... đều được thực hiện dựa trên việc nguyên tắc công bằng, bình đẳng và tuân thủ quy định.
- Tạo điều kiện cho nhân viên được học tập, trao đổi kiến thức và kỹ năng, sáng tạo và cống hiến cho sự thành công của SABECO.
- Nghiêm túc thực hiện các quy định về an toàn vệ sinh lao động.
- Thường xuyên trao đổi, lắng nghe ký kiến, tâm tư nguyện vọng của nhân viên.



THỰC THI TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

Sự phát triển gắn với trách nhiệm xã hội luôn là truyền thống của SABECO. Bên cạnh việc cung cấp cho xã hội những sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn cho sức khỏe, SABECO luôn mong muốn cùng chia sẻ và chung tay gánh vác những nhiệm vụ trong công tác chăm lo đời sống cộng đồng và bảo vệ môi trường bằng những hành động cụ thể và thiết thực nhất:



- Có hành vi hợp đạo đức trong mọi hoạt động quảng bá, tuyên truyền sản phẩm, tiếp xúc với cộng đồng.
- Nâng cao hiểu biết và ý thức cho nhân viên về phát triển bền vững.
- Hỗ trợ an sinh xã hội cho địa phương, đầu tư và tài trợ cho giáo dục và các hoạt động khuyến học.
- Tạo công ăn việc làm, góp phần phát triển kinh tế địa phương.
- Đồng hành cùng các định hướng, vận động của Chính phủ.
- Cam kết giảm thiểu những tác động đến với môi trường thông qua việc kiểm soát nghiêm ngặt khâu chọn lựa nguyên liệu đến sản xuất và tiêu thụ.
- Nghiên cứu và áp dụng những công nghệ, phương pháp mới trong việc tiết kiệm năng lượng, xử lý và tái chế rác thải, khói bụi.
- Phát triển văn phòng làm việc và hệ thống sản xuất theo định hướng an toàn, hiệu quả, xanh - sạch - đẹp - thân thiện với môi trường.

Mối quan hệ bền vững giữa các bên liên quan



KHÁCH HÀNG

NỘI DUNG QUAN TÂM

CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

- Đặt chất lượng và an toàn sản phẩm là giá trị cốt lõi của SABECO đối với khách hàng và cũng là sứ mệnh, nhiệm vụ mà tất cả nhân viên Công ty phải phấn đấu thực hiện.
- Không ngừng nghiên cứu công nghệ khoa học tiên tiến nhằm cải tiến và phát triển sản phẩm cả về mặt chất lượng và hình thức.

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

- Chú trọng mở rộng hệ thống tiêu thụ trong nước và ngoài nước để đem sản phẩm đến với tay người tiêu dùng một cách nhanh chóng.
- Quan tâm, lắng nghe và tiếp thu những góp ý, phản hồi, đánh giá từ khách hàng, tìm hiểu và nắm bắt nhu cầu, thị hiếu của thị trường.
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật liên quan đến thị trường, lựa chọn chính sách giá sản phẩm hợp lý và cạnh tranh nhằm đảm bảo nguyên tắc đôi bên cùng có lợi, chống đầu cơ, nỗ lực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
- Nâng cao uy tín, vị thế của thương hiệu SABECO thông qua các giải thưởng lớn, uy tín nhằm củng cố lòng tin của người tiêu dùng.
- Thực hiện các chương trình khuyến mãi, chính sách bán hàng hấp dẫn cũng như tổ chức các hội nghị khách hàng nhằm tri ân sự ủng hộ của khách hàng đối với sản phẩm của Công ty cũng như thắt chặt mối quan hệ gắn bó lâu dài giữa hai bên.

CỔ ĐÔNG/ NHÀ ĐẦU TƯ

NỘI DUNG QUAN TÂM

MINH BẠCH THÔNG TIN VÀ ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI CHO CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

HÀNH ĐỘNG CỦA SABECO

- Cam kết xây dựng và phát triển mối quan hệ với các cổ đông, nhà đầu tư trên tinh thần thiện chí, minh bạch, công bằng và đảm bảo đầy đủ lợi ích cho cổ đông và nhà đầu tư.
- Việc công bố thông tin được thực hiện một cách minh bạch, chính xác, đầy đủ và kịp thời.
- Đảm bảo chi trả cổ tức đều đặn hàng năm cho các cổ đông.

NĂNG LỰC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VÀ ĐẢM BẢO TĂNG TRƯỞNG KINH DOANH BỀN VỮNG

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại và khoa học, đề ra các chiến lược, giải pháp giúp gia tăng năng lực sản xuất, doanh thu và lợi nhuận nhằm tối ưu hóa giá trị mang lại cho cổ đông và nhà đầu tư.

NHÀ CUNG CẤP

NỘI DUNG QUAN TÂM

QUAN HỆ ĐỐI TÁC LÂU DÀI, THỰC HIỆN NGHIÊM TÚC CÁC THỎA THUẬN, LIÊM CHÍNH, HỖ TRỢ VÀ CỞI MỞ TRONG HỢP TÁC

HÀNH ĐỘNG CỦA SABECO

- Phấn đấu xây dựng quan hệ đối tác bền lâu với các đối tác, nhà cung cấp, cùng nhau chia sẻ lợi ích.
- Sự cạnh tranh giữa các nhà cung ứng được đảm bảo công bằng, văn minh và minh bạch, tiến hành lựa chọn đối tác dựa trên các tiêu chí ban hành, hồ sơ năng lực, kinh nghiệm làm việc, uy tín trên thị trường cũng như lợi ích cao nhất mà nhà cung ứng đó đem lại cho Công ty.
- Tham vấn ban Pháp chế - Kiểm soát nội bộ về các điều khoản trong mọi hợp đồng, thỏa thuận nhằm đảm bảo đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các bên.
- Không tiết lộ thông tin mật của nhà cung cấp cho đối thủ cạnh tranh của họ.

ĐỐI THỦ CẠNH TRANH

NỘI DUNG QUAN TÂM

CAM KẾT CẠNH TRANH CÔNG BẰNG, LÀNH MẠNH, TUÂN THỦ NGUYÊN TẮC KINH DOANH TRUNG THỰC

HÀNH ĐỘNG CỦA SABECO

- Không có các hoạt động gây ảnh hưởng đến giá thị trường hoặc các hành vi ăn cắp bí mật thương mại cũng như không tiếp nhận những thông tin gây bất lợi cho đối thủ cạnh tranh.
- Xây dựng và duy trì mối quan hệ với đối thủ cạnh tranh trên cơ sở thiện chí, văn minh, tôn trọng và học hỏi lẫn nhau.

Mối quan hệ bền vững giữa các bên liên quan

CƠ QUAN NHÀ NƯỚC



NỘI DUNG QUAN TÂM

THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CỦA CHÍNH PHỦ LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, ỦNG HỘ CÁC CHÍNH SÁCH VÀ KÊU GỌI CỦA NHÀ NƯỚC

HÀNH ĐỘNG CỦA SABECO

- Chấp hành nghiêm túc các chủ trương, quy định pháp luật cũng như tham gia đóng góp ý kiến, giải pháp, kiến nghị liên quan đến chính sách thuế và chính sách quản lý nhằm giúp Nhà nước hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật.
- Tích cực hưởng ứng, tham gia các phong trào, chủ trương do cơ quan Nhà nước phát động nhằm phục vụ cộng đồng và xã hội, hỗ trợ kinh tế địa phương.
- Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến SABECO như luật Môi trường, luật Lao động, luật An toàn thực phẩm...

TUÂN THỦ CÁC NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của doanh nghiệp như nộp thuế, đóng góp ngân sách, tham gia bảo hiểm xã hội.

NGƯỜI LAO ĐỘNG



NỘI DUNG QUAN TÂM

ĐẢM BẢO CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ, PHÚC LỢI, LƯƠNG THƯỜNG XỨNG ĐÁNG

HÀNH ĐỘNG CỦA SABECO

- Xây dựng chính sách nhân sự, lương thưởng, phúc lợi, trợ cấp đầy đủ, hấp dẫn, thỏa đáng với công sức đóng góp của người lao động.
- Cam kết đảm bảo lợi ích, an toàn nghề nghiệp cho người lao động dựa trên các quy định của pháp luật.
- Thành lập Văn phòng Đảng ủy, Công đoàn nhằm quan tâm, chăm lo đến đời sống và nguyện vọng của Cán bộ công nhân viên.

TẠO DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC CHUYÊN NGHIỆP, NĂNG ĐỘNG, ĐOÀN KẾT VÀ THI ĐUA CÙNG NHAU PHÁT TRIỂN

- Ban hành các quy chế cụ thể về tuyển dụng, đánh giá và thăng tiến.
- Thường xuyên tổ chức các buổi trao đổi, chia sẻ giữa ban lãnh đạo và nhân viên nhằm ghi nhận và thấu hiểu những ý kiến phản hồi từ người lao động để tăng cường mối quan hệ giữa cấp lãnh đạo và đội ngũ cán bộ.
- Phát động và tổ chức các phong trào ngoại khóa, văn nghệ, thể thao, giao lưu giữa các phòng ban, khối văn phòng với nhau, làm phong phú đời sống của đội ngũ nhân viên.
- Kêu gọi nhân viên tham gia các dự án cộng đồng xã hội, từ thiện.

CƠ HỘI ĐÀO TẠO KIẾN THỨC VÀ KỸ NĂNG LÀM VIỆC

- Khuyến khích cán bộ nhân viên tham gia học tập, mở mang kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ để đáp ứng được với yêu cầu của công việc.
- Triển khai các chương trình đào tạo cho đội ngũ kỹ thuật tại nước ngoài, thuê chuyên gia từ nước ngoài về Việt Nam đào tạo, nâng cao năng lực quản lý cho các cán bộ chức danh và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ.

TRUYỀN THÔNG



NỘI DUNG QUAN TÂM

TĂNG CƯỜNG TRAO ĐỔI THÔNG TIN VỚI CÁC CƠ QUAN TRUYỀN THÔNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

HÀNH ĐỘNG CỦA SABECO

- Xây dựng mối quan hệ thân thiết, tốt đẹp với các cơ quan báo chí, truyền thông.
- Tuyên truyền và công bố thông tin trên tiêu chí minh bạch, chính xác, rõ ràng và kịp thời.
- Tăng số lượng thông tin và các bài viết đến cơ quan báo chí và truyền thông.

CỘNG ĐỒNG



NỘI DUNG QUAN TÂM

PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG

HÀNH ĐỘNG CỦA SABECO

- Trực tiếp và gián tiếp tạo ra công ăn việc làm cho người dân địa phương, góp phần phát triển kinh tế địa phương.

HỖ TRỢ AN SINH XÃ HỘI CHO ĐỊA PHƯƠNG

- Định kỳ tổ chức các hoạt động từ thiện, thăm và phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng, tri ân những người có công, các chiến dịch Mùa hè xanh.
- Tài trợ xây dựng trường học, hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó.
- Tài trợ các chương trình xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ đồng bào bị thiên tai và lũ lụt.

QUAN TÂM VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SỐNG CHO XÃ HỘI

- Quán triệt ý thức bảo vệ môi trường đến từng nhà máy, cán bộ công nhân viên, việc lắp ráp và vận hành quy trình sản xuất phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về an toàn môi trường theo quy định của Nhà nước.
- Toàn bộ hệ thống nhà máy được áp dụng hệ thống quốc tế “Nhà máy xanh” nhằm tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, hiệu quả cao và đặc biệt là công nghệ lọc không chất thải.

Hình thức tương tác với các bên liên quan

Đối tượng	Phương thức tiếp cận	Tần suất
Khách hàng	• Tổ chức các hội nghị khách hàng, triển lãm, hội chợ	Khi có sự kiện
	• Cập nhật các tin tức quan trọng trên mạng xã hội hoặc website www.sabeco.com.vn	Thường xuyên
	• Tiếp nhận thư góp ý của khách hàng và phản hồi nhanh chóng	Thường xuyên
Cổ đông/ Nhà đầu tư	• Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên hoặc bất thường theo yêu cầu của cổ đông	Hàng năm/ Khi có yêu cầu
	• Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp	
	• Tiếp nhận và giải đáp các thắc mắc thông qua điện thoại, fax hoặc email: ir@sabeco.com.vn	Khi có yêu cầu
	• Thành lập Phòng Quan hệ cổ đông nhằm phục vụ cho việc công bố thông tin và đảm bảo quyền lợi của cổ đông và nhà đầu tư	
	• Tạo điều kiện cho cổ đông và nhà đầu tư tham quan, tìm hiểu và tiếp cận với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	
	• Công bố thông tin theo quy định của Sở Giao dịch chứng khoán và Ủy ban chứng khoán Nhà nước	Theo quy định
	• Xây dựng và công bố Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính	Định kỳ
• Tham gia các hội thảo, diễn đàn nhằm chia sẻ thông tin và mở rộng cơ hội đầu tư	Khi có sự kiện	
Nhà cung cấp	• Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp	Thường xuyên
	• Tiếp nhận và giải đáp các thắc mắc thông qua điện thoại, fax và email	Thường xuyên
	• Tổ chức các buổi họp mặt đơn vị đối tác, nhà cung cấp	Khi có sự kiện
Cơ quan Nhà nước	• Tích cực tham gia các hội nghị, hội thảo do Chính phủ, Bộ Công thương và các cơ quan quản lý tổ chức	Khi có sự kiện
	• Tham gia các hoạt động của Hiệp hội Bia Rượu Nước giải khát (VBA)	Khi có sự kiện
Người lao động	• Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp với Ban chấp hành Văn phòng Đảng ủy, Công đoàn	Thường xuyên
	• Thiết lập mạng nội bộ và trang Văn phòng điện tử SABECO (E-Office) để phục vụ công việc của cán bộ nhân viên	
	• Cập nhật thông tin, nội quy mới trên Bảng thông báo nội bộ	Thường xuyên
	• Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, thể thao và văn nghệ, du lịch	Khi có sự kiện
	• Tiến hành khảo sát ý kiến của nhân viên về các vấn đề của Công ty	Thường xuyên

Đối tượng	Phương thức tiếp cận	Tần suất
Truyền thông	• Thông các báo chí, tham gia phỏng vấn hoặc các diễn đàn	Khi có sự kiện
	• Cập nhật thông tin trên website, mạng xã hội	Thường xuyên
	• Hợp tác với các chương trình truyền hình, báo mạng và báo chính thống để tuyên truyền về những sự kiện nổi bật của Công ty	Khi có sự kiện
Cộng đồng	• Tham gia các chương trình từ thiện, bảo vệ môi trường	Thường xuyên
	• Tham gia các chuỗi sự kiện phát động bởi Chính phủ, Thành đoàn, Hiệp hội	Khi có sự kiện
	• Tổ chức các hoạt động chung tay vì cộng đồng, hỗ trợ địa phương	Thường xuyên



Các vấn đề trọng yếu liên quan đến phát triển bền vững

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Hệ thống ISO 14001:2004 giúp các nhà máy SABECO xác định và quản lý các vấn đề môi trường một cách toàn diện, chủ động kiểm soát để đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của pháp luật về môi trường; phòng ngừa rủi ro, tổn thất từ các sự cố về môi trường.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG

XÂY DỰNG NHÀ MÁY ĐẠT CHUẨN ISO

Để tăng khả năng cạnh tranh cũng như tạo niềm tin, thiện cảm cho đối tác, khách hàng vào chất lượng sản phẩm, khả năng quản lý chặt chẽ, hiệu quả dây chuyền sản xuất và quá trình cung ứng sản phẩm, 24 nhà máy thuộc hệ thống SABECO đã thực hiện, xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng do các tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế ban hành gồm ISO 9001:2008 (Hệ thống Quản lý chất lượng), ISO 14001:2004 (Hệ thống Quản lý môi trường), ISO 22000:2005 (Hệ thống Quản lý an toàn thực phẩm), và HACCP (Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn trong quá trình sản xuất).

Việc áp dụng các hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008 và ISO 22000:2005 không những cắt giảm được các chi phí vận hành không cần thiết thông qua việc xem xét, phân bổ lại nguồn lực cho các quá trình cũng như thiết lập mối tương tác, hỗ trợ giữa các quá trình đó nhằm mang lại hiệu quả cao nhất mà còn giúp việc kiểm soát rủi ro sẽ tốt hơn thông qua việc dự báo hay điều chỉnh lại mô hình hoạt động của các nhà máy SABECO.

Hệ thống ISO 14001:2004 giúp các nhà máy SABECO xác định và quản lý các vấn đề môi trường một cách toàn diện, chủ động kiểm soát để đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của pháp luật về môi trường; phòng ngừa rủi ro, tổn thất từ các sự cố về môi trường. Không những thế, ISO 14001: 2004 giúp SABECO nâng cao hình ảnh của tổ chức/doanh nghiệp đối với người tiêu dùng và cộng đồng; giành được ưu thế trong cạnh tranh khi ngày càng có nhiều công ty, tập đoàn yêu cầu hoặc ưu tiên lựa chọn các nhà cung cấp áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14000.

ĐẦU TƯ CÁC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC, CHẤT THẢI RẮN

23 nhà máy sản xuất bia trong hệ thống bia Sài Gòn đều có hệ thống xử lý nước thải đạt chất lượng theo tiêu chuẩn QCVN 40:2011 (loại A hoặc loại B) trước khi xả ra môi trường hoặc xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp. Chỉ có nhà máy bia Sài Gòn - Sóc Trăng nước thải được đầu nối vào mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước của khu công nghiệp An Nghiệp và khu công nghiệp tự xử lý trước khi thải ra môi trường. Công tác quan trắc môi trường nước thải định kỳ của các đơn vị đều tuân thủ đúng tần suất như trong báo cáo ĐTM được phê duyệt.

Bên cạnh đó, đối với nước thải sau xử lý, trước khi thải trực tiếp ra môi trường, các nhà máy đã và đang lắp đặt trạm quan trắc online với các chỉ số: pH, nhiệt độ, COD, TSS và lưu lượng, một số nhà máy trang bị thêm đầu dò Nitơ và Phốtpho nhằm kiểm soát tốt chất lượng nước thải đầu ra, góp phần giảm thiểu tối đa ô nhiễm môi trường.

TẬP HUẤN CHO CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM

Hàng năm, các nhà máy của SABECO luôn phối hợp với các cơ quan, ban ngành, cơ sở đào tạo có chuyên môn để tập huấn cho cán bộ công nhân viên về an toàn lao động và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Về vấn đề an toàn lao động, cán bộ công nhân viên được tập huấn về hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; kiến thức cơ bản về yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc và phương pháp cải thiện điều kiện lao động; chức năng, nhiệm vụ của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; văn hóa an toàn trong sản xuất, kinh doanh; nội quy an toàn, vệ sinh lao động, biển báo, biển chỉ dẫn an toàn, vệ sinh lao động và sử dụng thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân; nghiệp vụ, kỹ năng sơ cứu tai nạn lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp...

Về vấn đề an toàn thực phẩm, SABECO nhận ra rằng an toàn thực phẩm có tầm quan trọng đặc biệt trong đời sống xã hội. Bảo đảm an toàn thực phẩm sẽ nâng cao sức khỏe người dân, tăng cường nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và điều kiện bắt buộc đòi hỏi chủ cơ sở, người trực tiếp tham gia sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm là phải có kiến thức về an toàn thực phẩm. Người lao động SABECO hàng năm được tập huấn kiến thức về các mối nguy ô nhiễm vào thực phẩm, điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm, phương pháp bảo đảm an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm, thực hành tốt vệ sinh, an toàn thực phẩm, một số quy định pháp luật liên quan đến cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm và khái quát về hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát trọng yếu (HACCP).

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÁC NHÀ MÁY ĐỐI VỚI CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Ban lãnh đạo các nhà máy đánh giá hoạt động bảo vệ môi trường ở các nhà máy đang được thực hiện rất tốt và sẽ cố gắng phấn đấu giữ vững công tác BVMT này.

Các vấn đề trọng yếu liên quan đến phát triển bền vững

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM



SABECO ban hành và áp dụng quy trình sản xuất khép kín, tự động hóa cao, quản lý bởi đội ngũ kỹ thuật gồm các kỹ sư về công nghệ - thiết bị và các Brewmaster (chuyên gia sản xuất bia) giàu kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm.

QUẢN LÝ VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU (BAN HÀNH YÊU CẦU KỸ THUẬT, LỰA CHỌN NGHIỆM NGẶT, QUẢN LÝ RỦI RO CHUỖI CUNG ỨNG)

SABECO ban hành yêu cầu kỹ thuật cho tất cả các nguyên vật liệu đầu vào. Trong đó, các nguyên vật liệu ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm như malt đại mạch, hoa bia, nấm men, vỏ lon, nắp lon, vỏ chai, nắp chai... đều do SABECO trực tiếp mua từ nhà cung cấp, kiểm soát chất lượng đầu vào và phân phối lại cho các nhà máy. Các nguyên vật liệu phụ (không ảnh hưởng đến chất lượng bia và vệ sinh an toàn thực phẩm) thì các Nhà máy thành viên tự mua theo danh sách nhà cung cấp, nhãn hàng và yêu cầu kỹ thuật đã được SABECO ban hành.

SABECO ban hành các yêu cầu kỹ thuật nguyên vật liệu dựa trên quy định của Pháp luật, Quy định, Quy chuẩn

Việt Nam, các thông lệ Quốc tế và có sự tham khảo thông tin từ các Tổ chức chuyên về ngành Bia trên thế giới như EBC (European Brewery Convention), Mebak (Mittelleuropäische Brautechnische Analysenkommission), ASBC (American Society of Brewing Chemists).

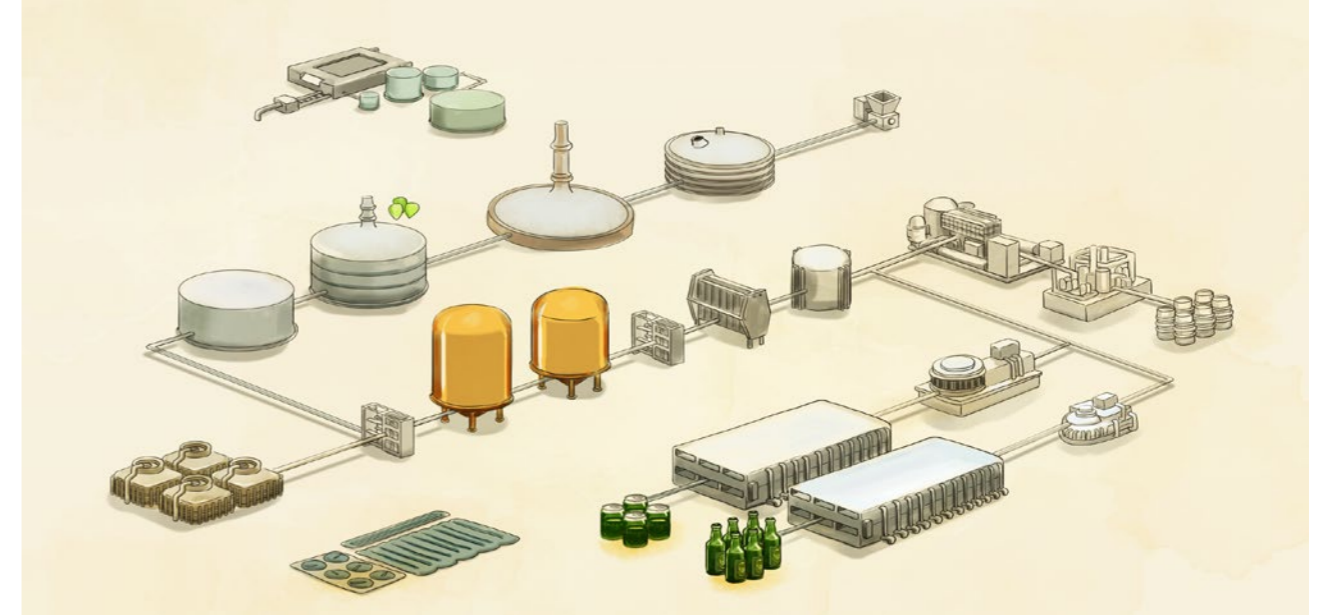
SABECO đã đầu tư phòng thí nghiệm chuyên ngành với đầy đủ các thiết bị hiện đại để phân tích đầy đủ các chỉ tiêu theo yêu cầu kỹ thuật của nguyên vật liệu đầu vào trong 3 năm vừa qua như thiết bị phân tích malt Skalar, HPLC, GC, thiết bị phân tích đạm Trumac. Tất cả các nguyên vật liệu đầu vào trước khi được đưa vào sử dụng phải có được chứng nhận Đạt của Ban Kiểm soát Chất lượng. Chứng nhận Đạt này được đánh giá dựa trên: đúng nhà cung cấp, đúng quốc gia sản xuất (theo danh mục phê duyệt) và các chỉ tiêu theo yêu cầu kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường đáp ứng được quy định.

Ngoài ra, SABECO thực hiện quản lý rủi ro liên quan trong chuỗi cung ứng của mình, trong đó tổ chức đánh giá định kỳ nhà cung cấp tại nơi sản xuất để đảm bảo sự tuân thủ quy trình theo như các cam kết giữa các bên.

QUẢN LÝ VỀ KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ (ĐẦU TƯ TRANG THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI, ĐỘI NGŨ KỸ THUẬT GIÀU KINH NGHIỆM)

Xác định công nghệ, kỹ thuật là yếu tố nền tảng trong chiến lược cạnh tranh và phát triển của mình, các Nhà máy của SABECO được đầu tư máy móc thiết bị đồng bộ với công nghệ sản xuất hiện đại, nhập khẩu từ các hãng sản xuất thiết bị chuyên dùng cho ngành bia hàng đầu thế giới tại Châu Âu như Krones AG, KHS... được tích hợp hệ thống quản lý sản xuất tự động hóa cao, giúp giảm tiêu hao năng lượng.

SABECO không ngừng cải tiến và áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại trong quy trình sản xuất. Năm 2017, các Nhà máy của SABECO trang bị thêm thiết bị kiểm tra chai xì, kiểm tra code, kiểm tra nhãn... Khảo sát và đầu tư hệ thống lọc màng (loại không sử dụng bột trợ lọc) giảm phát chất thải rắn ra môi trường, hệ thống Stripping CO₂.



SABECO ban hành và áp dụng quy trình sản xuất khép kín, tự động hóa cao, quản lý bởi đội ngũ kỹ thuật gồm các kỹ sư về công nghệ - thiết bị và các Brewmaster (chuyên gia sản xuất bia) giàu kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Đến năm 2017, SABECO đã cử nhiều lượt cán bộ kỹ thuật đi học chuyên ngành về bia - Brewmaster tại Hoa Kỳ và Đức, và mời nhiều tổ chức, chuyên gia uy tín để đào tạo chuyên sâu về kỹ thuật cho cán bộ quản lý và vận hành các Nhà máy nhằm nâng cao tay nghề. Cử cán bộ kỹ thuật tham gia đào tạo về nhân men và Phòng thí nghiệm, cảm quan bia, công tác bảo trì, hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn quốc tế ISO. Hiện tại, đã đào tạo được 28 Brewmaster trên toàn hệ thống, đang đào tạo tiếp 23 Brewmaster trong giai đoạn 2017 - 2018.

QUẢN LÝ VỀ CHẤT LƯỢNG (HỆ THỐNG ĐẠT CHUẨN ISO, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, ĐẠT TIÊU CHUẨN TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC)

SABECO áp dụng hệ thống các tiêu chuẩn, quy định thống nhất cho tất cả các Nhà máy trên toàn quốc; Áp dụng cho toàn bộ quy trình sản xuất từ khâu nguyên liệu đến thành phẩm tiêu thụ để đáp ứng các tiêu chuẩn về sản phẩm đồ uống theo tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn của SABECO.

Các Nhà máy Bia Sài Gòn đều được chứng nhận đạt chuẩn ISO 9001:2008 (Hệ thống Quản lý chất lượng), ISO 14001:2004 (Hệ thống Quản lý môi trường), ISO 22000:2005 (Hệ thống Quản lý an toàn thực phẩm), và HACCP (Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn trong quá trình sản xuất).

SABECO có định hướng nâng cao các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý tiên tiến: 14/24 Nhà máy của SABECO có Phòng thí nghiệm được công nhận đạt Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 (Yêu cầu chung về năng lực của phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn) và đang triển khai thực hiện Hệ thống quản lý theo Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 cho 07 Nhà máy khác, đang chờ được cấp Chứng chỉ công nhận. Hiện tại, SABECO đang nỗ lực thực hiện các công việc liên quan để tất cả các Nhà máy sản xuất bia của SABECO đạt được Chứng nhận Hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001:2011 vào năm 2018 - 2019.

NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT ĐÁP ỨNG NHU CẦU NGƯỜI TIÊU DÙNG

Trong năm 2017, SABECO đã mở rộng năng công suất sản xuất đối với Nhà máy bia Sài Gòn - Vĩnh Long từ 75 triệu lít bia/năm lên 96 triệu lít bia/năm. Đồng thời, khởi công xây dựng Nhà máy bia Sài Gòn tại tỉnh Bến Tre (dự kiến quý III/2018 sẽ đưa vào sản xuất thương mại) và nhà máy bia Sài Gòn - Lâm Đồng (dự kiến quý IV/2018 sẽ đưa vào sản xuất thương mại), góp phần cung ứng sản phẩm kịp thời cho thị trường.



NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

Chú trọng các chương trình nghiên cứu Khoa học - Công nghệ giai đoạn 2015 - 2020 để đưa sản phẩm mới ra thị trường trong năm 2018, hoàn thiện và nâng cao hơn nữa chất lượng bao bì sản phẩm (thùng, nhãn, nắp, foil...).

Bia lon Saigon Gold ra mắt trong quý 4/2017 với nồng độ cồn 5% là sản phẩm được nấu từ 100% nguồn malt thượng hạng, hương vị đậm đà với thiết kế sang trọng, tinh tế và đang nhận được những phản hồi tích cực về chất lượng, hương vị và kiểu dáng. Saigon Gold chính là thành quả từ một quá trình nỗ lực không ngừng nghỉ với biết bao tâm huyết của từng cá thể trong SABECO với mục đích tạo nên một sản phẩm mang hơi thở thời đại những vẫn thể hiện được giá trị truyền thống, qua đó khiến người tiêu dùng càng thêm tự hào về thương hiệu Bia Sài Gòn.

Các sản phẩm mới ra đời kỳ vọng giúp gia tăng sản lượng tiêu thụ, giữ vững thị phần của SABECO, tăng doanh thu và lợi nhuận, tăng đóng góp cho ngân sách cho địa phương tại đơn vị trú đóng, giải quyết công ăn việc làm cho lao động địa phương.

Các vấn đề trọng yếu liên quan đến phát triển bền vững

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



Nguồn nhân lực của SABECO luôn được coi là yếu tố cốt lõi và là tài sản quý giá của Doanh nghiệp.



CÁC PHƯƠNG THỨC THẮT CHẶT MỐI QUAN HỆ VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG (THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ)

Các phương thức thắt chặt mối quan hệ với người lao động được SABECO cụ thể hóa bằng việc xây dựng các quy chế, quy định như:

- Thỏa ước lao động tập thể (Ban hành theo Thông báo số 23496/SLĐTBXH-LĐ ngày 04/11/2015): Nhằm tạo nên sự cộng đồng trách nhiệm của cả hai bên trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh trên cơ sở pháp luật lao động; tạo điều kiện để người lao động, bằng sự thương lượng, thỏa thuận để có thể hưởng những lợi ích cao hơn so với sự quy định của pháp luật. Thỏa ước lao động tập thể góp phần điều hòa lợi ích, hạn chế cạnh tranh không cần thiết, tạo ra những điều kiện cho sự gắn bó chặt chẽ giữa người lao động và người sử dụng lao động.

- Quy chế dân chủ (Ban hành theo Quyết định số 54/2014/QĐ-CT.HĐQT ngày 13/06/2014): Có tác động tích cực trong việc góp phần thay đổi nhận thức, tác phong, lối làm việc của cán bộ công nhân viên; Tác động đến hiệu quả, chất lượng công việc được giao, xây dựng được mối quan hệ lao động hài hòa giữa NSDLĐ và người lao động.
- Quy chế đối thoại tại nơi làm việc Ban hành theo Quyết định số 55/2014/QĐ-CT.HĐQT ngày 13/06/2014): Nhằm trao đổi trực tiếp giữa người lao động hoặc tập thể lao động với người sử dụng lao động nhằm chia sẻ thông tin, tăng cường sự hiểu biết giữa các bên để xây dựng quan hệ lao động hài hòa tại nơi làm việc.

ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP (CÁC BIỆN PHÁP KỸ THUẬT, BIỆN PHÁP Y TẾ, CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG)

Nhằm đảm bảo an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp, hàng năm SABECO đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ đối với người lao động. Tổ chức đo môi trường làm việc để kịp thời cải thiện môi trường làm việc ngày càng tốt hơn, những CBCNV làm việc trong môi trường độc hại được kiểm tra giám định và chăm sóc sức khỏe theo quy định.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo các khóa học về an toàn vệ sinh lao động, PCCN... theo luật định.

- Thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên rộng khắp tại các đơn vị nhằm trực tiếp đôn đốc, kiểm tra và giám sát mọi người trong đơn vị chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn và vệ sinh lao động trong sản xuất, bảo quản các trang thiết bị an toàn, sử dụng đúng, đầy đủ các trang thiết bị bảo vệ cá nhân, trang bị kỹ thuật an toàn.

Chính sách tuyển dụng

Công tác tuyển dụng: Được tổ chức thực hiện theo mục tiêu, yêu cầu chiến lược phát triển kinh doanh của SABECO và thực hiện theo kế hoạch hàng năm.

Nguyên tắc tuyển dụng: Thông báo công khai - bảo đảm tính công bằng - cơ hội bình đẳng cho mọi ứng cử viên và thực hiện đúng theo Quy chế, quy trình tuyển dụng của SABECO.

Phương pháp tuyển dụng: Thi tuyển và thông qua Hội đồng phỏng vấn trực tiếp.

Hình thức tiếp nhận hồ sơ: Nhận trực tiếp.

Thông tin tuyển dụng được thể hiện qua website của SABECO và trên phương tiện thông tin đại chúng.

Ưu tiên trong tuyển dụng: Trong quá trình tuyển dụng, trường hợp số ứng viên đạt yêu cầu nhiều hơn số lượng cần tuyển thì những đối tượng sau đây sẽ được ưu tiên tuyển dụng theo thứ tự như sau:

- Người lao động có quá trình làm việc tại SABECO đã nghỉ việc do sắp xếp lại tổ chức hoặc biên chế.
- Thân nhân của người lao động có thâm niên làm việc tại SABECO chưa có bất cứ trường hợp nào được ưu tiên xét tuyển vào SABECO, bao gồm:
 - » Con đẻ của người lao động đã nghỉ hưu có thâm niên công tác ở SABECO trên 10 năm;
 - » Con đẻ, anh chị em ruột (của cả vợ lẫn chồng) của người lao động đang làm việc, có thâm niên làm việc từ 15 năm trở lên.
 - » Sinh viên có thành tích cao đã được nhận học bổng của SABECO vào năm cuối, sinh viên tốt nghiệp loại giỏi.
 - » Con đẻ, anh chị em ruột của Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang, thương binh, liệt sĩ, bộ đội xuất ngũ.
 - » Người lao động hiện đang sinh sống hoặc có hộ khẩu thường trú tại các địa phương SABECO cần tuyển dụng.



Chính sách lương, thưởng, bảo hiểm

Từ năm 2016, khi chính sách của Nhà nước thay đổi, lãnh đạo SABECO đã chỉ đạo thực hiện thành công việc xây dựng hệ thống mô tả công việc, thang bảng lương theo vị trí công việc làm cơ sở để trả lương và thực hiện chế độ bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động. Theo đó, mức đóng bảo hiểm bắt buộc tăng thêm gần 40% trong khi vẫn đảm bảo thu nhập cho người lao động.

Liên quan đến việc triển khai áp dụng chính sách phân phối thu nhập theo 3Ps, lãnh đạo SABECO đã chỉ đạo thực hiện công tác truyền thông, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ cấp trung về công quản trị nhân sự hiệu quả (quản trị theo mục tiêu, giao mục tiêu và đánh giá kết quả thực hiện công việc của nhân viên, xây dựng và đánh giá năng lực nhân viên), tăng quyền chủ động cho lãnh đạo đơn vị trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Tiền lương được thực hiện theo nguyên tắc phân phối lao động và hiệu quả hoạt động của từng bộ phận. Đồng thời tiền lương tại đơn vị được sử dụng như một đòn bẩy để kích thích người lao động tích cực tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc phân phối tiền lương được thực hiện công khai, dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh và trình độ chuyên môn cho từng người lao động trong SABECO.

Công tác chăm lo đời sống của người lao động, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, gắn kết

Ngoài việc đảm bảo các chế độ phúc lợi cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật như đảm bảo 100% người lao động được chi trả các chế độ BHXH, BHYT... theo quy định, 100% người lao động được mua BH tai nạn 24 giờ, 100% người lao động được trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân...; SABECO còn không ngừng nâng cao các chế độ phúc lợi cho người lao động nhằm nâng cao hiệu suất làm việc như các chương trình cân bằng công việc và thư giãn như tham quan, nghỉ mát, sinh hoạt chuyên đề; Tặng bia, tặng quà cho người lao động nhân các dịp sinh nhật, lễ, Tết, Ngày thầy thuốc VN, Ngày Thương binh liệt sĩ, Ngày Quân đội Việt Nam...; Năm 2016, SABECO bắt đầu mua Bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động.

Ngoài chăm lo đời sống văn thể mỹ cho người lao động SABECO còn quan tâm đến thân nhân của nhân viên như tặng quà cho con của người lao động vào các dịp Quốc tế thiếu nhi, Trung thu, Tổng kết năm học; Hàng năm đơn vị duy trì tổ chức sinh hoạt trại hè cho con em của người lao động tại Thanh Đa - TP. HCM...

Các vấn đề trọng yếu liên quan đến phát triển bền vững

70,3 TỶ ĐỒNG
ĐÓNG GÓP CHO HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI NĂM 2017

Mỗi năm, SABECO đã đóng góp hàng chục tỷ đồng vào các hoạt động an sinh xã hội:

- Đồng hành cùng các định hướng, vận động của Chính phủ: Điển hình là định hướng phối hợp với Trung ương Đoàn TNCS HCM để triển khai các hoạt động an sinh xã hội trên toàn quốc góp phần thiết thực và hiệu quả vào phong trào xây dựng nông thôn mới.
- Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn.
- Các hoạt động hỗ trợ người nghèo, gia đình khó khăn.
- Hỗ trợ kịp thời, giúp người dân khắc phục hậu quả thiên tai.
- Đóng góp xây dựng cơ sở vật chất cơ bản tại các địa phương: Đường giao thông, Trường học...
- Chung tay xây dựng, phát triển nguồn nhân lực cho cộng đồng: coi con người là nhân tố cốt lõi, ngoài việc chú trọng đầu tư cho hoạt động đào tạo, khuyến khích sáng tạo, giúp người lao động SABECO phát triển năng lực và bản thân, SABECO còn tích cực tài trợ cho giáo dục đặc biệt là tại các vùng sâu, vùng xa khó khăn... qua đó góp phần kiến tạo nguồn nhân lực chất lượng cho xã hội.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG



THÔNG ĐIỆP

BIA SÀI GÒN CHUNG TAY VỚI CỘNG ĐỒNG

ĐÃ LÀ KIM CHỈ NAM CHO MỌI HOẠT ĐỘNG CỦA SABECO VÀ LAN TỎA TRÊN TOÀN HỆ THỐNG

Các hoạt động cộng đồng chính đã thực hiện năm 2017

Ngân sách

Phối hợp với các tỉnh đoàn triển khai các hoạt động an sinh xã hội	3.000.000.000
Đóng góp, ủng hộ các chương trình an sinh xã hội tại TP. Hồ Chí Minh	12.400.000.000
Cứu trợ đồng bào chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ năm 2017 của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam	1.300.000.000
Hỗ trợ kinh phí khắc phục thiệt hại do cơn bão số 12 gây ra tại Tỉnh Quảng Ngãi	1.000.000.000
Đóng góp quỹ học bổng Vừ A Dính	1.117.597.000
Các hoạt động vì người nghèo, hỗ trợ gia đình khó khăn	2.600.000.000
Hỗ trợ các địa phương xây dựng các công trình cơ bản như: trường học, đường giao thông, ...	20.870.000.000
Hỗ trợ tặng quà cán bộ công chức lao động khó khăn nhân dịp tết nguyên đán, hỗ trợ kinh phí quỹ "Mái ấm công đoàn" các tỉnh, hỗ trợ kinh phí các hoạt động của ngành Công Thương	5.232.553.100
Hoạt động "uống nước nhớ nguồn", hỗ trợ đối với gia đình chính sách	1.966.084.800

KẾT NỐI GIÁ TRỊ NIỀM TIN



Báo cáo tài chính hợp nhất

- 102 Thông tin về doanh nghiệp
- 104 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 106 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 109 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 110 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 112 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Thông tin về doanh nghiệp

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số 4103010027 ngày 17 tháng 04 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0300583659 ngày 29 tháng 02 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 02 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi, lần thứ 6, được cấp ngày 01 tháng 09 năm 2017.	
Hội đồng Quản trị	Ông Võ Thanh Hà Ông Bùi Ngọc Hạnh Ông Nguyễn Bích Đạt Ông Nguyễn Thành Nam Ông Vũ Quang Hải Ông Lê Hồng Xanh	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 16 tháng 02 năm 2017) Thành viên (đến ngày 16 tháng 02 năm 2017) Thành viên (đến ngày 08 tháng 08 năm 2017)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Thành Nam Ông Lê Hồng Xanh Ông Nguyễn Minh An Ông Nguyễn Hữu Lộc Ông Lâm Du An	Tổng Giám đốc (từ ngày 12 tháng 06 năm 2017) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 12 tháng 06 năm 2017) Giám đốc nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi (đến ngày 22 tháng 09 năm 2017) Phụ trách Ban Điều hành (đến ngày 01 tháng 07 năm 2017) Phó Tổng Giám đốc Giám đốc nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi (từ ngày 22 tháng 09 năm 2017) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 12 tháng 10 năm 2017) Giám đốc nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh
Ban kiểm soát	Ông Nguyễn Văn Minh Ông Đỗ Việt Trung Ông Nguyễn Văn Minh Ông Lý Minh Hoàng Ông Hoàng Giang Bình Ông Chung Trí Dũng	Trưởng ban kiểm soát (từ ngày 09 tháng 08 năm 2017) Trưởng ban kiểm soát (đến ngày 08 tháng 08 năm 2017) Thành viên (từ ngày 16 tháng 02 năm 2017 đến ngày 08 tháng 08 năm 2017) Thành viên (từ ngày 08 tháng 08 năm 2017) Thành viên (đến ngày 18 tháng 04 năm 2017) Thành viên (đến ngày 16 tháng 02 năm 2017)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Võ Thanh Hà Ông Nguyễn Thành Nam	Chủ tịch Tổng Giám đốc (từ ngày 12 tháng 06 năm 2017)
Trụ sở chính	Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	
Địa chỉ liên hệ	Tầng 5, Trung tâm Thương mại Vincom, 72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	

Văn phòng đại diện Văn phòng đại diện Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn tại Hà Nội: Tầng 6, số 97, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi
Khu C1, Đường D3, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh
Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn ("Tổng Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- » chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- » thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- » lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 106 đến trang 170. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 02 tháng 04 năm 2018



Báo cáo kiểm toán độc lập gửi các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017 và được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 02 tháng 04 năm 2018. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 106 đến trang 170.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 07 tháng 03 năm 2017. Ban Tổng Giám đốc đã quyết định trình bày lại một số khoản mục của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như trình bày ở Thuyết minh 44.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Quách Thành Châu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0875-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền
Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM7186

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 04 năm 2018

Lương Thị Ánh Tuyết
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2017-006-1

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Mẫu số B 01 - DN/HN



Tại ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2017	2016
			VND	(Trình bày lại - Thuyết minh 44) VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		13.686.327.476.651	10.722.470.187.475
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.268.598.818.042	3.444.825.444.503
111	Tiền		1.631.824.576.797	1.067.588.147.827
112	Các khoản tương đương tiền		2.636.774.241.245	2.377.237.296.676
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		6.558.801.231.269	3.174.321.174.216
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	6.558.801.231.269	3.174.321.174.216
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		715.326.353.415	1.090.484.124.645
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	171.320.969.298	551.218.730.609
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	108.549.780.497	166.784.656.218
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	468.739.410.975	402.155.031.238
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8(a)	(53.455.692.637)	(49.846.178.702)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý	9	20.171.885.282	20.171.885.282
140	Hàng tồn kho	10(a)	2.003.535.067.335	2.134.361.489.832
141	Hàng tồn kho		2.116.546.352.025	2.171.045.269.254
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(113.011.284.690)	(36.683.779.422)
150	Tài sản ngắn hạn khác		140.066.006.590	878.477.954.279
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	11(a)	24.912.851.252	67.695.049.694
152	Thuế GTGT được khấu trừ	19	112.192.286.560	133.125.768.230
153	Thuế và các khoản khác phải thu Ngân sách Nhà nước	12, 19	2.960.868.778	677.657.136.355

Tại ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2017	2016
			VND	(Trình bày lại - Thuyết minh 44) VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		8.327.361.633.259	8.472.277.522.027
210	Các khoản phải thu dài hạn		20.093.775.062	17.479.816.391
211	Phải thu dài hạn của khách hàng		4.761.134.371	5.317.157.150
215	Phải thu về cho vay dài hạn		4.000.000.000	4.000.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	49.118.570.411	46.503.666.490
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8(b)	(37.785.929.720)	(38.341.007.249)
220	Tài sản cố định		5.008.100.480.672	5.473.890.167.787
221	Tài sản cố định hữu hình	13(a)	4.044.747.362.200	4.488.854.249.443
222	Nguyên giá		9.343.836.360.323	9.186.604.019.960
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.299.088.998.123)	(4.697.749.770.517)
227	Tài sản cố định vô hình	13(b)	963.353.118.472	985.035.918.344
228	Nguyên giá		1.088.315.805.211	1.098.990.100.615
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(124.962.686.739)	(113.954.182.271)
230	Bất động sản đầu tư	14	67.657.774.573	56.987.547.102
231	Nguyên giá		83.725.457.765	71.374.464.942
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(16.067.683.192)	(14.386.917.840)
240	Tài sản dở dang dài hạn		111.505.655.106	76.866.965.060
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	111.505.655.106	76.866.965.060
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		2.152.327.824.131	1.959.509.760.655
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(b)	1.747.121.088.747	1.602.030.153.562
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	736.652.914.597	763.251.332.167
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(352.315.059.118)	(426.640.604.979)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	20.868.879.905	20.868.879.905
260	Tài sản dài hạn khác		967.676.123.715	887.543.265.032
261	Chi phí trả trước dài hạn	11(b)	816.991.436.755	756.355.605.445
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	16	136.822.415.511	121.304.649.369
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10(b)	13.862.271.449	9.883.010.218
270	TỔNG TÀI SẢN		22.013.689.109.910	19.194.747.709.502

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Mẫu số B 01 - DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	2017	2016
			VND	VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		7.593.162.674.962	6.898.812.937.830
310	Nợ ngắn hạn		7.401.584.603.555	6.613.016.425.796
311	Phải trả người bán ngắn hạn	17	2.020.399.662.484	2.016.162.043.577
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	89.250.848.970	490.295.652.849
313	Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	19	1.209.757.064.447	971.134.583.923
314	Phải trả người lao động		222.226.205.331	264.807.999.201
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	20	196.525.953.248	226.577.837.383
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		606.060.605	800.000.000
319	Phải trả ngắn hạn khác	21(a)	2.630.180.684.051	1.270.403.801.122
320	Vay ngắn hạn	22(a)	722.903.981.780	1.042.309.667.870
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn		12.991.411.679	-
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	296.742.730.960	330.524.839.871
330	Nợ dài hạn		191.578.071.407	285.796.512.034
332	Người mua trả tiền trước dài hạn		22.183.449	22.183.449
337	Phải trả dài hạn khác	21(b)	53.632.516.000	52.776.316.000
338	Vay dài hạn	22(b)	1.941.629.834	164.412.285.558
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	16	17.217.198.238	13.747.487.771
342	Dự phòng phải trả dài hạn		64.493.890.463	567.585.833
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		54.270.653.423	54.270.653.423
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		14.420.526.434.948	12.295.934.771.672
410	Vốn chủ sở hữu		14.420.489.034.948	12.295.897.371.672
411	Vốn góp của chủ sở hữu	24, 25	6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
414	Vốn khác của chủ sở hữu	25	3.208.666.226	3.208.666.226
415	Cổ phiếu quỹ	25	-	(23.450.000.000)
417	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25	19.113.771.975	17.006.600.079
418	Quỹ đầu tư phát triển	25	1.118.963.482.640	1.118.398.295.310
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	25	5.327.112.664	6.040.737.039
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	25	5.823.903.898.574	3.713.726.741.137
421a	- LNST chưa phân phối của các năm trước		2.946.086.838.409	1.675.604.484.894
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		2.877.817.060.165	2.038.122.256.243
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25, 26	1.037.160.242.869	1.048.154.471.881
430	Nguồn kinh phí và quỹ khác		37.400.000	37.400.000
431	Nguồn kinh phí		37.400.000	37.400.000
440	TỔNG NGUỒN VỐN		22.013.689.109.910	19.194.747.709.502



Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 02 tháng 04 năm 2018.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Mẫu số B 02 - DN/HN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	Thuyết minh	2017	2016
		VND	VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.438.171.048.592	30.602.446.316.556
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(244.780.494.353)	(135.752.579.713)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.193.390.554.239	30.466.693.736.843
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(25.327.872.489.662)	(22.299.654.609.655)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.865.518.064.577	8.167.039.127.188
21	Doanh thu hoạt động tài chính	506.107.630.554	751.041.069.989
22	Chi phí tài chính	25.805.674.678	(68.664.200.785)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(42.111.534.689)	(82.182.081.908)
24	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	411.873.934.390	305.649.678.623
25	Chi phí bán hàng	(2.811.111.874.500)	(2.671.906.350.771)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(935.974.797.536)	(780.911.026.732)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.062.218.632.164	5.702.248.297.512
31	Thu nhập khác	106.139.463.217	138.614.329.944
32	Chi phí khác	(91.266.440.247)	(113.519.220.050)
40	Lợi nhuận khác	14.873.022.970	25.095.109.894
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.077.091.655.134	5.727.343.407.406
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(1.140.540.458.945)	(411.415.406.799)
52	Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	12.048.055.675	(798.584.559.967)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.948.599.251.864	4.517.343.440.640
	Phân bổ cho:		
61	Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty	4.711.485.204.581	4.338.773.356.882
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	237.114.047.283	178.570.083.758
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.915	6.194
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.915	6.194

Hoàng Thanh Vân

Hoàng Thanh Vân
Người lập

Nguyễn Tiến Dũng

Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 02 tháng 04 năm 2018.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 - DN/HN



Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm

Thuyết minh	2017	2016
	VND	(Trình bày lại - Thuyết minh 44) VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01 Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.077.091.655.134	5.727.343.407.406
Điều chỉnh cho các khoản:		
02 Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	625.353.451.649	632.464.161.880
03 Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	81.974.112.122	(7.126.993.043)
04 Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	105.642.811	1.407.026
05 Lãi từ hoạt động đầu tư	(920.687.812.365)	(1.053.307.864.078)
06 Chi phí lãi vay	42.111.534.689	82.182.081.908
08 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	5.905.948.584.040	5.381.556.201.099
09 Giảm/(tăng) các khoản phải thu	187.690.969.602	(106.137.506.487)
10 Giảm/(tăng) hàng tồn kho	50.519.655.998	(210.519.271.008)
11 Giảm các khoản phải trả	(329.359.651.676)	(2.915.780.040.492)
12 Tăng chi phí trả trước	(17.853.632.868)	(54.335.072.441)
14 Tiền lãi vay đã trả	(44.424.319.099)	(87.165.769.568)
15 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(294.736.168.316)	(984.037.331.258)
17 Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(389.966.128.772)	(304.207.973.110)
20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	5.067.819.308.909	719.373.236.735
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21 Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(151.157.759.584)	(156.346.954.556)
22 Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	14.863.280.117	40.502.081.658
23 Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	(7.278.046.709.349)	(3.034.021.174.216)
24 Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	3.893.566.652.296	809.466.940.162
25 Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(43.880.715.400)	(27.824.678.187)
26 Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	66.048.265.300	581.149.667.139
27 Thu lãi tiền gửi và cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	678.088.897.966	783.616.859.474
30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2.820.518.088.654)	(1.003.457.258.526)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm

Thuyết minh	2017	2016
	VND	(Trình bày lại - Thuyết minh 44) VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31 Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	67.207.854.357	5.820.025.630
33 Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	3.541.517.218.824	3.880.680.269.651
35 Chi trả nợ gốc vay	(4.023.393.560.638)	(4.336.074.219.633)
36 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(1.008.864.945.050)	(3.757.483.070.376)
40 Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(1.423.533.432.507)	(4.207.056.994.728)
50 Lưu chuyển tiền thuần trong năm	823.767.787.748	(4.491.141.016.519)
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm	3.444.825.444.503	7.935.974.303.078
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	5.585.791	(7.842.056)
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	3.444.825.444.503	3.444.825.444.503

Các giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền mặt trong năm tài chính được trình bày tại Thuyết minh 40.

Hoàng Thanh Vân
Người lập

Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng

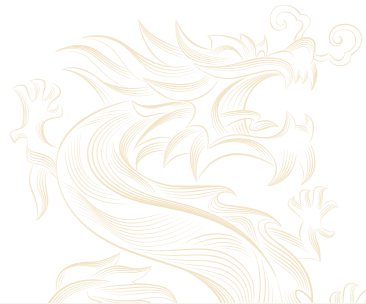


Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 02 tháng 04 năm 2018.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 09 - DN/HN



1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ban hành ngày 06 tháng 05 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị bao gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 05 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy phép kinh doanh số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 09 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 04 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300583659 ngày 29 tháng 02 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi, lần thứ 6, được cấp ngày 01 tháng 09 năm 2017 cập nhật thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán “SAB” theo Quyết định niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Hoạt động chính của Tập đoàn là:

- » Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì;
- » Cung cấp dịch vụ vận tải, hậu cần và kho bãi;
- » Sản xuất sản phẩm cơ khí, xây dựng kết cấu thép và cung cấp dịch vụ cơ khí lắp đặt; và
- » Xây dựng và cung cấp dịch vụ bất động sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 8.395 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 8.183 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có 23 công ty con và 21 công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở trang tiếp theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và quyền lợi của Tập đoàn trong các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh được liệt kê ở trang tiếp theo:

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

Tên	Địa điểm (Tỉnh/Thành phố)	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính	2017		2016	
			Quyền sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Quyền sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
I - CÔNG TY CON						
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	Cần Thơ	Sản xuất và kinh doanh bia	51	51	51	51
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương	Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh nước giải khát	62,06	62,06	62,06	62,06
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Sản xuất và kinh doanh bia	66,56	66,56	66,56	66,56
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh rượu	93,29	93,46	93,29	93,46
Công ty Cổ phần Bia Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	Phú Thọ	Sản xuất bia và nước giải khát có ga	55,83	56,24	55,83	56,24
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	Nghệ An	Sản xuất và mua bán các sản phẩm bia, cồn, rượu và nước giải khát	54,73	54,73	54,73	54,73
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát, xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan	68,78	68,78	68,78	68,78
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát, xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan	52,11	52,11	52,11	52,11
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Kinh doanh bia	100	100	100	100
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Miền Bắc	Hà Nội	Mua bán rượu, bia, nước giải khát; vận chuyển hàng hóa và cho thuê kho bãi	94,72	94,72	94,72	94,72
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Bắc Trung Bộ	Nghệ An	Mua bán rượu, bia, nước giải khát; kinh doanh kho bãi và vận tại hàng hóa	94,92	94,92	94,92	94,92
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Trung Tâm	Hồ Chí Minh	Bán buôn bia, đồ uống có cồn; bán buôn đồ uống không có cồn; bán buôn hóa chất khác; cồn	94,23	94,23	94	94
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Miền Trung	Quảng Ngãi	Mua bán rượu, bia, nước giải khát	91,24	91,24	91,24	91,24
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Tây Nguyên	Đắk Lắk	Mua bán rượu, bia, nước giải khát	90	90	90	90
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Nam Trung Bộ	Khánh Hòa	Mua bán rượu, bia, nước giải khát	90,14	90,14	90,14	90,14
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Miền Đông	Bình Dương	Mua bán rượu, bia, nước giải khát	90,68	90,68	90,68	90,68
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Sông Tiền	Vĩnh Long	Mua bán rượu, bia, nước giải khát	90	90	90	90
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Sông Hậu	Cần Thơ	Mua bán rượu, bia, nước giải khát	90	90	90	90
Công ty TNHH MTV Cơ Khí SABECO	Hồ Chí Minh	Chế tạo máy móc dùng cho sản xuất thực phẩm, lắp đặt và bảo trì hệ thống máy móc thiết bị	100	100	100	100
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Sóc Trăng	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai,	51	100	51	100
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Đồng Bắc	Hồ Chí Minh	Mua bán rượu, bia, nước giải khát	90,45	90,45	90,45	90,45
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai,	100	100	100	100
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Sản xuất và mua bán nắp khoen thiếc và bao bì kim loại, bao bì phục vụ ngành đồ uống thực phẩm,	76,81	76,81	76,81	76,81

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 09 - DN/HN



1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

Tên	Địa điểm (Tỉnh/Thành phố)	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính	2017		2016	
			Quyền sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Quyền sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
II - CÔNG TY LIÊN DOANH						
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh (*)	Hồ Chí Minh	Cho thuê và quản lý cao ốc văn phòng	35	25	35	25
Công ty TNHH Crown Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Sản xuất lon nhôm	30,04	30,04	30,04	30,04
Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya Việt Nam	Hồ Chí Minh	Sản xuất các sản phẩm thủy tinh	30	30	30	30
Công ty TNHH Bao bì Samiguel Phú Thọ	Hồ Chí Minh	Sản xuất và bán các sản phẩm bao bì đóng gói bằng kim loại	35	35	35	35
Công ty TNHH Sản xuất Rượu Cồn Việt Nam	Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh rượu và các sản phẩm nước uống có cồn	45	45	45	45
III - CÔNG TY LIÊN KẾT						
Công ty Cổ phần Lương thực - Thực phẩm Trường Sa	Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm	38,53	38,98	38,53	38,98
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Lý (**)	Hà Nam	Sản xuất bia, nước khoáng; dịch vụ khách sạn và vận chuyển	29,76	29,76	29,76	29,76
Công ty Cổ phần Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam	Hồ Chí Minh	Tư vấn xây dựng và thiết kế	28,57	28,57	28,57	28,57
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	Phú Thọ	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	30,52	33,85	30,52	33,85
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp	26	26	26	26
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	Cần Thơ	Sản xuất và kinh doanh rượu, bia, nước giải khát; sửa chữa nành, nước ép trái cây	27,62	34,92	30,77	38,51
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bình Tây (**)	Hồ Chí Minh	Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, bia và nước uống có cồn	21,43	22,17	21,43	22,17
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	Đắk Lắk	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cón, nước giải khát và phụ tùng thay thế	32,39	32,41	32,39	32,41
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Tân Thành	Hồ Chí Minh	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	29	29	29	29
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Bạc Liêu	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	10,2	20	10,2	20
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận (**)(***)	Ninh Thuận	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	10,26	10,26	20	20
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Vĩnh Long	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	20	20	20	20
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	Kiên Giang	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cón, nước giải khát và phụ tùng thay thế	20	20	20	20
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, cón, nước giải khát và phụ tùng thay thế	26	26	26	26
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre (****)	Bến Tre	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	20	20	-	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng (*****)	Lâm Đồng	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	20	20	-	-

- (*) Quyền sở hữu của Tổng Công ty trong liên doanh với Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh được quy định tại Hợp đồng Liên doanh giữa Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Chương Dương”) và bên đối tác là Công ty Centrepont Properties Ltd., một công ty được thành lập tại Singapore, ký ngày 24 tháng 11 năm 1994. Tại thời điểm cổ phần hóa Chương Dương, quyền sở hữu của Hợp đồng Liên doanh này đã được chuyển giao từ Chương Dương sang Tổng Công ty theo phê duyệt của Bộ Công thương). Theo quy định tại hợp đồng liên doanh, lợi nhuận được phân chia cho các bên theo lịch biểu quy định tại hợp đồng này. Năm 2017, tỷ lệ phân chia cho Tổng Công ty và bên đối tác tương ứng là 35% và 65%.
- (**) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông vào ngày 15 tháng 04 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bình Tây thống nhất thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng để hoán đổi, sáp nhập Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Lý vào Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bình Tây. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, việc hoán đổi và sáp nhập nêu trên chưa hoàn thành. Vì vậy, quyền sở hữu và quyền biểu quyết của Tập đoàn vào 3 công ty này vẫn giữ nguyên không đổi.
- (***) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị số 100/2016/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 11 năm 2016 và Hợp đồng sáp nhập ngày 29 tháng 09 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận Sagota, tại ngày 30 tháng 11 năm 2016, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận Sagota đã được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận. Do ảnh hưởng từ việc sáp nhập này, tỷ lệ kiểm soát của Tổng Công ty giảm từ 20% trong năm 2016 còn 10,26% tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và do đó Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận không còn được xem là công ty liên kết.
- (****) Theo Quyết định số 59/2017/QĐ - HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 13 tháng 03 năm 2017, Tổng Công ty đầu tư và góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre với số tiền là 20.000.000.000 Đồng, chiếm 20% vốn điều lệ của công ty liên kết này.
- (*****) Theo Nghị quyết số 114/2007/NQ - HDQT của Hội đồng Quản trị ngày 12 tháng 10 năm 2017, Tổng Công ty đầu tư và góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng với số tiền là 20.000.000.000 Đồng, chiếm 20% vốn điều lệ của công ty này.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.



2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Liên doanh và công ty liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong liên doanh và các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

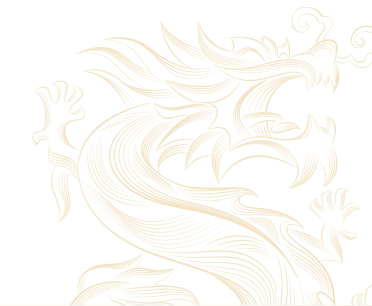
Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên doanh, liên kết theo quy định kế toán hiện hành. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.



2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.8 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

(b) Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.4).

(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, ngoại trừ một số khoản đầu tư được đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và tại ngày 30 tháng 04 năm 2008 cho mục đích cổ phần hóa theo Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa ngày 06 tháng 03 năm 2010.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc đã dự đoán từ khi đầu tư.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế, ngoại trừ các tài sản đã được đánh giá lại trong quá trình cổ phần hóa của Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định. Trong quá trình cổ phần hóa của Tổng Công ty Nhà nước, tài sản cố định đã được đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và tại ngày 30 tháng 04 năm 2008.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 8 năm
Dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và giá trị đã được đánh giá lại trong quá trình cổ phần hóa của Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và không khấu hao.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá theo thời gian quy định trong các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.



2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tập đoàn bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
Quyền sử dụng đất	46 năm

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tập đoàn không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Tổn thất bất động sản đầu tư chờ tăng giá được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy. Tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- » Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- » Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.17 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Tổng Công ty và các công ty con, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

2.19 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Tổng Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.



2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.19 Phân chia lợi nhuận thuần (tiếp theo)

Tập đoàn trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ cho việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên.

(c) Quỹ công tác xã hội

Quỹ công tác xã hội được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo đề xuất của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập để thực hiện công tác an sinh xã hội, các hoạt động từ thiện, các hoạt động vì cộng đồng, vì xã hội của Tập đoàn.

(d) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập từ lợi nhuận tính thuế theo quy định hiện hành. Quỹ này được trích lập để đầu tư phát triển khoa học và công nghệ của Tập đoàn.

2.20 Chia cổ tức

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

2.21 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- » Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- » Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- » Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- » Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- » Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- » Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- » Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- » Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- » Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập được quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.22 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.23 Chi phí tài chính

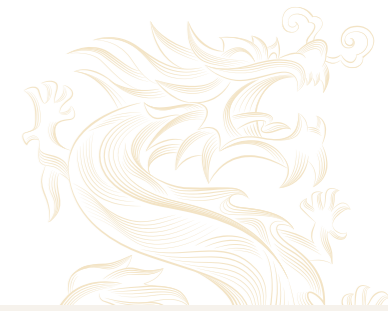
Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn; chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.24 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng chủ yếu phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, chủ yếu bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, và vận chuyển.

2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê mướn bãi; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.



2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.26 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.27 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Bộ Công thương hiện nắm giữ số cổ phần lớn trong Tổng Công ty và do đó được xem là một bên liên quan. Tuy nhiên, những doanh nghiệp chịu sự kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể của Bộ Công thương thì không được xem là các bên liên quan với Tổng Công ty cho mục đích công bố thông tin, bởi vì các doanh nghiệp này không gây ảnh hưởng đối với Tổng Công ty hoặc không chịu ảnh hưởng từ Tổng Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2.29 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tập đoàn một cách toàn diện.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2017	2016
	VND	VND
Tiền mặt	5.390.868.148	3.669.098.125
Tiền gửi ngân hàng (*)	1.626.433.708.649	1.063.919.049.702
Các khoản tương đương tiền (**)	2.636.774.241.245	2.377.237.296.676
	4.268.598.818.042	3.444.825.444.503

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, bao gồm trong tiền gửi ngân hàng là số tiền 115.117.546.210 đồng mà Tổng Công ty giữ hộ Bộ Công thương để thanh toán các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tổ chức chào bán cạnh tranh cổ phần thuộc sở hữu Nhà nước tại Tổng Công ty theo Báo cáo số 158/2017/BC-BPĐDPVNN ngày 29 tháng 12 năm 2017.

(**) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu dưới 3 tháng và hưởng lãi suất là từ 4,7% - 5,5%/năm.



4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngắn hạn

	2017		2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	6.558.801.231.269	-	6.558.801.231.269	-
			3.174.321.174.216	3.174.321.174.216

(*) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có thời hạn đáo hạn còn lại dưới 1 năm và hưởng lãi suất từ 4%/năm đến 12,17%/năm.

Dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện các khoản đầu tư của Tập đoàn vào trái phiếu. Chi tiết được trình bày như sau:

	2017		2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam	20.868.879.905	(20.868.879.905)	20.868.879.905	(20.868.879.905)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	2017		2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (i)	1.747.121.088.747	(19.988.792.554)	1.727.132.296.193	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (ii)	736.652.914.597	(332.326.266.564)	404.326.648.033	(426.640.604.979)
	2.483.774.003.344	(352.315.059.118)	2.131.458.944.226	(426.640.604.979)

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(i) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	2017		2016	
		Quyền sở hữu và biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		%	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Trương Sa	Sản xuất sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm	38,53	4.597.654.606	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Lý	Sản xuất bia, nước khoáng, dịch vụ khách sạn và kinh doanh vận chuyển	29,76	134.708.832.052	(*)	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam	Tư vấn xây dựng và thiết kế	28,57	329.653.546	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	30,52	81.363.598.253	111.296.340.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp	26	12.641.612.636	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Tây Đô	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	27,62	111.504.428.891	(*)	-
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	Cho thuê và quản lý cao ốc văn phòng	35	119.215.074.210	(*)	-
Công ty TNHH Crown Sài Gòn	Sản xuất lon nhôm	30,04	302.127.077.404	(*)	-
Công ty TNHH Thủy Tinh Malaysia Việt Nam	Sản xuất các sản phẩm thủy tinh	30	169.368.729.376	(*)	-
Công ty TNHH Bao bì Sanmiguel Phú Thọ	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	35	55.532.678.119	(*)	-
Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	45	19.988.792.554	(*)	(19.988.792.554)
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bình Tây	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	21,43	326.779.406.443	(*)	-



4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(i) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Tên công ty	Hoạt động chính	2017				2016			
		Quyền sở hữu và biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Quyền sở hữu và biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		%	VND	VND	VND	%	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	32,39	150.263.429.620	304.692.034.500	-	32,39	140.520.888.952	290.444.362.600	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thành	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	29	69.681.606.168	(*)	-	29	69.918.088.079	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	10,2	39.376.471.352	(*)	-	10,2	39.205.674.673	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	-	-	(*)	-	20	41.354.195.103	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	20	45.712.379.489	(*)	-	20	42.519.174.538	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên giang	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	20	27.867.627.428	(*)	-	20	25.650.998.140	(*)	-
Công ty Cổ phần đầu tư SABECO Pearl	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	-	-	(*)	-	26	26.219.499.384	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	26	36.062.036.600	(*)	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	20	20.000.000.000	(*)	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	20	20.000.000.000	(*)	-	-	-	-	-
			1.747.121.088.747	(19.988.792.554)			1.602.030.153.562		-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này vì đây là các khoản đầu tư tài chính dài hạn không niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(ii) Đầu tư vào đơn vị khác

Chi tiết các khoản đầu tư vào đơn vị khác được trình bày như sau:

	2017				2016			
	Quyền sở hữu và biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Quyền sở hữu và biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	%	VND	VND	VND	%	VND	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	2,31	216.579.320.000	172.985.865.600	(34.944.167.400)	2,75	216.579.320.000	62.440.184.736	(154.139.135.264)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	0,95	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)	0,95	136.265.460.000	9.467.092.000	(126.798.368.000)
Công ty Cổ phần Bao Bì SABECO Sông Lam	16,60	50.000.000.000	(*)	-	15,33	50.000.000.000	(*)	-
Công ty PVI Sài Gòn	0,21	51.475.140.000	15.584.999.400	(35.890.140.600)	0,21	51.475.140.000	12.089.298.600	(39.385.841.400)



4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(ii) Đầu tư vào đơn vị khác (tiếp theo)

	2017				2016			
	Quyền sở hữu và biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Quyền sở hữu và biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	%	VND	VND	VND	%	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Không Gian ngầm	5,29	23.085.000.000	(*)	(23.085.000.000)	5,29	23.085.000.000	(*)	(1.721.774.409)
Công ty Du lịch Dầu khí Phương Đông	9,8	30.700.950.000	5.880.000.000	(24.820.950.000)	9,8	30.700.950.000	6.762.000.000	(23.938.950.000)
Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	10	51.107.720.722	(*)	(35.757.720.722)	10	51.107.720.722	(*)	(33.731.120.722)
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bĩa Sài Gòn	13,54	26.588.267.394	(*)	-	16,71	26.588.267.394	(*)	-
Quỹ đầu tư Việt Nam	7,97	35.617.214.481	(*)	-	7,97	42.337.214.481	(*)	(24.851.604.453)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	7,20	45.000.000.000	(*)	(11.407.259.277)	7,2	45.000.000.000	(*)	(15.958.630.635)
Công ty TNHH Đầu tư SABECO Hiệp Phúc	8	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)	8	24.426.586.800	(*)	-
Công ty Cổ phần Bĩa Sài Gòn - Ninh Thuận	10,26	19.800.000.000	(*)	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Bĩa Sài Gòn - Đồng Nai	10,38	3.954.000.000	(*)	(3.872.396.382)	10,38	3.954.000.000	(*)	(3.327.377.203)
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC	8,35	14.992.108.200	(*)	(341.936.800)	8,35	14.992.108.200	(*)	-
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà	3,64	5.600.000.000	(*)	(1.514.648.583)	3,64	5.600.000.000	(*)	(361.013.016)
Công ty Cổ phần Cồn Rượu Bình Tây - Việt Nam	6	300.000.000	(*)	-	6	300.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	1,89	1.161.147.000	(*)	-	1,89	1.161.147.000	(*)	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	-	-	(*)	-	0,46	36.603.803.243	51.552.459.000	-
Khác	-	-	(*)	-	0,00	3.074.614.327	(*)	(2.426.789.877)
		736.652.914.597	(332.326.266.564)			763.251.332.167		(426.640.604.979)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tập đoàn không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này vì đây là các khoản đầu tư tài chính dài hạn không niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc không có giao dịch phát sinh trên thị trường chứng khoán.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 09 - DN/HN



4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư dài hạn (tiếp theo)

(iii) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	426.640.604.979	441.914.712.459
Tăng dự phòng	80.194.888.491	-
Hoàn nhập dự phòng	(154.520.434.352)	(15.274.107.480)
Số dư cuối năm	352.315.059.118	426.640.604.979

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2017	2016
	VND	VND
Bên thứ ba (*)	110.586.954.322	145.535.841.604
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	60.734.014.976	405.682.889.005
	171.320.969.298	551.218.730.609

(*) Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng từ bên thứ ba chiếm trên 10% tổng số dư chủ yếu bao gồm khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hương Sen với số tiền là 15.630.154.481 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 26.069.471.834 Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán được trình bày tại Thuyết minh 8(a).

6 TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	2017	2016
	VND	VND
Bên thứ ba	108.548.121.297	166.782.997.018
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	1.659.200	1.659.200
	108.549.780.497	166.784.656.218

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư các khoản trả trước ngắn hạn cho người bán đã quá hạn thanh toán được trình bày tại Thuyết minh 8(a).

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	2017		2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu góp vốn bằng quyền sử dụng đất từ bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	277.230.733.543	-	277.230.733.543	-
Lãi tiền gửi	137.325.695.453	-	48.097.432.891	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia từ bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	4.184.381.836	-	487.062.575	-
Ký cược, ký quỹ	2.155.971.763	-	11.388.182.334	-
Tạm ứng cho nhân viên	5.353.747.361	(122.374.582)	8.030.727.986	(122.374.582)
Lãi từ trái phiếu và cho vay	11.088.955.594	(11.088.955.594)	11.088.955.594	(11.088.955.594)
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	1.781.508.224	-	13.632.314.182	-
Phải thu khác	29.618.417.201	(12.254.776.992)	32.199.622.133	(12.615.808.074)
	468.739.410.975	(23.466.107.168)	402.155.031.238	(23.827.138.250)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán được trình bày tại Thuyết minh 8(a).

(b) Phải thu dài hạn khác

	2017		2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	41.089.805.411	-	38.474.901.490	-
Khác	8.028.765.000	(8.000.000.000)	8.028.765.000	(8.000.000.000)
	49.118.570.411	(8.000.000.000)	46.503.666.490	(8.000.000.000)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư các khoản phải thu dài hạn khác đã quá hạn thanh toán được trình bày tại Thuyết minh 8(b).



8 DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Ngắn hạn

	2017				2016			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn
	VND	VND	VND	Ngày	VND	VND	VND	Ngày
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)	9.676.177.624	-	(9.676.177.624)	Trên 1 năm	5.583.258.025	-	(5.583.258.025)	Trên 1 năm
Dự phòng trả trước ngắn hạn cho người bán (Thuyết minh 6)	141.522.563	-	(141.522.563)	Trên 1 năm	141.522.563	-	(141.522.563)	Trên 1 năm
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))	23.466.107.168	-	(23.466.107.168)	Trên 1 năm	23.827.138.250	-	(23.827.138.250)	Trên 1 năm
Dự phòng tài sản thiếu chờ xử lý (Thuyết minh 9)	20.171.885.282	-	(20.171.885.282)	Trên 1 năm	20.171.885.282	-	(20.171.885.282)	Trên 1 năm
	53.455.692.637	-	(53.455.692.637)		49.846.178.702	-	(49.846.178.702)	

Dài hạn

	2017				2016			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Số ngày đáo hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Số ngày đáo hạn
	VND	VND	VND	Ngày	VND	VND	VND	Ngày
Dự phòng đầu tư vào trái phiếu của Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (Thuyết minh 4(a)(ii))	20.868.879.905	-	(20.868.879.905)	Trên 1 năm	20.868.879.905	-	(20.868.879.905)	Trên 1 năm
Dự phòng phải thu dài hạn của khách hàng	4.917.049.815	-	(4.917.049.815)	Trên 1 năm	5.472.127.344	-	(5.472.127.344)	Trên 1 năm
Dự phòng phải thu về cho vay dài hạn	4.000.000.000	-	(4.000.000.000)	Trên 1 năm	4.000.000.000	-	(4.000.000.000)	Trên 1 năm
Dự phòng phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 7(b))	49.118.570.411	41.118.570.411	(8.000.000.000)	Trên 1 năm	46.348.696.299	38.348.696.299	(8.000.000.000)	Trên 1 năm
	78.904.500.131	41.118.570.411	(37.785.929.720)		76.689.703.548	38.348.696.299	(38.341.007.249)	

9 TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	2017	2016
	VND	VND
Hàng tồn kho	4.356.534.586	4.356.534.586
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	6.830.212.392	6.830.212.392
Khác	8.985.138.304	8.985.138.304
	20.171.885.282	20.171.885.282



10 HÀNG TỒN KHO VÀ PHỤ TÙNG THAY THẾ

(a) Hàng tồn kho

	2017		2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	133.269.869.755	-	145.580.119.137	-
Nguyên vật liệu tồn kho	445.447.823.503	(33.106.801.005)	389.219.518.589	(20.511.794.712)
Công cụ, dụng cụ trong kho	110.139.126.470	(52.660.898.286)	105.780.575.256	-
Chi phí SXKD dở dang	195.379.665.874	-	193.437.246.471	-
Thành phẩm tồn kho	1.228.465.858.552	(27.243.585.399)	1.336.973.736.462	(16.171.984.710)
Khác	3.844.007.871	-	54.073.339	-
	2.116.546.352.025	(113.011.284.690)	2.171.045.269.254	(36.683.779.422)

Biến động về dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	36.683.779.422	27.508.410.201
Tăng dự phòng	77.473.899.509	9.175.369.221
Hoàn nhập dự phòng	(1.146.394.241)	-
Số dư cuối năm	113.011.284.690	36.683.779.422

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	2017		2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	29.947.951.489	(16.085.680.040)	26.063.690.258	(16.180.680.040)

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước ngắn hạn

	2017		2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Vật phẩm quảng cáo	-	-	33.368.166.651	-
Chi phí trả trước tiền thuê đất	6.946.093.638	-	7.023.851.235	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.715.976.137	-	12.586.932.949	-
Khác	11.250.781.477	-	14.716.098.859	-
	24.912.851.252	-	67.695.049.694	-

Chi phí trả trước dài hạn

	2017		2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bao bì, chai kết (i)	573.864.012.633	-	445.979.831.990	-
Lợi thế kinh doanh	5.080.932.000	-	11.855.508.000	-
Tiền thuê đất	80.712.741.718	-	96.101.895.929	-
Công cụ, dụng cụ	4.735.793.248	-	14.681.959.031	-
Tiền thuê kho	60.458.108.678	-	92.980.611.907	-
Kinh phí sửa chữa, phụ tùng thay thế	36.176.398.915	-	34.114.699.663	-
Tài sản chờ mang đi đầu tư (ii)	51.602.316.000	-	51.602.316.000	-
Khác	4.361.133.563	-	9.038.782.925	-
	816.991.436.755	-	756.355.605.445	-

(i) Nguyên giá của bao bì, chai kết sử dụng nhiều lần được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm.

(ii) Tài sản chờ mang đi đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất chờ bàn giao (Thuyết minh số 21(b)).

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	756.355.605.445	626.304.930.215
Tăng	630.225.844.217	660.716.987.595
Phân bổ trong năm	(450.121.029.891)	(487.339.025.148)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.789.985.951)	(763.501.125)
Thanh lý	(117.259.102.946)	(42.243.688.739)
Giảm khác	(419.894.119)	(320.097.353)
Số dư cuối năm	816.991.436.755	756.355.605.445

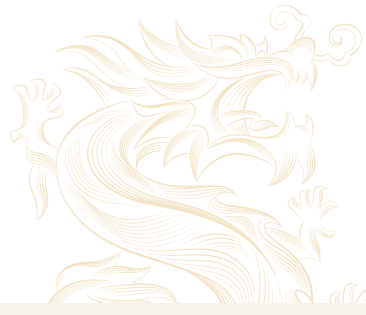
12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	2017		2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.876.829.629	-	664.808.325.180	-
Thuế khác	1.084.039.149	-	12.848.811.175	-
	2.960.868.778	-	677.657.136.355	-

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 09 - DN/HN



13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2016	1.805.273.608.252	7.042.719.819.625	218.141.785.567	112.084.958.203	8.383.848.313	9.186.604.019.960						
Mua mới	4.548.097.756	71.996.396.522	24.193.591.275	11.288.893.960	630.149.780	112.657.129.293						
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 15)	39.236.356.628	29.688.194.669	-	346.958.252	-	69.271.509.549						
Tặng/(giảm) khác	16.336.934	89.105.947	-	(25.052.500)	(97.952.381)	(17.562.000)						
Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh 14(a))	(12.350.992.823)	-	-	-	-	(12.350.992.823)						
Thanh lý, nhượng bán	(161.033.340)	(7.155.864.251)	(4.963.440.383)	(47.405.682)	-	(12.327.743.656)						
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.836.562.373.407	7.137.337.652.512	237.371.936.459	123.648.352.233	8.916.045.712	9.343.836.360.323						
Khấu hao lũy kế												
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	676.443.366.523	3.796.470.456.027	145.505.621.104	76.668.570.581	2.661.756.282	4.697.749.770.517						
Khấu hao trong năm	100.623.794.384	476.692.381.630	19.442.490.166	13.211.346.910	1.043.005.394	611.013.018.484						
Tặng khác	2.254.305.663	-	-	-	-	2.254.305.663						
Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh 14(a))	(358.208.399)	-	-	-	-	(358.208.399)						
Thanh lý, nhượng bán	(161.033.340)	(6.398.008.737)	(4.963.440.383)	(47.405.682)	-	(11.569.888.142)						
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	778.802.224.831	4.266.764.828.920	159.984.670.887	89.832.511.809	3.704.761.676	5.299.088.998.123						
Giá trị còn lại												
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	1.128.830.241.729	3.246.249.363.598	72.636.164.463	35.416.387.622	5.722.092.031	4.488.854.249.443						
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.057.760.148.576	2.870.572.823.592	77.387.265.572	33.815.840.424	5.211.284.036	4.044.747.362.200						

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn cho các công ty liên kết thuê có thu phí là 124.633.470.071 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 124.633.470.071 Đồng) (Thuyết minh 41(a)).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.279.125.997.536 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.175.181.664.704 Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 286.815.154.639 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 217.000.938.448 Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn (Thuyết minh 22).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chờ thanh lý là 51.351.731.226 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 19.829.100.878 Đồng).

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)		Phần mềm máy tính		TSCĐ vô hình khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá								
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	1.036.650.762.548	62.091.890.585	247.447.482					1.098.990.100.615
Mua mới	-	1.761.200.000	-					1.761.200.000
Thanh lý, nhượng bán	(12.435.495.404)	-	-					(12.435.495.404)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.024.215.267.144	63.853.090.585	247.447.482					1.088.315.805.211
Khấu hao lũy kế								
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	64.811.870.903	49.035.179.767	107.131.601					113.954.182.271
Khấu hao trong năm	7.087.713.000	5.883.218.003	46.945.209					13.017.876.212
Thanh lý, nhượng bán	(2.009.371.744)	-	-					(2.009.371.744)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	69.890.212.159	54.918.397.770	154.076.810					124.962.686.739
Giá trị còn lại								
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	971.838.891.645	13.056.710.818	140.315.881					985.035.918.344
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	954.325.054.985	8.934.692.815	93.370.672					963.353.118.472

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 45.268.729.863 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 42.005.258.076 Đồng).

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất mà Tổng Công ty đã ghi nhận theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa trên tài khoản "Tài sản cố định vô hình" và tài khoản đối ứng là "Phải trả ngắn hạn khác" tương ứng với số tiền là 735.379.872.700 Đồng theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa của Tổng Công ty do Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài chính thực hiện tại thời điểm ngày 30 tháng 04 năm 2008 được lập vào ngày 06 tháng 03 năm 2010 (Thuyết minh 21(a)).

Các khu đất này đã được Bộ Công thương giao cho Tổng Công ty quản lý và sử dụng theo quy hoạch của Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để lập hợp đồng thuê đất. Hiện tại, Tổng Công ty đang sử dụng các quyền sử dụng đất này cho mục đích sản xuất kinh doanh, và quyền sử dụng đất cho các khu đất này chỉ có tính tạm thời. Tổng Công ty không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, thế chấp các quyền sử dụng đất này.



13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Chi tiết giá trị quyền sử dụng đất theo giá trị tạm tính được xác định tại ngày 06 tháng 03 năm 2010 như sau:

STT	Địa chỉ	Diện tích	Giá trị định giá khi xác định
			giá trị doanh nghiệp
		m ²	VND
1	46 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872,5	55.241.212.500
2	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406,1	418.634.111.100
3	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729	247.637.160.000
4	18/3B Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216,3	13.867.389.100
			735.379.872.700

Tổng Công ty chưa trích khấu hao giá trị của các quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng chưa được xác định một cách chắc chắn tại ngày kết thúc năm tài chính. Tuy nhiên, Tổng Công ty đã hạch toán chi phí sử dụng các lô đất nêu trên trong năm với số tiền là 22.198.354.050 Đồng (năm 2016: 20.718.137.655 Đồng) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các chi cục thuế địa phương.

14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	2017	2016
	VND	VND
		(Trình bày lại - Thuyết minh 44)
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	35.896.864.916	25.226.637.445
Bất động sản đầu tư chờ tăng giá (b)	31.760.909.657	31.760.909.657
	67.657.774.573	56.987.547.102

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất	Tòa nhà	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	27.812.438.744	8.650.204.623	36.462.643.367
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13(a))	12.350.992.823	-	12.350.992.823
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	40.163.431.567	8.650.204.623	48.813.636.190
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	6.095.034.877	5.140.971.045	11.236.005.922
Khấu hao trong năm	962.826.635	359.730.318	1.322.556.953
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13(a))	-	358.208.399	358.208.399
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	7.057.861.512	5.858.909.762	12.916.771.274
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	21.717.403.867	3.509.233.578	25.226.637.445
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	33.105.570.055	2.791.294.861	35.896.864.916

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất
	VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	34.911.821.575
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.150.911.918
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	31.760.909.657

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá chưa được xác định một cách chính thức. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

15 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	76.866.965.060	80.875.751.437
Mua mới	113.579.605.550	153.943.861.597
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 13(a))	(69.271.509.549)	(157.952.647.974)
Giảm khác	(5.621.092.203)	-
Số dư cuối năm	111.505.655.106	76.866.965.060

Chi tiết theo bản chất của chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	110.692.262.407	18.305.712.377
Đầu tư mua sắm	551.211.429	24.847.827.912
Sửa chữa lớn tài sản cố định	262.181.270	33.713.424.771
	111.505.655.106	76.866.965.060

Chi tiết các công trình lớn như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Cải tạo nhà xưởng, đầu tư thiết bị nấu tại Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh	56.970.919.540	16.985.510.914
Dự án bổ sung đầu tư nâng cao chất lượng bia	24.706.900.911	21.106.276.868
Dây chuyền đầu tư sản xuất bia cao cấp, tại Nhà máy Bia Sài Gòn - Củ Chi	-	5.795.957.288
Trung tâm hội nghị và nhà hàng tiệc cưới tại Nha Trang	-	2.485.484.179
Khác	29.827.834.655	30.493.735.811
	111.505.655.106	76.866.965.060



16 THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	5.080.932.000	12.644.500.066
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	131.741.483.511	108.660.149.303
	136.822.415.511	121.304.649.369
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	17.217.198.238	13.747.487.771

Biến động về thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	121.304.649.369	921.325.127.652
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(13.747.487.771)	(15.183.406.087)
Số dư đầu năm	107.557.161.598	906.141.721.565
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 38)	12.048.055.675	(798.584.559.967)
Số dư cuối năm	119.605.217.273	107.535.141.598
Trong đó:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	136.822.415.511	121.304.649.369
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(17.217.198.238)	(13.747.487.771)

Thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu phát sinh từ khoản phân bổ của lợi thế thương mại, lợi nhuận chưa thực hiện, các khoản dự phòng và lỗ tính thuế có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai.

17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2017	2016
	VND	VND
Bên thứ ba		
<i>Công ty Cổ phần Bao Bì SABECO Sông Lam</i>	108.900.145.517	137.409.303.068
<i>Công ty TNHH Asia Packaging Industries (Việt Nam)</i>	129.259.408.422	71.121.875.267
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka</i>	78.791.183.694	51.080.263.953
<i>Công ty TNHH Thương Mại & Vận tải Thái Tân</i>	58.746.716.645	67.784.461.002
<i>Khác</i>	722.924.236.361	681.747.609.619
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	921.777.971.845	1.007.018.530.668
	2.020.399.662.484	2.016.162.043.577

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có các khoản phải trả người bán ngắn hạn quá hạn chưa thanh toán với số tiền là 6.585.825.917 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 6.585.825.917 Đồng), là công nợ tồn đọng từ trước cổ phần hóa.

18 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2017	2016
	VND	VND
Bên thứ ba (*)	87.930.849.616	490.164.100.893
Bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	1.319.999.354	131.551.956
	89.250.848.970	490.295.652.849

(*) Người mua trả tiền trước ngắn hạn từ bên thứ ba chủ yếu thể hiện khoản trả trước tiền mua hàng từ người mua tại 10 công ty cổ phần thương mại của Tập đoàn.

19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	2017	2016
	VND	VND
		(Trình bày lại - Thuyết minh 44)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	662.818.389.348	566.126.076.445
Thuế thu nhập doanh nghiệp	404.303.468.506	221.199.924.457
Thuế giá trị gia tăng	86.312.950.068	156.011.523.718
Thuế thu nhập cá nhân	53.987.623.398	20.085.738.933
Khác	2.334.633.127	7.711.320.370
	1.209.757.064.447	971.134.583.923

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 09 - DN/HN



19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Biến động về thuế và các khoản phải nộp/phải thu Ngân sách Nhà nước được trình bày theo nguyên tắc thuần như sau:

	Tại ngày 1.1.2017		Số phát sinh trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Cán trừ/giảm khác trong năm		Tại ngày 31.12.2017	
	VND	(Trình bày lại - Thuyết minh 44)	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải trả										
Thuế giá trị gia tăng	156.011.523.718		12.065.636.883.692		(1.625.829.800.150)		(10.509.505.657.192)		86.312.950.068	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	566.126.076.445		6.771.375.254.626		(6.674.682.941.723)		-		662.818.389.348	
Thuế thu nhập cá nhân	20.085.738.933		191.192.264.339		(157.290.379.874)		-		53.987.623.398	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	221.199.924.457		1.140.540.458.945		(294.736.168.316)		(662.700.746.580)		404.303.468.506	
Thuế khác	7.711.320.370		62.767.740.608		(68.144.427.851)		-		2.334.633.128	
Phải thu										
Thuế giá trị gia tăng	133.125.768.230		10.488.572.175.522		-		(10.509.505.657.192)		112.192.286.560	
Thuế thu nhập doanh nghiệp thừa	664.808.325.180		-		-		(662.700.746.580)		2.107.578.600	
Thuế khác	12.848.811.175		170.031.464		-		(12.165.552.461)		1.084.039.149	
	810.782.904.585		10.488.742.206.986		-		(11.184.371.956.233)		115.153.155.338	

20 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	133.081.509.942	109.609.773.944
Chi phí vận chuyển và bốc dỡ	4.760.673.355	5.203.280.049
Chi phí mua TSCĐ, xây dựng cơ bản phải trả	7.992.180.846	6.150.864.833
Chi phí lãi vay	13.850.566.994	16.163.351.404
Chi phí mua nguyên vật liệu phải trả	2.606.664.505	5.735.836.630
Chi phí bao bì hao bể	8.024.138.266	-
Chi phí thuê kho	799.744.000	903.935.413
Chi phí bảo trì	386.421.818	-
Khác	25.024.053.522	82.810.795.110
	196.525.953.248	226.577.837.383

21 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

Phải trả ngắn hạn khác

	2017	2016
	VND	VND
		(Trình bày lại - Thuyết minh 40)
Cổ tức phải trả cho cổ đông của Tổng Công ty (Thuyết minh 27) (*)	1.443.498.507.825	207.879.301.875
Phải trả Nhà Nước cho phần đánh giá quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (**)	735.379.872.700	735.379.872.700
Ký quỹ, ký cược nhận được	187.756.893.824	242.200.647.385
Phải trả Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (***)	109.965.627.840	-
Cổ tức phải trả cho cổ đông thiểu số	77.890.155.840	14.090.898.196
Quỹ công tác xã hội	22.340.343.864	29.748.274.634
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh 41(b))	862.315.747	823.032.879
Tạm ứng thanh lý giải thể Quỹ đầu tư chứng khoán Sài Gòn A2 (****)	15.350.000.000	15.350.000.000
Khác	37.136.966.411	24.931.773.453
	2.630.180.684.051	1.270.403.801.122

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, số dư cổ tức phải trả bao gồm khoản cổ tức phải trả cho bên liên quan được trình bày ở Thuyết minh 41(b).

(**) Phải trả Nhà nước về cổ phần hóa được xác định trong tháng 03 năm 2010 bởi Tổ thẩm tra quyết toán cổ phần hóa gồm đại diện của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính theo Biên bản công tác quyết toán cổ phần hóa ngày 06 tháng 03 năm 2010 (Thuyết minh 13(b)).

(***) Tại ngày 30 tháng 01 năm 2018, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển trả số tiền này về tài khoản của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

(****) Quỹ Đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2 (SFA2) đang trong quá trình giải thể. Căn cứ Nghị quyết Đại hội Thành viên Thường niên 2011 ngày 16 tháng 12 năm 2011 của SFA2 và Biên bản họp Ban đại diện quỹ SFA2 số 01/2012/SFA2-BDDQ ngày 19 tháng 04 năm 2012, quỹ SFA2 đã chuyển trả 15.350.000.000 Đồng từ việc thanh lý tài sản của Quỹ này cho Tổng Công ty. Khoản tiền này sẽ được quyết toán và ghi giảm giá trị đầu tư khi quỹ này được chính thức giải thể. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Quỹ đầu tư chứng khoán Sài Gòn A2 vẫn chưa chính thức giải thể.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 09 - DN/HN



21 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

(b) Phải trả dài hạn khác

	2017	2016
	VND	VND
Tiền ký quỹ từ khách hàng	2.030.200.000	1.174.000.000
Tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước	51.602.316.000	51.602.316.000
	53.632.516.000	52.776.316.000

22 CÁC KHOẢN VAY

Vay ngắn hạn

	2017	2016
	VND	VND
Vay ngân hàng	720.042.938.660	1.030.103.966.113
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	2.861.043.120	12.205.701.757
	722.903.981.780	1.042.309.667.870

	Trong năm				Tại ngày 31.12.2017
	Tại ngày 1.1.2017	Tăng	Nợ dài hạn đến hạn trả	Giảm	
	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng (*)	1.030.103.966.113	3.541.517.218.824	-	(3.851.578.246.277)	720.042.938.660
Vay dài hạn đến hạn trả	12.205.701.757	-	2.861.043.120	(12.205.701.757)	2.861.043.120
	1.042.309.667.870	3.541.517.218.824	2.861.043.120	(3.863.783.948.034)	722.903.981.780

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng được trình bày như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Công thương Việt Nam	617.513.612.650	575.471.744.046
Ngân hàng TMCP Quốc tế	17.861.043.120	253.978.739.460
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	23.900.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	59.668.282.890	140.695.605.119
Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam	-	36.057.877.488
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	25.000.000.000	-
	720.042.938.660	1.030.103.966.113

Các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng là các khoản vay bằng tiền Đồng Việt Nam có thời hạn dưới một năm, có lãi suất biến động từ 4,1% đến 5,2% một năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi tiết kiệm, hàng tồn kho luân chuyển, các khoản phải thu, máy móc thiết bị và nhà cửa vật kiến trúc.

(b) Vay dài hạn

	2017	2016
	VND	VND
Vay ngân hàng	4.802.672.954	176.617.987.315
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(a))	(2.861.043.120)	(12.205.701.757)
	1.941.629.834	164.412.285.558

	Trong năm			
	Tại ngày 1.1.2017	Nợ dài hạn đến hạn trả	Giảm	Tại ngày 31.12.2017
	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng (*)	164.412.285.558	(2.861.043.120)	(159.609.612.604)	1.941.629.834

(*) Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng được trình bày như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quốc tế	4.802.672.954	112.025.142.404
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	61.210.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	-	3.382.844.911
	4.802.672.954	176.617.987.315



23 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	2017		2016	
	VND		VND	
Số dư đầu năm	330.524.839.871		299.092.046.550	
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 25)	317.017.513.338		323.201.222.599	
Điều chỉnh từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 25)	76.784.024.196		12.439.543.832	
Sử dụng quỹ	(427.583.646.445)		(304.207.973.110)	
Số dư cuối năm	296.742.730.960		330.524.839.871	

24 VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

Vào ngày 17 tháng 04 năm 2008, Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và phát hành 641.281.186 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 Đồng. Nhà nước bán ra công chúng 66.762.052 cổ phiếu vào ngày này. Tất cả các cổ phiếu có cùng các quyền, kể cả quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn vốn.

	2017		2016	
	Cổ phiếu phổ thông		Cổ phiếu phổ thông	
Số lượng cổ phiếu đăng ký	641.281.186		641.281.186	
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	641.281.186		641.281.186	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	641.281.186		641.281.186	

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Các cổ đông của Tổng Công ty gồm:

	2017		2016	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Bộ Công thương (*)	230.876.547	36	574.519.134	89,59
Công ty TNHH Vietnam Beverage (*)	343.642.587	53,59	-	-
Phần vốn của các đối tượng khác	66.762.052	10,41	66.762.052	10,41
	641.281.186	100	641.281.186	100

(*) Theo Quyết định số 1034/QĐ-BCT ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Bộ Công Thương, trong năm 2017, Bộ Công thương đã thực hiện thoái vốn tại Tổng Công ty. Vào ngày 27 tháng 12 năm 2017, nhà đầu tư đã chuyển trả số tiền chuyển nhượng là 109.965.627.840.000 Đồng tương đương với 343.642.587 cổ phần, tương ứng 53,59% vốn cổ phần của Tổng Công ty.

Vào ngày 29 tháng 12 năm 2017, Công ty TNHH Việt Nam Beverage, một công ty thành lập tại Việt Nam, với việc sở hữu 343.642.587 cổ phần tương ứng 53,59% vốn điều lệ của Tổng Công ty, đã chính thức trở thành cổ đông lớn nhất của Tổng Công ty; và Bộ Công thương chỉ còn nắm giữ 36,0024% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2016	641.281.186
Cổ phiếu mới phát hành	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	641.281.186
Cổ phiếu mới phát hành	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	641.281.186



25 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Tổng Công ty	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
							(Trình bày lại - Thuyết minh 44)			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 (Trình bày lại - Thuyết minh 44)	6.412.811.860.000	3.208.666.226	(25.550.000.000)	14.239.683.180	1.100.003.125.251	6.108.534.627	3.583.247.906.218	11.094.069.775.502	995.617.570.458	12.089.687.345.960
Lợi nhuận trong năm (Trình bày lại - Thuyết minh 44)	-	-	-	-	-	-	4.338.773.356.882	4.338.773.356.882	178.570.083.758	4.517.343.440.640
Trích lập quỹ	-	-	-	-	18.278.639.620	1.000.000.000	(19.278.639.620)	-	-	-
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	2.100.000.000	-	-	-	-	2.100.000.000	-	2.100.000.000
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	2.766.916.899	-	-	-	2.766.916.899	-	2.766.916.899
Chia cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	-	(3.846.349.230.840)	(3.846.349.230.840)	(97.479.390.440)	(3.943.828.621.280)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	-	(297.100.139.757)	(297.100.139.757)	(26.101.082.842)	(323.201.222.599)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	-	(10.616.440.498)	(10.616.440.498)	(1.823.103.334)	(12.439.543.832)
Trích lập quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	-	-	(31.736.999.999)	(31.736.999.999)	(30.774.072)	(31.767.774.071)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	-	-	(2.262.000.000)	(2.262.000.000)	-	(2.262.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(1.067.797.588)	(1.035.282.458)	(2.103.080.046)	-	(2.103.080.046)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông thiểu số	-	-	-	-	116.530.439	-	84.211.209	200.741.648	(598.831.647)	(398.089.999)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại - Thuyết minh 44)	6.412.811.860.000	3.208.666.226	(23.450.000.000)	17.006.600.079	1.118.398.295.310	6.040.737.039	3.713.726.741.137	11.247.742.899.791	1.048.154.471.881	12.295.897.371.672
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	4.711.485.204.581	4.711.485.204.581	237.114.047.283	4.948.599.251.864
Trích lập quỹ	-	-	-	-	565.187.330	687.800.000	(1.252.987.330)	-	-	-
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	23.450.000.000	-	-	-	-	23.450.000.000	-	23.450.000.000
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	2.107.171.896	-	-	-	2.107.171.896	-	2.107.171.896
Chia cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	-	(2.244.484.151.000)	(2.244.484.151.000)	(239.876.818.585)	(2.484.360.969.585)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	-	(277.761.723.609)	(277.761.723.609)	(39.255.789.729)	(317.017.513.338)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	-	(72.078.210.228)	(72.078.210.228)	(4.705.813.968)	(76.784.024.196)
Trích lập quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	-	-	(47.311.058.568)	(47.311.058.568)	-	(47.311.058.568)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	-	-	(10.892.000.000)	(10.892.000.000)	-	(10.892.000.000)
Tặng khác	-	-	-	-	-	(1.401.424.375)	52.472.083.591	51.070.659.216	34.987.070.710	86.057.729.926
Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	-	743.075.277	743.075.277
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	6.412.811.860.000	3.208.666.226	-	19.113.771.975	1.118.963.482.640	5.327.112.664	5.823.903.898.574	13.383.328.792.079	1.037.160.242.869	14.420.489.034.948



26 LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Chi tiết của cổ đông không kiểm soát như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	607.132.123.276	607.313.627.176
Thặng dư vốn cổ phần	5.350.004.931	5.350.004.931
Vốn khác của chủ sở hữu	2.948.820.296	2.948.820.295
Cổ phiếu quỹ	(506.764.236)	(497.854.236)
Quỹ đầu tư phát triển	204.887.168.483	204.512.652.374
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7.734.726.350	5.077.271.969
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	209.614.163.769	223.449.949.372
	1.037.160.242.869	1.048.154.471.881

27 CỔ TỨC

Biến động về cổ tức phải trả trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	207.879.301.875	10.297.038.425
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 25)	2.244.484.151.000	3.846.349.230.840
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(1.008.864.945.050)	(3.648.766.967.390)
Số dư cuối năm (Thuyết minh 21(a))	1.443.498.507.825	207.879.301.875

28 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Ngoại tệ các loại

	2017	2016
Ngoại tệ các loại:		
USD	2.757.372	762.958
Euro	12.397	65.014

(b) Tài sản thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang là 1.114.768.207.340 Đồng và 1.368.122.525.081 Đồng tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016 (Thuyết minh 42(a)).

29 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần sau khi loại trừ phần trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế, phân bổ cho các cổ đông chính chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2017	2016
		(Trình bày lại - Thuyết minh 44)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	4.711.485.204.581	4.338.773.356.882
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(277.761.723.609)	(369.178.349.985)
	4.433.723.480.972	3.969.595.006.897
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	641.164.932	640.916.186
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu tính trên bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (VND)	6.915	6.194

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 dựa trên số tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị.

Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh theo số thực trích từ lợi nhuận để lại của năm trước, theo Nghị quyết nêu trên. Theo đó, lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được tính lại theo số trích quỹ khen thưởng phúc lợi điều chỉnh (số liệu trước điều chỉnh là 6.442 Đồng/cổ phiếu).

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm.

Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm ẩn có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.



30 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2017	2016
	VND	VND
		(Trình bày lại - Thuyết minh 44)
Doanh thu bia	29.838.464.041.901	26.333.316.845.272
Doanh thu bao bì, vật tư	4.058.768.492.587	3.635.340.700.918
Doanh thu nước giải khát	356.907.769.842	450.140.918.836
Doanh thu cồn, rượu	88.467.592.781	69.968.351.663
Doanh thu khác	95.563.151.481	113.679.499.867
	34.438.171.048.592	30.602.446.316.556
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(244.231.824.563)	(134.615.130.113)
Hàng bán bị trả lại	(548.669.790)	(1.137.449.600)
	(244.780.494.353)	(135.752.579.713)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.193.390.554.239	30.466.693.736.843

31 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2017	2016
	VND	VND
Giá vốn bia	21.180.245.329.075	18.468.615.975.505
Giá vốn bao bì, vật tư	3.801.459.739.918	3.467.732.511.424
Giá vốn nước giải khát	257.893.112.663	293.472.023.753
Giá vốn cồn, rượu	87.810.235.302	67.592.108.571
Giá vốn khác	464.072.704	2.241.990.402
	25.327.872.489.662	22.299.654.609.655

32 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2017	2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	453.751.364.352	469.858.298.854
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	22.725.562.057	215.654.467.486
Cổ tức, lợi nhuận được chia	28.363.184.875	55.393.932.322
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.233.543.639	5.244.111.551
Doanh thu hoạt động tài chính khác	33.975.631	4.890.259.776
	506.107.630.554	751.041.069.989

33 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2017	2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	42.111.534.689	82.182.081.908
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.869.281.870	1.409.348.052
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(74.325.545.861)	(15.274.107.480)
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	105.642.811	1.405.639
Chi phí tài chính khác	3.433.411.813	345.472.666
	(25.805.674.678)	68.664.200.785

34 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	1.221.293.670.173	1.299.656.777.159
Chi phí nhân viên	675.630.943.373	585.136.328.177
Chi phí nguyên vật liệu	322.630.442.134	314.743.401.156
Chi phí thuê	127.579.848.648	149.388.381.079
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.318.760.712	24.623.933.631
Chi phí vận chuyển, bốc vác	127.175.923.147	114.414.212.333
Chi phí khác	313.482.286.313	183.943.317.236
	2.811.111.874.500	2.671.906.350.771

35 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2017	2016
	VND	VND
		(Trình bày lại - Thuyết minh 44)
Chi phí nhân viên	415.949.482.135	355.127.609.643
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.776.445.925	32.059.090.031
Chi phí thuê	43.476.539.135	37.672.386.587
Chi phí vật liệu, dụng cụ	12.990.107.606	12.349.220.976
Chi phí khác	422.782.222.735	343.702.719.495
	935.974.797.536	780.911.026.732



36 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2017	2016
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu từ thanh lý phế liệu và bồi thường chai bể	79.231.349.400	68.391.050.691
Lãi do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.948.840.535	20.635.059.577
Lợi thế thương mại	-	26.754.870.177
Khác	22.959.273.282	22.833.349.499
	106.139.463.217	138.614.329.944
Chi phí khác		
Giá vốn thanh lý phế liệu, chai bể	(53.028.914.505)	(82.675.001.544)
Khác	(38.237.525.742)	(30.844.218.506)
	(91.266.440.247)	(113.519.220.050)
Lợi nhuận khác	14.873.022.970	25.095.109.894

37 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2017	2016
	VND	VND
		(Trình bày lại - Thuyết minh 44)
Chi phí nguyên vật liệu	5.248.509.369.102	5.395.301.012.939
Chi phí nhân công	1.571.080.669.900	1.390.903.406.074
Chi phí khấu hao tài sản cố định	625.353.451.649	632.464.161.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.543.568.917.242	2.331.825.527.941
Chi phí chung khác	500.989.752.000	363.504.938.887
	10.489.502.159.893	10.113.999.047.721

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố chỉ thể hiện hoạt động sản xuất của Tập đoàn.

38 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Tập đoàn là 20% thu nhập tính thuế.

Một số công ty con được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép đầu tư tương ứng và các qui định thuế hiện hành.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty khác với số thuế khi được tính theo quy định hiện hành và được thể hiện như sau:

	2017	2016
	VND	VND
		(Trình bày lại - Thuyết minh 44)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.077.091.655.134	5.727.343.407.406
Thuế tính ở thuế suất 20%	1.215.418.331.027	1.145.468.681.481
Điều chỉnh:		
Chênh lệch thuế suất giữa các công ty trong Tập đoàn	(16.414.547.642)	5.916.222.092
Thu nhập không chịu thuế	(73.470.690.139)	(81.739.526.356)
Chi phí không được khấu trừ	13.704.739.068	161.864.905.762
Ưu đãi thuế	(14.137.538.269)	(23.543.784.256)
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(481.010.731)
Dự phòng thiếu của năm trước	2.925.904.804	960.284.243
Khác	466.204.414	1.554.194.531
Chi phí thuế TNDN (*)	1.128.492.403.270	1.209.999.966.766
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	1.140.540.458.945	411.415.406.799
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 16)	(12.048.055.675)	798.584.559.967
	1.128.492.403.270	1.209.999.966.766

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.



39 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Doanh thu, giá vốn theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn như sau:

2017				
	Thành phẩm	Nguyên vật liệu và hàng hóa	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	30.043.508.607.902	4.058.768.492.587	91.113.453.750	34.193.390.554.239
Giá vốn	(21.525.948.677.040)	(3.801.459.739.918)	(464.072.704)	(25.327.872.489.662)
	8.517.559.930.862	257.308.752.669	90.649.381.046	8.865.518.064.577

2016				
	Thành phẩm	Nguyên vật liệu và hàng hóa	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	26.717.673.536.058	3.635.340.700.918	113.679.499.867	30.466.693.736.843
Giá vốn	(18.829.680.107.829)	(3.467.732.511.424)	(2.241.990.402)	(22.299.654.609.655)
	7.887.993.428.229	167.608.189.494	111.437.509.465	8.167.039.127.188

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu, giá vốn bộ phận dựa vào vị trí địa lý của Tập đoàn như sau:

	2017		
	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	33.634.836.924.083	558.553.630.156	34.193.390.554.239
Giá vốn	(24.846.676.327.152)	(481.196.162.511)	(25.327.872.489.662)
	8.788.160.596.932	77.357.467.645	8.865.518.064.577

	2016		
	Trong nước	Xuất khẩu	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	30.207.363.153.015	259.330.583.828	30.466.693.736.843
Giá vốn	(22.083.206.206.432)	(216.448.403.223)	(22.299.654.609.655)
	8.124.156.946.583	42.882.180.605	8.167.039.127.188

Thị trường xuất khẩu chủ yếu của Tập đoàn là các nước ở khu vực Tây Phi, Châu Âu và Châu Á.

40 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	2017	2016
	VND	VND
Giá trị tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác mua trong năm nhưng chưa thanh toán	72.791.861.507	115.994.615.607

(b) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	2017	2016
	VND	VND
Vay theo kế ước thông thường	3.500.552.247.054	3.880.680.269.651

(c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	2017	2016
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	3.982.428.588.868	4.336.074.219.633



40 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

(d) Các khoản tiền do Tập đoàn nắm giữ nhưng không được sử dụng

	2017	2016
	VND	VND
Tiền giữ hộ Bộ Công thương để thanh toán các khoản chi phí tạm tính liên quan đến quá trình thoái vốn của Bộ Công Thương (Thuyết minh 3)	115.117.546.210	-

(e) Số tiền chuyển nhượng vốn cổ phần thu hộ Bộ Công thương

	2017	2016
	VND	VND
Thu tiền chuyển nhượng vốn cổ phần từ Công ty TNHH Vietnam Beverage	109.965.627.840.000	-
Thu tiền chuyển nhượng vốn cổ phần từ nhà đầu tư khác	640.000.000	-

(f) Số tiền chuyển nhượng vốn cổ phần thu hộ Bộ Công thương và đã chuyển trả

	2017	2016
	VND	VND
Trả tiền chuyển nhượng vốn cổ phần cho Quỹ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	109.851.150.293.790	-

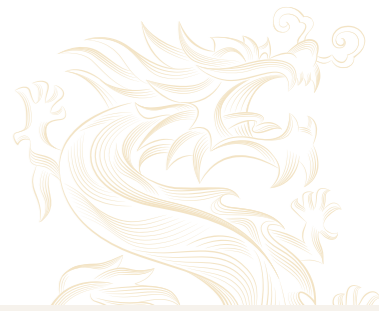
41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trước ngày 29 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn được kiểm soát bởi Bộ Công thương do nắm trên 89% cổ phần có quyền biểu quyết của Tập đoàn. Từ ngày 29 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn được kiểm soát bởi Công ty TNHH Vietnam Beverage do nắm 53,59% cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tập đoàn. Công ty mẹ cao nhất là Công ty Thai Beverage Public Company Limited, một công ty được thành lập tại Vương quốc Thái Lan.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2017	2016
	VND	VND
i) Doanh thu bán nguyên vật liệu		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Lý	371.340.153.370	378.279.534.950
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	352.585.150.375	140.229.677.833
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	297.944.729.394	285.023.319.714
Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya Việt Nam	107.079.000	-
Công ty TNHH Bao bì Samiguel Phú Thọ	1.287.936.000	298.144.919.288
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bình Tây	612.064.805.592	661.577.735.653
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	410.463.186.342	111.863.060.890
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	101.472.242.985	107.968.370.275
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	401.579.818.523	417.305.672.478
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	270.582.272.060	265.027.999.771
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	393.321.044.804	155.416.871.305
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	408.627.837.332	-
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	4.168.790	-
	3.621.380.424.567	2.680.859.321.671
ii) Doanh thu khác		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	17.167.999	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	15.000.000	-
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	-	100.617.176
	32.167.999	100.617.176
iii) Doanh thu bán rượu		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bình Tây	13.081.553.660	-
iv) Doanh thu khác		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Lý	147.112.500	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	203.825.000	-
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	864.512.510	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bình Tây	2.388.979.176	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	2.632.422.269	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	3.468.279.757	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	4.656.215.908	1.600.858.098
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	1.622.951.580	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	200.000.000	-
	16.184.298.700	1.600.858.098



41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2017	2016
	VND	VND
v) Cổ tức nhận được		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Lý	12.230.750.000	4.892.300.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	10.579.500.000	10.579.500.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	1.591.200.000	-
Công ty Cổ phần Bia Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	6.983.307.000	6.692.500.000
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	26.431.342.966	-
Công ty TNHH Crown Sài Gòn	146.158.925.378	64.947.951.667
Công ty TNHH Bao bì Samiguel Phú Thọ	7.962.500.000	3.893.750.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bình Tây	31.831.553.660	12.540.300.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	24.043.407.500	15.487.500.800
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	8.408.400.000	5.005.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	4.950.000.000	1.980.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	7.500.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	4.300.000.000	5.000.000.000
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	7.000.000.000	8.000.000.000
	299.970.886.504	142.018.802.467
vi) Mua hàng hóa và nguyên vật liệu		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Lý	981.122.936.950	949.900.735.220
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	942.437.850.200	786.467.044.879
Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn Tây Đô	888.092.819.660	878.149.676.756
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	1.759.433.695.486	1.412.992.733.830
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	198.239.602.180	180.906.456.360
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Phú Thọ	160.605.672.400	162.247.328.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bình Tây	2.157.066.418.550	2.275.264.260.690
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	1.498.068.655.780	636.327.969.388
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	586.428.120.500	624.941.031.340
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	1.071.582.114.019	1.065.835.361.517
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	1.099.241.068.520	1.004.725.847.050
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	1.345.905.441.695	732.924.109.440
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	1.064.942.558.317	-
	13.753.166.954.257	10.710.682.554.470

	2017	2016
	VND	VND
vii) Mua dịch vụ vận tải		
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	1.775.280.631.715	1.666.176.445.857
viii) Nguyên giá TSCĐ hữu hình, bất động sản đầu tư cho các công ty liên kết thuê		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	63.606.926.486	63.606.926.486
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	61.026.543.585	61.026.543.585
	124.633.470.071	124.633.470.071
ix) Góp vốn bằng tiền		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	20.000.000.000	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	20.000.000.000	
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	-	3.000.000.000
	40.000.000.000	3.000.000.000
x) Các khoản chi cho nhân sự chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	16.441.814.751	10.811.235.903

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2017	2016
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Lương thực - Thực phẩm Trường Sa	2.319.240.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Lý	13.417.740.094	41.023.814.802
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	5.648.817.406	36.840.775.892
Công ty Cổ phần Bia Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	3.831.030.858	119.517.097.392
Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya Việt Nam	108.220.200	-
Công ty TNHH Bao bì Samiguel Phú Thọ	185.116.800	107.008.000
Công ty TNHH Sản xuất Rượu Cồn Việt Nam	-	1.855.700.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bình Tây	7.915.048.569	59.678.523.859
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	3.933.250.925	12.733.083.100
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	617.388.182	7.283.525.880
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	2.589.344.877	33.177.905.304
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	4.450.827.166	36.297.384.678
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	12.046.298.380	28.820.242.068
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	3.653.742.102	28.347.828.030
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	17.949.417	-
	60.734.014.976	405.682.889.005

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 09 - DN/HN



41 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2017	2016
	VND	VND
Trả trước ngắn hạn cho người bán (Thuyết minh 6)		
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	1.659.200	1.659.200
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))		
i) Phải thu từ góp vốn bằng quyền sử dụng đất từ bên liên quan		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Tân Thành	277.230.733.543	277.230.733.543
ii) Phải thu cổ tức		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	3.025.172.453	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	734.911.676	325.000.000
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	8.289.369	162.062.575
	3.768.373.498	487.062.575
iii) Phải thu khác từ các bên liên quan		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	691.210.488	10.675.771.029
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	89.868.378	83.916.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	-	930.696.260
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	-	496.718.521
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	-	1.114.686.039
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	-	348.526.333
	781.078.866	13.632.314.182
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 17)		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Lương thực - Thực phẩm SABECO	664.446.000	769.765.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Lý	19.571.068.000	45.929.503.334
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	24.891.438.000	16.276.994.800
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	26.368.874.356	109.676.927.840
Công ty TNHH Crown Sài Gòn	262.095.508.855	236.759.057.331
Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya Việt Nam	40.077.461.556	23.422.863.420
Công ty TNHH Bao bì Samiguel Phú Thọ	21.639.640.000	15.290.440.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bình Tây	56.286.113.565	134.379.078.637
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	32.647.521.270	36.631.119.635
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	18.116.463.860	10.899.273.770
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Ninh Thuận	29.045.628.311	19.889.645.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	8.908.347.338	10.055.674.640
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	31.049.297.290	25.921.757.290

	2017	2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	10.606.197.800	22.027.600.100
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	339.809.965.644	299.088.828.871
	921.777.971.845	1.007.018.530.668
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	633.089.405	73.831.956
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	686.909.949	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	-	57.720.000
	1.319.999.354	131.551.956
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 21(a))		
i) Cổ tức phải trả		
<i>Công ty mẹ</i>		
Công ty TNHH Vietnam Beverage	1.202.749.054.500	-
ii) Phải trả khác		
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam	340.000.000	340.000.000
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	39.282.868	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bình Tây	287.780.949	287.780.949
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	195.251.930	195.251.930
	862.315.747	823.032.879

42 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Thuê văn phòng và thuê đất	
	2017	2016
	VND	VND
Dưới 1 năm	166.960.962.117	209.349.783.071
Từ 1 đến 5 năm	424.934.364.668	540.541.563.562
Trên 5 năm	522.872.880.555	618.231.178.448
	1.114.768.207.340	1.368.122.525.081



42 CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào các báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	41.655.955.772	70.433.335.200

43 NỢ TIỀM TÀNG

Theo Thông báo số 155/KTNN-TH ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Kiểm toán Nhà nước (“KTNN”) về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2016 của Tổng Công ty và các công ty con, KTNN yêu cầu Tổng Công ty nộp lợi nhuận còn lại từ năm 2016 trở về trước sau khi điều chỉnh kết quả kiểm toán của KTNN vào Ngân sách Nhà nước phân bổ tức chia cho Bộ Công thương theo tỷ lệ góp vốn 89,59% với số tiền là 2.495 tỷ Đồng và chia cổ tức cho các cổ đông không kiểm soát theo tỷ lệ góp vốn 10,41% với số tiền là 289 tỷ Đồng.

Theo Quyết định số 1034/QĐ-BCT ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Bộ Công Thương, trong năm 2017, Bộ Công Thương đã thực hiện thoái vốn tại Tổng Công ty. Vào ngày 27 tháng 12 năm 2017, nhà đầu tư đã chuyển trả số tiền chuyển nhượng là 109.965.627.840.000 Đồng tương đương với 343.642.587 cổ phần, tương ứng 53,59% vốn cổ phần của Tổng Công ty. Vào ngày 29 tháng 12 năm 2017, Công ty TNHH Việt Nam Beverage, một công ty thành lập tại Việt Nam, với việc sở hữu 343.642.587 cổ phần tương ứng 53,59% vốn điều lệ của Tổng Công ty, đã chính thức trở thành cổ đông lớn nhất của Tổng Công ty; và Bộ Công Thương còn nắm giữ 36,0024% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Theo Điều 135 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 (“Luật Doanh nghiệp”), Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần và có quyền quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho rằng Đại hội đồng cổ đông chưa phê duyệt quyết định phân chia cổ tức cho Bộ Công thương và các cổ đông không kiểm soát như đề xuất của KTNN nên Tổng Công ty chưa có đủ cơ sở để ghi nhận khoản phải trả này, do đó, Tổng Công ty chỉ thuyết minh là một khoản nợ tiềm tàng trên báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày của báo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình xin ý kiến các cấp thẩm quyền về vấn đề này.

44 TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC VÀ SỐ LIỆU SO SÁNH

Căn cứ vào Thông báo số 155/KTNN-TH ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Kiểm toán Nhà nước (“KTNN”) về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2016 của Tổng Công ty và các công ty con, Ban Tổng Giám đốc đã quyết định trình bày lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngoài ra, một số số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay và theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 24 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”).

a) Ảnh hưởng việc phân loại lại và trình bày lại trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Mã số	Khoản mục	Số theo báo cáo trước đây	Phân loại lại	Trình bày lại	Số liệu trình bày lại
		VND	VND	VND	VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	10.714.345.997.642	8.144.087.115	(19.897.282)	10.722.470.187.475
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.090.133.038.030	-	351.086.615	1.090.484.124.645
136	Phải thu ngắn hạn khác	401.803.944.623	-	351.086.615	402.155.031.238
140	Hàng tồn kho	2.126.217.402.717	8.144.087.115	-	2.134.361.489.832
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(44.827.866.537)	8.144.087.115	-	(36.683.779.422)
150	Tài sản ngắn hạn khác	878.848.938.176	-	(370.983.897)	878.477.954.279
152	Thuế GTGT được khấu trừ	133.496.752.127	-	(370.983.897)	133.125.768.230
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	8.478.519.181.688	(8.144.087.115)	1.902.427.454	8.472.277.522.027
210	Các khoản phải thu dài hạn	38.348.696.296	(20.868.879.905)	-	17.479.816.391
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(17.472.127.344)	(20.868.879.905)	-	(38.341.007.249)
220	Tài sản cố định	5.462.593.961.444	9.493.862.491	1.802.343.852	5.473.890.167.787
221	Tài sản cố định hữu hình	4.478.036.884.064	9.493.862.491	1.323.502.888	4.488.854.249.443
222	Nguyên giá	9.163.284.050.415	23.319.969.545	-	9.186.604.019.960
223	Giá trị khấu hao lũy kế	(4.685.247.166.351)	(13.826.107.054)	1.323.502.888	(4.697.749.770.517)
227	Tài sản cố định vô hình	984.557.077.380	-	478.840.964	985.035.918.344
228	Nguyên giá	1.098.567.100.615	-	423.000.000	1.098.990.100.615
229	Giá trị khấu hao lũy kế	(114.010.023.235)	-	55.840.964	(113.954.182.271)
230	Bất động sản đầu tư	66.481.409.593	(9.493.862.491)	-	56.987.547.102
231	Nguyên giá	94.694.434.487	(23.319.969.545)	-	71.374.464.942
232	Giá trị khấu hao lũy kế	(28.213.024.894)	13.826.107.054	-	(14.386.917.840)
240	Tài sản dở dang dài hạn	76.788.901.460	-	78.063.600	76.866.965.060
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	76.788.901.460	-	78.063.600	76.866.965.060
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.938.640.880.750	20.868.879.905	-	1.959.509.760.655
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(447.509.484.884)	20.868.879.905	-	(426.640.604.979)
260	Tài sản dài hạn khác	895.665.332.145	(8.144.087.115)	22.020.002	887.543.265.032
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	121.282.629.367	-	22.020.002	121.304.649.369
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	18.027.097.333	(8.144.087.115)	-	9.883.010.218
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	19.192.865.179.330	-	1.882.530.172	19.194.747.709.502



44 TRÌNH BÀY LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC VÀ SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

a) Ảnh hưởng việc phân loại lại và trình bày lại trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mã số	Khoản mục	Số theo báo cáo trước đây	Phân loại lại	Trình bày lại	Số liệu trình bày lại
		VND	VND	VND	VND
300	NỢ PHẢI TRẢ	6.759.685.108.734	-	VND	
310	Nợ ngắn hạn	6.473.888.596.700	-	139.127.829.096	6.898.812.937.830
311	Phải trả người bán ngắn hạn	1.876.185.779.562	144.057.086.869	139.127.829.096	6.613.016.425.796
313	Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước (*)	803.768.788.712	-	(4.080.822.854)	2.016.162.043.577
314	Phải trả người lao động	265.148.741.919	-	167.365.795.211	971.134.583.923
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	375.961.711.691	(144.057.086.869)	(340.742.718)	264.807.999.201
319	Phải trả ngắn hạn khác	1.288.893.414.226	-	(5.326.787.439)	226.577.837.383
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	12.433.180.070.596	-	(18.489.613.104)	1.270.403.801.122
410	Vốn chủ sở hữu	12.433.142.670.596	-	(137.245.298.924)	12.295.934.771.672
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	3.852.925.251.055	-	(137.245.298.924)	12.295.897.371.672
421a	- LNST chưa phân phối của các năm trước	2.229.887.250.407	(593.029.168.372)	(139.198.509.918)	3.713.726.741.137
421b	- LNST chưa phân phối năm nay	1.623.038.000.648	593.029.168.372	-	1.636.858.082.035
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1.046.201.260.887	-	(139.198.509.918)	2.076.868.659.102
440	TỔNG CÔNG NGUỒN VỐN	19.192.865.179.330	-	1.953.210.994	1.048.154.471.881
				1.882.530.172	19.194.747.709.502

(*) Khoản điều chỉnh 168.369.843.871 Đồng chủ yếu bao gồm khoản thuế TNDN mà Tổng Công ty phải nộp thêm. Theo quan điểm của KTNN, số thuế tiêu thụ đặc biệt ("thuế TTĐB") bị truy thu cho giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2009 mà Tổng Công ty đã nộp thay cho các công ty con và các công ty liên kết không được khấu trừ khi tính thuế TNDN của năm 2016 do Bộ Tài Chính hướng dẫn Tổng Công ty sử dụng nguồn lợi nhuận chưa phân phối từ năm 2015 trở về trước để nộp Ngân sách Nhà nước số thuế TTĐB truy thu giai đoạn từ năm 2007 - 2009. Tuy nhiên, Tổng Công ty đã hạch toán toàn bộ thuế TTĐB bị truy thu giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2009 vào chi phí tính thuế TNDN năm 2016.

Mã số	Khoản mục	Số theo báo cáo trước đây	Phân loại lại	Trình bày lại	Số liệu trình bày lại
		VND	VND	VND	VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.603.273.412.475	-	(827.095.919)	30.602.446.316.556
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(34.595.644.700)	(101.156.935.013)	-	(135.752.579.713)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.568.677.767.775	(101.156.935.013)	(827.095.919)	30.466.693.736.843
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(22.301.142.642.021)	-	1.488.032.366	(22.299.654.609.655)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.267.535.125.754	(101.156.935.013)	660.936.447	8.167.039.127.188
25	Chi phí bán hàng	(2.781.731.453.998)	101.156.935.013	8.668.168.214	(2.671.906.350.771)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(781.828.733.942)	-	917.707.210	(780.911.026.732)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.692.001.485.641	-	10.246.811.871	5.702.248.297.512
31	Thu nhập khác	128.295.160.294	-	10.319.169.650	138.614.329.944
32	Chi phí khác	(112.898.420.059)	-	(620.799.991)	(113.519.220.050)
40	Lợi nhuận khác	15.396.740.235	-	9.698.369.659	25.095.109.894
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.707.398.225.876	-	19.945.181.530	5.727.343.407.406
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(254.202.906.344)	-	(157.212.500.455)	(411.415.406.799)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(798.606.579.969)	-	22.020.002	(798.584.559.967)
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.654.588.739.563	-	(137.245.298.923)	4.517.343.440.640
Phân bổ cho:					
61	Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty	4.477.971.866.799	-	(139.198.509.917)	4.338.773.356.882
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	176.616.872.764	-	1.953.210.994	178.570.083.758

Mã số	Khoản mục	Số theo báo cáo trước đây	Trình bày lại	Số liệu trình bày lại
		VND	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIẾN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1	Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.707.398.225.876	19.945.181.530	5.727.343.407.406
Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	633.843.505.732	(1.379.343.852)	632.464.161.880
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	5.362.990.363.421	18.565.837.678	5.381.556.201.099
09	Tăng các khoản phải thu	(106.157.403.769)	19.897.282	(106.137.506.487)
11	Giảm các khoản phải trả	(2.728.864.307.435)	(186.915.733.057)	(2.915.780.040.492)
17	Tiến chi khác cho hoạt động kinh doanh	(347.987.375.203)	43.779.402.093	(304.207.973.110)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	843.923.832.739	(124.550.596.004)	719.373.236.735
LƯU CHUYỂN TIẾN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(280.897.550.560)	124.550.596.004	(156.346.954.556)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.128.007.854.530)	124.550.596.004	(1.003.457.258.526)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(4.491.141.016.519)	-	(4.491.141.016.519)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ngoài việc trình bày lại báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo kết quả kiểm toán của KTNN, Tập đoàn cũng trình bày lại số liệu của thuyết minh chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố như sau:

	Theo báo cáo trước đây	Trình bày lại	Số liệu trình bày lại
	VND	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	19.389.038.176.140	(13.993.737.163.201)	5.395.301.012.939
Chi phí nhân công	1.440.162.367.017	(49.258.960.943)	1.390.903.406.074
Chi phí khấu hao	633.843.505.732	(1.379.343.852)	632.464.161.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.294.642.444.456	37.183.083.485	2.331.825.527.941
Chi phí chung khác	2.440.751.983.587	(2.077.247.044.700)	363.504.938.887
	26.198.438.476.932	(16.084.439.429.211)	10.113.999.047.721

Theo Thông tư 200, đối với doanh nghiệp có hoạt động thương mại, chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố không bao gồm giá mua hàng hóa. Tập đoàn đã trình bày lại chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo quy định của Thông tư 200.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt ngày 02 tháng 04 năm 2018.

Hoàng Thanh Vân
Người lập

Nguyễn Tiến Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 02 tháng 04 năm 2018.